

DANH SÁCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Năm học 2022-2023 học kỳ 2 - Đợt thi : ĐTQT kế hoạch thi HK chính (đợt 1) K63 HKII-22-23(8/05-22/7/23)

Mã học phần:BS0.104.2

Tên học phần:Lý thuyết xác suất

Số TC :2

Mã DST:BS0.104.2_03/07/2023_1_1BS0.104.2-1-2-22(QT01) Thi tại : 301-A8

Ngày thi:03/07/2023

Ca thi:

Ca 1 (07:00 - 09:00)

Phòng số:1

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	1	222630516	✓ Mai Thị Mỹ Anh	K63.KTTHVA(QT)1	5.8	10		Anh	
2	2	222630521	✓ Trần Doanh Anh	K63.KTTHVA(QT)1	4.3	35		Anh	
3	3	222600522	✓ Trần Phương Anh	K63.KTTHVA(QT)1	3.0	31		Anh	
4	4	222630523	✓ Nguyễn Ngọc Ánh	K63.KTTHVA(QT)1	2.8	40		Anh	
5	5	222630525	✓ Đỗ Dương Quỳnh Chi	K63.KTTHVA(QT)1	6.3	10		Chi	
6	6	222630526	✓ Đỗ Ngọc Duy	K63.KTTHVA(QT)1	6.0	35		Duy	
7	7	222630529	✓ Lại Quỳnh Giang	K63.KTTHVA(QT)1	2.5	31		Giang	
8	8	222630530	✓ Trần Thị Phương Giang	K63.KTTHVA(QT)1	2.5	35		Giang	
9	9	222630531	✓ Dương Thu Hà	K63.KTTHVA(QT)1	1.8	10		Hà	
10	10	222630533	✓ Phạm Minh Hằng	K63.KTTHVA(QT)1	5.3	40		Hằng	
11	11	222630534	✓ Đỗ Thị Thu Hiền	K63.KTTHVA(QT)1	5.0	10		Hiền	
12	12	222630535	✓ Nguyễn Thị Hiền	K63.KTTHVA(QT)1	5.8	40		Hiền	
13	13	222630538	Nguyễn Mạnh Hòa	K63.KTTHVA(QT)1					
14	14	222630542	✓ Phan Thị Ngọc Huyền	K63.KTTHVA(QT)1	5.0	10		Huyền	
15	15	222630543	✓ Tống Khánh Huyền	K63.KTTHVA(QT)1	2.5	31		Huyền	
16	16	222610545	✓ Trần Thu Huyền	K63.KTTHVA(QT)1	2.5	10		Huyền	
17	17	222630546	✓ Lưu Thị Ngọc Khánh	K63.KTTHVA(QT)1	4.0	31		Khánh	
18	18	222600549	✓ Vũ Tùng Lâm	K63.KTTHVA(QT)1	0.3	40		Lâm	
19	19	222630552	✓ Đoàn Mai Linh	K63.KTTHVA(QT)1	5.3	10		Linh	
20	20	222630553	✓ Hoàng Khánh Linh	K63.KTTHVA(QT)1	5.8	35		Linh	
21	21	222630554	✓ Nguyễn Phương Bảo Linh	K63.KTTHVA(QT)1	1.0	31		Linh	
22	22	222630559	✓ Dương Phương Loan	K63.KTTHVA(QT)1	2.5	40		Loan	
23	23	222630561	✓ Nguyễn Thị Mai	K63.KTTHVA(QT)1	9.3	10		Mai	
24	24	222630563	✓ Nguyễn Đức Mạnh	K63.KTTHVA(QT)1	00.0	31		Mạnh	
25	25	222630566	✓ Nguyễn Thành Nam	K63.KTTHVA(QT)1	2.3	40		Nam	
26	26	222630572	✓ Nguyễn Khánh Phương	K63.KTTHVA(QT)1	7.0	40		Phương	
27	27	222630573	✓ Trần Thị Thu Phương	K63.KTTHVA(QT)1	4.0	10		Phương	
28	28	222630576	✓ Phan Hoàng Hương Quỳnh	K63.KTTHVA(QT)1	9.3	10		Quỳnh	
29	29	222630583	✓ Đỗ Hồng Thẩm	K63.KTTHVA(QT)1	5.8	35		Thẩm	
30	30	222630581	✓ Nguyễn Tiến Thành	K63.KTTHVA(QT)1	0.3	35		Thành	
31	31	222600584	✓ Nguyễn Thị Lệ Thu	K63.KTTHVA(QT)1	4.3	35		Thu	
32	32	222630588	✓ Nguyễn Thị Huyền Thương	K63.KTTHVA(QT)1	5.3	35		Thương	
33	33	222630585	✓ Ngô Thị Minh Thúy	K63.KTTHVA(QT)1	4.8	35		Thúy	
34	34	222630586	✓ Nguyễn Thị Thúy	K63.KTTHVA(QT)1	5.0	35		Thúy	
35	35	222630589	✓ Nguyễn Thị Tính	K63.KTTHVA(QT)1	7.5	31		Tính	
36	36	222630592	✓ Nguyễn Phương Trang	K63.KTTHVA(QT)1	10.0	31		Trang	
37	37	222630594	✓ Nguyễn Cẩm Tú	K63.KTTHVA(QT)1	2.3	31		Tú	
38	38	222630598	✓ Nguyễn Thảo Vy	K63.KTTHVA(QT)1	1.3	31		Vy	

Tổng số bài thi :

Tổng số tờ giấy thi :

Hà Nội, ngày 23 tháng 6 năm 2023

Mã học phần: BS0.104.2

Tên học phần: Lý thuyết xác suất

Số TC :2

Mã DST: BS0.104.2_03/07/2023_1_1BS0.104.2-1-2-22(QT01) Thi tại : 301-A8

Ngày thi: 03/07/2023

Ca thi:

Ca 1 (07:00 - 09:00)

Phòng số: 1

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
-----	-----	-------	-----------	-----	------	-------	-------	--------	---------

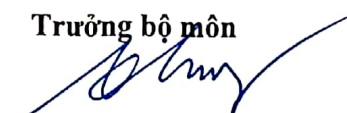
Hai giáo viên chấm thi

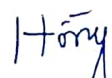
Trưởng bộ môn

Người lập bảng


Đặng Thị Mai


N. H. H. Sơn


PGS.TS. Trần Văn Long


Trần Thị Thu Hồng

Ghi chú:

- Ghi đầy đủ ký hiệu điểm đặc biệt theo qui định (nếu có)
- Bộ môn nộp điểm chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày thi cho Phòng Đào tạo Đại Học và các Khoa, Viện có liên quan
- Sinh viên có điểm quá trình bằng 0 nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HL
- Sinh viên bị gạch tên do nợ học phí nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HP

DANH SÁCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Năm học 2022-2023 học kỳ 2 - Đợt thi : ĐTQT kế hoạch thi HK chính (đợt 1) K63 HKII-22-23(8/05-22/7/23)

Mã học phần:BS0.104.2

Tên học phần:Lý thuyết xác suất

Số TC :2

Mã DST:BS0.104.2_03/07/2023_1_2BS0.104.2-1-2-22(QT02) Thi tại : 510-A8

Ngày thi:03/07/2023

Ca thi:

Ca 1 (07:00 - 09:00)

Phòng số:2

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	39	222630515	Đỗ Kiều Anh	K63.KTTHVA(QT)2	8.5	35		Khánh	
2	40	222630517	Nguyễn Nam Anh	K63.KTTHVA(QT)2	3.0	31		N.Anh	
3	41	222630518	Nguyễn Ngọc Quỳnh Anh	K63.KTTHVA(QT)2	3.3	10		Anh	
4	42	222630520	Nguyễn Thị Phương Anh	K63.KTTHVA(QT)2	4.8	40		Phương Anh	
5	43	222630524	Nguyễn Thanh Bình	K63.KTTHVA(QT)2	7.5	10		Bình	
6	44	222610536	Nguyễn Thị Minh Hiền	K63.KTTHVA(QT)2	5.5	35		Minh Hiền	
7	45	222630537	Nguyễn Minh Hiếu	K63.KTTHVA(QT)2	1.0	31		Hiếu	
8	46	222630540	Lê Thị Khánh Huyền	K63.KTTHVA(QT)2	4.0	40		Khánh Huyền	
9	47	222630541	Lưu Thị Lương Huyền	K63.KTTHVA(QT)2	0.5	35		Lương Huyền	
10	48	222630544	Trần Thanh Huyền	K63.KTTHVA(QT)2	6.0	10		Thanh Huyền	
11	49	222630547	Nguyễn Trung Kiên	K63.KTTHVA(QT)2	00.0	40		Kiên	
12	50	222630548	Lê Xuân Lanh	K63.KTTHVA(QT)2	00.0	31		Lanh	
13	51	222630550	Bành Thị Diệu Linh	K63.KTTHVA(QT)2	8.0	35		Linh	
14	52	222630555	Nguyễn Thị Diệu Linh	K63.KTTHVA(QT)2	9.5	10		Linh	
15	53	222630556	Nhâm Mai Linh	K63.KTTHVA(QT)2	5.5	35		Linh	
16	54	222630558	Trương Thị Khánh Linh	K63.KTTHVA(QT)2	3.0	10		Linh	
17	55	222630560	Nguyễn Văn Ly	K63.KTTHVA(QT)2	6.3	10		Ly	
18	56	222610562	Nguyễn Thanh Mai	K63.KTTHVA(QT)2	0.5	40		Mai	
19	57	222630565	Lê Trà My	K63.KTTHVA(QT)2	2.5	31		My	
20	58	222630567	Nguyễn Kim Ngân	K63.KTTHVA(QT)2	7.8	10		Ngân	
21	59	222630568	Hoàng Thị Ngọc	K63.KTTHVA(QT)2	3.5	10		Ngọc	
22	60	222600569	Trương Thị Bình Nhi	K63.KTTHVA(QT)2	00.0	31		Nhi	
23	61	222630570	Nguyễn Thị Kim Oanh	K63.KTTHVA(QT)2	5.3	35		Oanh	
24	62	222630571	Đinh Thị Thanh Phương	K63.KTTHVA(QT)2	0.5	31		Phương	
25	63	222630575	Đoàn Như Quỳnh	K63.KTTHVA(QT)2	3.8	31		Quỳnh	
26	64	222630577	Trần Như Quỳnh	K63.KTTHVA(QT)2	3.5	40		Quỳnh	
27	65	222630578	Trần Minh Sơn	K63.KTTHVA(QT)2	5.3	10		Sơn	
28	66	222630579	Nguyễn Thị Mỹ Tâm	K63.KTTHVA(QT)2	5.0	40		Tâm	
29	67	222630580	Trần Thị Minh Tâm	K63.KTTHVA(QT)2	0.5	35		Tâm	
30	68	222630587	Nguyễn Việt Anh Thư	K63.KTTHVA(QT)2	4.0	40		Thư	
31	69	222630590	Phạm Văn Toàn	K63.KTTHVA(QT)2	4.5	40		Toàn	
32	70	222630591	Mai Trinh Huyền Trang	K63.KTTHVA(QT)2	6.5	35		Trang	
33	71	222600593	Khuất Thị Kiều Trinh	K63.KTTHVA(QT)2	2.5	31		Trinh	
34	72	222600595	Nguyễn Ngọc Hà Vi	K63.KTTHVA(QT)2	7.3	40		Vi	
35	73	222630596	Đặng Hoàng Việt	K63.KTTHVA(QT)2	1.5	31		Việt	
36	74	222630597	Bùi Thị Vy	K63.KTTHVA(QT)2	3.5	31		Vy	
37	75	222630599	Trần Thị Thanh Xuân	K63.KTTHVA(QT)2				Xuân	

Tổng số bài thi :

Tổng số tờ giấy thi :

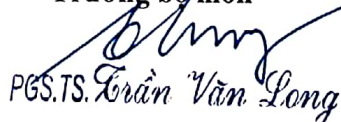
Hà Nội, ngày 23 tháng 6 năm 2023

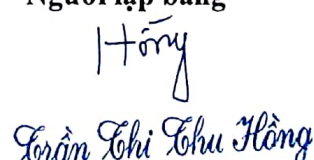
Hai giáo viên chấm thi

Trưởng bộ môn

Người lập bảng


NM Hưng


PGS.TS. Trần Văn Long


Trần Thị Thu Hồng

Mã học phần:BS0.104.2

Tên học phần:Lý thuyết xác suất

Số TC :2

Mã DST:BS0.104.2_03/07/2023_1_2BS0.104.2-1-2-22(QT02) Thi tại : 510-A8

Ngày thi:03/07/2023

Ca thi:

Ca 1 (07:00 - 09:00)

Phòng số:2

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
-----	-----	-------	-----------	-----	------	-------	-------	--------	---------

Ghi chú:

- Ghi đầy đủ ký hiệu điểm đặc biệt theo qui định (nếu có)
- Bộ môn nộp điểm chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày thi cho Phòng Đào tạo Đại Học và các Khoa, Viện có liên quan
- Sinh viên có điểm quá trình bằng 0 nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HL
- Sinh viên bị gạch tên do nợ học phí nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HP

DANH SÁCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Năm học 2022-2023 học kỳ 2 - Đợt thi : ĐTQT kế hoạch thi HK chính (đợt 1) K63 HKII-22-23(8/05-22/7/23)

Mã học phần:BS0.104.2

Tên học phần:Lý thuyết xác suất

Số TC :2

Mã DST:BS0.104.2_03/07/2023_1_3BS0.104.2-1-2-22(QT03) Thi tại : 401-A8

Ngày thi:03/07/2023

Ca thi:

Ca 1 (07:00 - 09:00)

Phòng số:3

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	76	222630250	Nguyễn Ngọc An	K63.QTKDVA(QT)	5,5	1042030		An	
2	77	222630251	Đặng Thế Anh	K63.QTKDVA(QT)	0,5	1042037		Anh	
3	78	222630252	Phạm Vũ Nhật Anh	K63.QTKDVA(QT)	4,3	1042038		Anh	
4	79	222630253	Phạm Nguyên Ánh	K63.QTKDVA(QT)	0,5	1042042		Á	
5	80	222630254	Trần Thị Ánh	K63.QTKDVA(QT)	6,3	1042057		Ánh	
6	81	222630255	Lưu Ngọc Bằng	K63.QTKDVA(QT)	6,3	02		Bằng	
7	82	222630256	Nguyễn Hải Bằng	K63.QTKDVA(QT)	2,0	1042030		Bằng	
8	83	222630257	Lê Quang Chính	K63.QTKDVA(QT)	2,3	1042030		Chính	
9	84	222630258	Vũ Thị Hương Cúc	K63.QTKDVA(QT)	0,3	1042037		Cúc	
10	85	222630259	Nguyễn Khánh Cường	K63.QTKDVA(QT)	5,0	1042037		Cường	
11	86	222630264	Lưu Đình Đạt	K63.QTKDVA(QT)	00,0	1042030		Đạt	
12	87	222630265	Phan Tiến Đạt	K63.QTKDVA(QT)	5,5	1042002		Đạt	
13	88	222630266	Phạm Ngọc Đề	K63.QTKDVA(QT)	1,0	1042037		Đề	
14	89	222630260	Trần Anh Dũng	K63.QTKDVA(QT)	4,5	1042037		Dũng	
15	90	222630261	Trần Việt Dũng	K63.QTKDVA(QT)	00,0	1042030		Dũng	
16	91	222630263	Vũ Ánh Dương	K63.QTKDVA(QT)	6,3	1042037		Dương	
17	92	222630262	Đỗ Văn Mạnh Duy	K63.QTKDVA(QT)	5,5	1042010		Duy	
18	93	222630267	Nguyễn Ngọc Hà	K63.QTKDVA(QT)	7,0	1042002		Hà	
19	94	222630269	Nguyễn Thị Thu Hằng	K63.QTKDVA(QT)	6,3	1042037		Hằng	
20	95	222630270	Nguyễn Thị Thu Hằng	K63.QTKDVA(QT)	7,8	1042037		Hằng	
21	96	222630268	Đỗ Thị Hồng Hạnh	K63.QTKDVA(QT)	8,3	1042002		Hạnh	
22	97	222630272	Trần Thị Hồng Hoa	K63.QTKDVA(QT)	2,0	1042037		Hoa	
23	98	222630274	Nguyễn Việt Hoàng	K63.QTKDVA(QT)	2,8	1042037		Hoàng	
24	99	222610278	Lê Vũ Hưng	K63.QTKDVA(QT)	7,8	1042002		Hưng	
25	100	222600275	Nguyễn Đức Huy	K63.QTKDVA(QT)	1,5	1042030		Huy	
26	101	222630276	Nguyễn Văn Huy	K63.QTKDVA(QT)	00,0			Huy	
27	102	222630279	Nguyễn Vũ Đức Kiên	K63.QTKDVA(QT)	00,0			Kiên	
28	103	222630280	Phạm Hữu Lâm	K63.QTKDVA(QT)	6,5	1042002		Lâm	
29	104	222630281	Nguyễn Khánh Linh	K63.QTKDVA(QT)	2,5	1042002		Linh	
30	105	222630282	Hoàng Ngọc Mai	K63.QTKDVA(QT)	9,0	1042030		Mai	
31	106	222600283	Vũ Xuân Mai	K63.QTKDVA(QT)	2,5	1042037		Mai	
32	107	222630284	Hồ Nhật Minh	K63.QTKDVA(QT)	3,0	1042037		Minh	
33	108	222630285	Trần Thị Minh Nguyệt	K63.QTKDVA(QT)	7,0	1042030		Nguyệt	
34	109	222630287	Trần Thị Yến Nhi	K63.QTKDVA(QT)	3,3	1042002		Nhi	
35	110	222630288	Đỗ Hải Phong	K63.QTKDVA(QT)	6,0	1042037		Phong	
36	111	222610290	Nguyễn Hà Phương	K63.QTKDVA(QT)	4,3	1042002		Phương	
37	112	222600574	Trần Đăng Quang	K63.QTKDVA(QT)	6,3	1042002		Quang	
38	113	222600293	Đỗ Thị Như Quỳnh	K63.QTKDVA(QT)	7,5	1042037		Quỳnh	
39	114	222630294	Lại Đức Tâm	K63.QTKDVA(QT)	3,8	1042030		Tâm	
40	115	222630296	Trần Tấn Thành	K63.QTKDVA(QT)	5,3	1042002		Thành	
41	116	222610297	Lê Phương Thảo	K63.QTKDVA(QT)	7,5	1042030		Thảo	
42	117	222600298	Mỵ Thị Phương Thảo	K63.QTKDVA(QT)	8,3	1042037		Thảo	
43	118	222630299	Nguyễn Phương Thảo	K63.QTKDVA(QT)	6,5	1042030		Thảo	
44	119	222600300	Trần Hương Thảo	K63.QTKDVA(QT)	2,0	1042037		Thảo	

Mã học phần:BS0.104.2

Tên học phần:Lý thuyết xác suất

Số TC :2

Mã DST:BS0.104.2_03/07/2023_1_3BS0.104.2-1-2-22(QT03) Thi tại : 401-A8

Ngày thi:03/07/2023

Ca thi: Ca 1 (07:00 - 09:00)

Phòng số:3

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
45	120	222630301	Chu Thị Huyền Trang	K63.QTKDVA(QT)	4,3	1042030		Trang	
46	121	222630302	Nguyễn Thị Trang	K63.QTKDVA(QT)	7,3	1042002		Tr	
47	122	222630303	Nguyễn Thu Trang	K63.QTKDVA(QT)	4,0	1042050		Trang	
48	123	222630304	Nguyễn Công Trung	K63.QTKDVA(QT)	4,0	1042030		Trung	
49	124	222630306	Lâm Thành Vinh	K63.QTKDVA(QT)	4,5	1042002		Tr	
50	125	222630307	Lê Đình Vượng	K63.QTKDVA(QT)	3,0	1042030		Vượng	
51	126	222630308	Trần Thị Thảo Xuân	K63.QTKDVA(QT)	9,8	1042030		Xuân	

Tổng số bài thi :

Tổng số tờ giấy thi :

Hà Nội, ngày 28 tháng 6 năm 2023

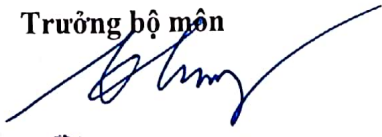
Hai giáo viên chấm thi

Trưởng bộ môn

Người lập bảng


N.M.H. Sôc


N.M.Hung


PGS.TS. Trần Văn Long


Trần Thị Thu Hồng

Ghi chú:

- Ghi đầy đủ ký hiệu điểm đặc biệt theo qui định (nếu có)
- Bộ môn nộp điểm chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày thi cho Phòng Đào tạo Đại Học và các Khoa, Viện có liên quan
- Sinh viên có điểm quá trình bằng 0 nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HL
- Sinh viên bị gạch tên do nợ học phí nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HP

xong

DANH SÁCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Năm học 2022-2023 học kỳ 2 - Đợt thi : Kế hoạch thi học kỳ chính (đợt 1) khóa 63 HK II 22-23

Mã học phần:BS0.104.2

Tên học phần:Lý thuyết xác suất

Số TC :2

Mã DST:BS0.104.2_07/07/2023_2_1BS0.104.2-1-2-22(N04) Thi tại : 301-A7

Ngày thi:07/07/2023

Ca thi:

Ca 2 (09:30 - 11:30)

Phòng số:1

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	1	221532251	Đinh Trọng Anh	K63.KTD2	2,5	23001	01	Anh	
2	2	221532252	Nguyễn Lê Nhật Anh	K63.KTD1	2,0	23004	01	Anh	
3	3	221532253	Nguyễn Bá Ban	K63.KTD1	3,0	23009	01	Ban	
4	4	221532257	Phạm Trọng Bằng	K63.KTD1	4,8	23014	01	Bằng	
5	5	221532254	Đặng Quốc Bảo	K63.KTD2	4,0	23009	02	Bảo	
6	6	221502255	Lê Ngọc Bảo	K63.KTD1	9,5	23004	02	Bảo	
7	7	221532256	Nguyễn Thái Bảo	K63.KTD2	2,5	23001	01	Bảo	
8	8	221532258	Ngô Đức Biên	K63.KTD2	4,5	23004	01	Biên	
9	9	221532261	Nguyễn Đức Minh Công	K63.KTD1	4,0	23016	01	Công	
10	10	221532262	Vũ Đức Công	K63.KTD1	2,8	23014	01	Công	
11	11	221532263	Phạm Quốc Cường	K63.KTD1	1,0	23016	01	Cường	
12	12	221532272	Mai Tiến Đạt	K63.KTD2	5,5	23001	01	Đạt	
13	13	221532273	Nguyễn Tất Đạt	K63.KTD1	9,0	23014	02	Đạt	
14	14	221532274	Nguyễn Tuấn Đạt	K63.KTD1	08,0	23009	01	Đạt	
15	15	221532275	Trịnh Tiến Đạt	K63.KTD2					Vấn
16	16	221532276	Nguyễn Trần Đông	K63.KTD2	4,0	23004	01	Đông	
17	17	221532277	Đậu Xuân Đức	K63.KTD2	2,5	23016	01	Đức	
18	18	221502278	Mai Đức Đức	K63.KTD2	7,0	23014	01	Đức	
19	19	221532279	Phan Anh Đức	K63.KTD1	4,5	23009	01	Đức	
20	20	221502264	Nguyễn Đình Dũng	K63.KTD2	2,5	23004	01	Dũng	
21	21	221532265	Nguyễn Thế Dũng	K63.KTD2	6,5	23009	02	Dũng	
22	22	221532271	Đào Việt Dương	K63.KTD2	5,0	23001	01	Dương	
23	23	221532270	Đỗ Nguyễn Tùng Dương	K63.KTD2	2,5	23016	01	Dương	
24	24	221532266	Lê Khánh Duy	K63.KTD1	2,5	23001	01	Duy	
25	25	221532267	Lê Quang Duy	K63.KTD2	08,0	23004	01	Duy	
26	26	221532268	Mạc Khánh Duy	K63.KTD1	7,0	23014	01	Duy	
27	27	221532269	Vũ Đức Duy	K63.KTD1	5,0	23009	01	Duy	
28	28	221532280	Nguyễn Trường Giang	K63.KTD2	6,0	23014	01	Giang	
29	29	221532281	Trần Văn Giang	K63.KTD1	7,5	23001	01	Giang	
30	30	221532282	Đào Nguyên Giáp	K63.KTD1	5,0	23016	01	Giáp	
31	31	221532283	Đào Xuân Giáp	K63.KTD1	3,0	23004	01	Giáp	
32	32	221532284	Phạm Đình Hà	K63.KTD2	3,8	23009	01	Hà	
33	33	221532285	Phạm Văn Hiền	K63.KTD2	5,5	23014	01	Hiền	
34	34	221532286	Hồ Đăng Hiệp	K63.KTD2	10,0	23016	02	Hiệp	
35	35	221532287	Nguyễn Văn Hiệp	K63.KTD1	2,5	2301	01	Hiệp	
36	36	221532288	Lê Minh Hiếu	K63.KTD2	2,5	23004	01	Hiếu	
37	37	221532289	Nguyễn Đức Hiếu	K63.KTD1	6,5	23016	01	Hiếu	
38	38	221532290	Vũ Việt Hoàng	K63.KTD1	8,3	23014	02	Hoàng	
39	39	221532294	Nguyễn Khánh Hưng	K63.KTD1	7,0	23009	01	Hưng	
40	40	221532295	Nguyễn Tuấn Hưng	K63.KTD1	2,5	23004	01	Hưng	
41	41	221532296	Trần Duy Hưng	K63.KTD2	1,0	23009	01	Hưng	
42	42	221532291	Bùi Quang Huy	K63.KTD2	2,5	23016	01	Huy	

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
43	43	221532293	Nguyễn Hồng Huynh	K63.KTD2	2,5	23009	01	Huynh	
44	44	221532297	Lê Đức Khải	K63.KTD2	7,5	23004	01	Khải	
45	45	221502298	Lê Quang Khải	K63.KTD1	7,0	23003	01	Khải	
46	46	221532299	Nguyễn Quang Khải	K63.KTD1	7,3	23009	02	Khải	
47	47	221502300	Dương Văn Khanh	K63.KTD2	3,8	23016	01	Khanh	
48	48	221532301	Hoàng Văn Khánh	K63.KTD2	3,8	23014	01	Khánh	
49	49	221532302	Phạm Nam Khánh	K63.KTD2	00,0	23001	01	Khánh	
50	50	221532303	Phùng Ngọc Khánh	K63.KTD2	5,0	23016	01	Khánh	
51	51	221504934	Trần Nam Khánh	K63.KTD1	7,8	23014	01	Khánh	
52	52	221532304	Phan Ngọc Kiên	K63.KTD2	8,3	23014	01	Kiên	
53	53	221532305	Vũ Trung Kiên	K63.KTD1	2,5	23004	01	Kiên	
54	54	221532306	Bạch Minh Kiệt	K63.KTD2	1,0	23009	01	Kiệt	
55	55	221502307	Nguyễn Doãn Thanh Kỳ	K63.KTD2	5,8	23016	01	Kỳ	
56	56	221532308	Đào Hải Lân	K63.KTD1	9,0	23001	01	Ba	
57	57	221532309	Nguyễn Hà Lân	K63.KTD2					Vàng

Tổng số bài thi :

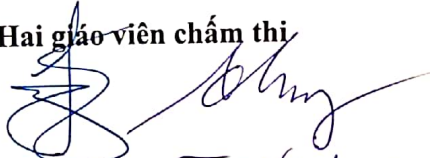
Tổng số tờ giấy thi :

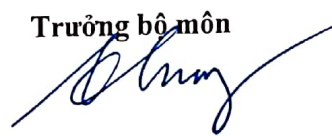
Hà Nội, ngày 04 tháng 7 năm 2023

Hai giáo viên chấm thi

Trưởng bộ môn

Người lập bảng


 NH Hocuy Trần Văn Long


 PGS.TS. Trần Văn Long


 Nguyễn Thị Minh Hiền
Ghi chú:

- Ghi đầy đủ ký hiệu điểm đặc biệt theo qui định (nếu có)
- Bộ môn nộp điểm chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày thi cho Phòng Đào tạo Đại Học và các Khoa, Viện có liên quan
- Sinh viên có điểm quá trình bằng 0 nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HL
- Sinh viên bị gạch tên do nợ học phí nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HP

DANH SÁCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Năm học 2022-2023 học kỳ 2 - Đợt thi : Kế hoạch thi học kỳ chính (đợt 1) khóa 63 HK II 22-23

Mã học phần:BS0.104.2

Tên học phần:Lý thuyết xác suất

Số TC :2

Mã DST:BS0.104.2_07/07/2023_2_2BS0.104.2-1-2-22(N04) Thi tại : 401-A7

Ngày thi:07/07/2023

Ca thi:

Ca 2 (09:30 - 11:30)

Phòng số:2

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	58	221532310	Nguyễn Văn Lân	K63.KTD1	2,3	23016	1		
2	59	221532311	Nguyễn Như Lập	K63.KTD1	1,8	23016	1		
3	60	221532312	Nguyễn Văn Linh	K63.KTD1	5,3	23001	1		
4	61	221532313	Phạm Văn Long	K63.KTD2	1,3	23004	1		
5	62	221532314	Vũ Bảo Long	K63.KTD2	5,0	23014	1		
6	63	221532315	Yên Ngọc Luân	K63.KTD2	3,5	23014	1		
7	64	221532316	Nguyễn Đức Lương	K63.KTD2	6,5	23004	1		
8	65	221532317	Ngô Thị Quỳnh Mai	K63.KTD1	10,0	23014	02		
9	66	221532318	Nguyễn Tiến Mạnh	K63.KTD1	4,0	23004	1		
10	67	221532319	Đào Tiến Minh	K63.KTD2	3,0	23001	1		
11	68	221532320	Hoàng Văn Minh	K63.KTD2	3,0	23016	1		
12	69	221532321	Lương Hoàng Minh	K63.KTD1	5,3	23004	1		
13	70	221532322	Ngô Quang Minh	K63.KTD2	3,8	23004	1		
14	71	221502323	Phạm Tuấn Minh	K63.KTD2	10,0	23009	02		
15	72	221502324	Vương Sơn Minh	K63.KTD1	5,5	23004	1		
16	73	221532325	Nguyễn Thành Nam	K63.KTD2	1,3	23009	1		
17	74	221532327	Nguyễn Văn Nam	K63.KTD2	2,3	23016	1		
18	75	221532328	Vũ Hữu Nam	K63.KTD1	1,0	23001	1		
19	76	221532330	Trịnh Quốc Nghĩa	K63.KTD1	9,0	23009	1		
20	77	221532331	Đặng Danh Nhân	K63.KTD1	1,3	23001	1		
21	78	221532332	Nguyễn Viết Phong	K63.KTD2	6,5	23004	1		
22	79	221532333	Nguyễn Hồng Phúc	K63.KTD2	2,5	23016	1		
23	80	221532334	Nguyễn Hồng Phúc	K63.KTD1	2,5	23016	1		
24	81	221532341	Lương Hồng Quân	K63.KTD2	3,5	23014	1		
25	82	221532342	Trần Anh Quân	K63.KTD1	1,5	23001	1		
26	83	221532335	Hà Văn Quang	K63.KTD1	8,0	23014	1		
27	84	221532336	Lê Phạm Quang	K63.KTD1	4,5	23009	1		
28	85	221532338	Nguyễn Thế Quang	K63.KTD1	2,8	23004	1		
29	86	221532339	Nguyễn Thế Vũ Quang	K63.KTD1					Vắng thi
30	87	221532340	Nguyễn Tiến Quang	K63.KTD2	4,0	23014	1		
31	88	221532343	Đỗ Vương Quý	K63.KTD1	5,0	23009	02		
32	89	221532344	Mai Xuân Quý	K63.KTD2	1,8	23001	1		
33	90	221502345	Hà Mạnh Quyết	K63.KTD2	2,5	23009	1		
34	91	221532346	Nguyễn Ngọc Quỳnh	K63.KTD1	3,0	23001	1		
35	92	221532347	Lê Cao Sơn	K63.KTD1	3,8	23009	1		
36	93	221532348	Lưu Nguyễn Trường Sơn	K63.KTD2	4,0	23016	1		
37	94	221532351	Nguyễn Khắc Thắng	K63.KTD2	5,3	23001	1		
38	95	221532352	Bùi Đức Thắng	K63.KTD1	3,8	23004	1		
39	96	221532349	Ngô Huy Thành	K63.KTD1	3,0				Nợ HP
40	97	221532350	Nguyễn Sĩ Thành	K63.KTD2	1,3	23016	1		
41	98	221532353	Bùi Đình Thi	K63.KTD1	6,0	23009	1		
42	99	221502354	Hoàng Văn Thiện	K63.KTD2	7,8	23009	1		

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
43	100	221532355	Vũ Đức Thiện	K63.KTD2	6,3	23014	1	Thiện	
44	101	221532356	Vũ Văn Thủy	K63.KTD2	4,8	23004	1	Thủy	
45	102	221532357	Lương Văn Tiến	K63.KTD2	5,8	23009	1	Tiến	
46	103	221532358	Phạm Ngọc Tiến	K63.KTD2	5,5	23001	1	Tiến	
47	104	221532359	Nguyễn Việt Trung	K63.KTD1	00,0	23016	1	Trung	
48	105	221532360	Lê Thanh Trường	K63.KTD2	4,5	23004	1	Trường	
49	106	221532361	Nguyễn Quang Trường	K63.KTD1	6,0	23014	1	Trường	
50	107	221502362	Nguyễn Anh Tuấn	K63.KTD1	7,8	23016	1	Tuấn	
51	108	221502363	Nguyễn Xuân Tuấn	K63.KTD1	2,5	23014	1	Tuấn	
52	109	221502366	Nguyễn Quốc Việt	K63.KTD1	6,0	23014	1	Việt	
53	110	221532368	Đào Quang Vinh	K63.KTD1	3,8	23016	1	Vinh	
54	111	221532367	Đỗ Thành Vinh	K63.KTD1	4,8	23009	1	Vinh	
55	112	221532369	Hà Quang Vinh	K63.KTD1	5,5	23001	1	Vinh	
56	113	221532371	Nguyễn Đình Vũ	K63.KTD2	8,5	23014	1	Vũ	
57	114	221532372	Nguyễn Văn Vũ	K63.KTD1	3,0	23001	1	Vũ	
58	115	221532373	Trịnh Long Vũ	K63.KTD1	7,3	22004	1	Vũ	

Tổng số bài thi : 56

Tổng số tờ giấy thi : 59

Hà Nội, ngày 04 tháng 7 năm 2023

Hai giáo viên chấm thi

Trưởng bộ môn

Người lập bảng

Đang Thị Mai
Nguyễn Văn Hoàng

PGS.TS. Trần Văn Long

Nguyễn Thị Minh Hiền

Ghi chú:

- Ghi đầy đủ ký hiệu điểm đặc biệt theo qui định (nếu có)
- Bộ môn nộp điểm chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày thi cho Phòng Đào tạo Đại Học và các Khoa, Viện có liên quan
- Sinh viên có điểm quá trình bằng 0 nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HL
- Sinh viên bị gạch tên do nợ học phí nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HP

DANH SÁCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Năm học 2022-2023 học kỳ 2 - Đợt thi : Kế hoạch thi học kỳ chính (đợt 1) khóa 63 HK II 22-23

Mã học phần:BS0.104.2

Tên học phần:Lý thuyết xác suất

Số TC :2

Mã DST:BS0.104.2_07/07/2023_2_3BS0.104.2-1-2-22(N05) Thi tại : 108-A5

Ngày thi:07/07/2023

Ca thi: Ca 2 (09:30 - 11:30)

Phòng số:3

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	116	221632655 ✓	Chu Thành An	K63.DKTDH1	7.0	14		Anh	
2	117	223702868 ✓	Trần Phạm Ngọc An	K63.HTGTTM	3.8	09		Anh	
3	118	221632657 ✓	Đỗ Đức Anh	K63.DKTDH1	5.3	04		Anh	
4	119	221632658 ✓	Đoàn Hoàng Anh	K63.DKTDH1	6.0	01		Anh	
5	120	221632656 ✓	Dương Nguyễn Quốc Anh	K63.DKTDH1	1.3	16		Anh	
6	121	221632659 ✓	Hà Duy Anh	K63.DKTDH1	5.5	01		Anh	
7	122	221632660 ✓	Hoàng Tiến Anh	K63.DKTDH1	5.3	04		Anh	
8	123	221632662 ✓	Lê Đức Anh	K63.DKTDH1	4.5	09		Anh	
9	124	223732869 ✓	Nguyễn Gia Bách	K63.HTGTTM	0.5	04		Bách	
10	125	223732870 ✓	Hoàng Xuân Bình	K63.HTGTTM	1.3	09		Bình	
11	126	221632672 ✓	Nguyễn Chí Chiến	K63.DKTDH1	9.5	14		Chiến	
12	127	221632673 ✓	Phạm Thế Chung	K63.DKTDH1	5.0	04		Chung	
13	128	221632675 ✓	Nguyễn Văn Công	K63.DKTDH1	5.5	01		Công	
14	129	221632676 ✓	Bùi Văn Cường	K63.DKTDH1	6.3	01		Cường	
15	130	221632677 ✓	Đoàn Đức Cường	K63.DKTDH1	4.5	16		Cường	
16	131	221632685 ✓	Hồ Ngọc Đại	K63.DKTDH1	6.3	04		Đại	
17	132	221632688 ✓	Hoàng Thành Đạt	K63.DKTDH1	6.8	16		Đạt	
18	133	221632689 ✓	Nguyễn Quốc Đạt	K63.DKTDH1	5.8	14		Đạt	
19	134	223732872 ✓	Nguyễn Thành Đạt	K63.HTGTTM	2.5	14		Đạt	
20	135	221632691	Phạm Thành Đạt	K63.DKTDH1					Vắng
21	136	221632693 ✓	Đỗ Hữu Đoàn	K63.DKTDH1	6.3	14		Đoàn	
22	137	221632696 ✓	Đỗ Trung Đức	K63.DKTDH1	5.5	16		Đức	
23	138	221632697 ✓	Nguyễn Tiến Đức	K63.DKTDH1	5.0	04		Đức	
24	139	221632699 ✓	Nhữ Cao Đức	K63.DKTDH1	9.5	09		Đức	
25	140	221632700 ✓	Nông Tuấn Đức	K63.DKTDH1	4.0	01		Đức	
26	141	221632680 ✓	Nguyễn Việt Dũng	K63.DKTDH1	7.8	09		Dũng	
27	142	223732871 ✓	Nguyễn Xuân Dũng	K63.HTGTTM	7.5	01		Dũng	
28	143	221632684 ✓	Nguyễn Nhật Dương	K63.DKTDH1	5.0	16		Dương	
29	144	221632706 ✓	Nguyễn Ngọc Hải	K63.DKTDH1	5.0	14		Hải	
30	145	223702873 ✓	Trần Ngọc Hân	K63.HTGTTM	1.5	16		Hân	
31	146	221632709 ✓	Quyên Thị Hằng	K63.DKTDH1	4.5	01		Hằng	
32	147	221632710 ✓	Trần Ngọc Hiền	K63.DKTDH1	7.5	04		Hiền	
33	148	221632712 ✓	Lê Đức Hiếu	K63.DKTDH1	4.3	01		Hiếu	
34	149	221632713 ✓	Mẫn Bá Hiếu	K63.DKTDH1	7.8	16		Hiếu	
35	150	221632714 ✓	Nguyễn Quốc Hiệu	K63.DKTDH1	5.8	14		Hiệu	
36	151	221632715 ✓	Đậu Văn Hòa	K63.DKTDH1	1.8	09		Hòa	
37	152	221632716 ✓	Nguyễn Văn Hòa	K63.DKTDH1	3.3	16		Hòa	

Mã DST:BS0.104.2_07/07/2023_2_3BS0.104.2-1-2-22(N05) Thi tại : 108-A5

Ngày thi:07/07/2023

Ca thi:

Ca 2 (09:30 - 11:30)

Phòng số:3

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
38	153	221632718 ✓	Nguyễn Mạnh Hùng	K63.DKTDH1	3.8	14		Hùng	
39	154	221632719 ✓	Vũ Huy Hùng	K63.DKTDH1	8.0	09		Hùng	
40	155	221632729 ✓	Lê Vĩnh Hưng	K63.DKTDH1	7.5	01		Hưng	
41	156	223732875 ✓	Ngô Duy Hưng	K63.HTGTTM	6.5	14		Hưng	
42	157	223732876 ✓	Đinh Ngọc Hường	K63.HTGTTM	0.3	01		Hường	
43	158	221632732 ✓	Đoàn Văn Hường	K63.DKTDH1	6.5	04		Hường	
44	159	221632733 ✓	Trương Văn Hường	K63.DKTDH1	6.8	09		Hường	
45	160	221632723 ✓	Nguyễn Hữu Huy	K63.DKTDH1	7.5	04		Huy	
46	161	221632724 ✓	Nguyễn Khắc Huy	K63.DKTDH1	6.8	14		Huy	
47	162	221632726 ✓	Trần Văn Huy	K63.DKTDH1	7.3	16		Huy	
48	163	221632728 ✓	Nguyễn Văn Huỳnh	K63.DKTDH1	4.5	04		Huỳnh	
49	164	223702877 ✓	Nguyễn Quang Khải	K63.HTGTTM	0.5	16		Khải	
50	165	221632734 ✓	Nguyễn Đình Khánh	K63.DKTDH1	3.0	01		Khánh	
51	166	221632736 ✓	Vũ Văn Khánh	K63.DKTDH1	2.0	16		Khánh	
52	167	221632737 ✓	Đỗ Trung Kiên	K63.DKTDH1	4.0	04		Kiên	
53	168	221632742 ✓	Trần Xuân Linh	K63.DKTDH1	6.5	09		Linh	
54	169	221632743 ✓	Luyện Thành Long	K63.DKTDH1	8.8	14		Long	
55	170	221632744 ✓	Phạm Việt Long	K63.DKTDH1	4.5	09		Long	
56	171	221632745 ✓	Dương Công Mạnh	K63.DKTDH1	5.3	01		Mạnh	
57	172	223732878 ✓	Hứa Công Minh	K63.HTGTTM	2.0	04		Minh	
58	173	221632751 ✓	Phạm Quang Minh	K63.DKTDH1	6.5	16		Minh	
59	174	221632752 ✓	Phạm Quang Minh	K63.DKTDH1	8.8	14		Minh	
60	175	221632750 ✓	Phí Nhật Minh	K63.DKTDH1	4.0	04		Minh	
61	176	221632754 ✓	Phạm Vũ Hải Nam	K63.DKTDH1	8.8	01		Nam	
62	177	223732879 ✓	Đường Hồng Ngọc	K63.HTGTTM	8.0	09		Ngọc	
63	178	221632756 ✓	Đỗ Trung Nguyên	K63.DKTDH1	8.8	14		Nguyên	
64	179	221632757 ✓	Nguyễn Quân Nhân	K63.DKTDH1	9.0	09		Nhân	
65	180	221632759 ✓	Nguyễn Thành Phát	K63.DKTDH1	5.0	04		Phát	
66	181	221632761	Lê Trọng Phúc	K63.DKTDH1					Vàng
67	182	221632765 ✓	Trần Mai Phương	K63.DKTDH1	8.0	01		Phương	
68	183	221632766 ✓	Đỗ Việt Quang	K63.DKTDH1	1.8	09		Quang	
69	184	221632769 ✓	Trần Minh Quang	K63.DKTDH1	3.5	16		Quang	
70	185	221632771 ✓	Nguyễn Đình Quốc	K63.DKTDH1	5.3	16		Quốc	
71	186	223732880 ✓	Nguyễn Nam Quốc	K63.HTGTTM	1.0	14		Quốc	
72	187	221632773 ✓	Hoàng Minh Quyền	K63.DKTDH1	8.0	09		Quyền	8.0 (Tạm chấp)
73	188	221632774 ✓	Nguyễn Mạnh Quyết	K63.DKTDH1	4.3	04		Quyết	Mai
74	189	221632775 ✓	Nguyễn Văn Quyết	K63.DKTDH1	3.0	16		Quyết	
75	190	221632776 ✓	Hoàng Văn Sang	K63.DKTDH1	8.3	14		Sang	
76	191	221632779 ✓	Nguyễn Đức Tài	K63.DKTDH1	9.5	09		Tài	
77	192	221632781 ✓	Nguyễn Tiến Tập	K63.DKTDH1	5.8	14		Tập	
78	193	221622782 ✓	Nguyễn Đạt Thái	K63.DKTDH1	5.0	16		Thái	
79	194	221632788 ✓	Lê Đức Thắng	K63.DKTDH1	2.5	01		Thắng	

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
80	195	221632785 ✓	Nguyễn Xuân Thanh	K63.DKTDH1	9.0	04		Thanh	
81	196	221632787 ✓	Trần Trường Thành	K63.DKTDH1	1.0	16		Trường Thành	
82	197	221632795 ✓	Vũ Xuân Thuận	K63.DKTDH1	5.0	01		Thuận	
83	198	221632796 ✓	Nguyễn Duy Thương	K63.DKTDH1	5.0	04		Thương	
84	199	221632797 ✓	Vũ Xuân Thường	K63.DKTDH1	8.3	09		Thường	
85	200	221632799 ✓	Triệu Quang Trung	K63.DKTDH1	0.5	44		Trung	
86	201	221632800 ✓	Lê Công Tú	K63.DKTDH1	6.3	16		Tú	
87	202	221632802 ✓	Nguyễn Hữu Tuấn	K63.DKTDH1	7.0	14		Tuấn	
88	203	221632805 ✓	Nguyễn Thanh Tùng	K63.DKTDH1	8.3	09		Tùng	
89	204	221632806 ✓	Phạm Đình Văn	K63.DKTDH1	1.0	01		Văn	
90	205	221632807 ✓	Lê Văn Vinh	K63.DKTDH1	8.8	04		Vinh	
91	206	223732882 ✓	Cao Minh Vương	K63.HTGTMM	2.5	09		Wang	

Tổng số bài thi : 89

Tổng số tờ giấy thi :

Hà Nội, ngày 04 tháng 7 năm 2023

Hai giáo viên chấm thi

Trưởng bộ môn

Người lập bảng

Nguyễn Văn Hoàng Đặng Thị Mai

PGS.TS. Trần Văn Long

Nguyễn Thị Minh Hiền

Ghi chú:

- Ghi đầy đủ ký hiệu điểm đặc biệt theo qui định (nếu có)
- Bộ môn nộp điểm chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày thi cho Phòng Đào tạo Đại Học và các Khoa, Viện có liên quan
- Sinh viên có điểm quá trình bằng 0 nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HL
- Sinh viên bị gạch tên do nợ học phí nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HP

DANH SÁCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Năm học 2022-2023 học kỳ 2 - Đợt thi : Kế hoạch thi học kỳ chính (đợt 1) khóa 63 HK II 22-23

Mã học phần:BS0.104.2

Tên học phần:Lý thuyết xác suất

Số TC :2

Mã DST:BS0.104.2_07/07/2023_2_4BS0.104.2-1-2-22(N06) Thi tại : 201-A5

Ngày thi:07/07/2023

Ca thi:

Ca 2 (09:30 - 11:30)

Phòng số:4

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	207	223332813 ✓	An Hoàng Anh	K63.RBTTNT	5,8	23004		Anh	
2	208	223332814 ✓	Đỗ Tuấn Anh	K63.RBTTNT	5,0	23014		Anh	
3	209	221432379 ✓	Lý Thế Anh	K63.KTDTVT3	1,0	23009		Anh	
4	210	221432382 ✓	Nguyễn Duy Anh	K63.KTDTVT3	2,5	23001		Anh	
5	211	221432385 ✓	Nguyễn Hoàng Anh	K63.KTDTVT3	2,5	23014		Anh	
6	212	221632663 ✓	Nguyễn Tiến Anh	K63.DKTDH2	3,0	23009		Anh	
7	213	221632665 ✓	Nguyễn Văn Tuấn Anh	K63.DKTDH2	4,5	23004		Anh	
8	214	221632667 ✓	Vũ Đức Anh	K63.DKTDH2	6,8	23016		Anh	
9	215	221632669 ✓	Hồ Quốc Bảo	K63.DKTDH2	6,8	23014		Bảo	
10	216	223332815 ✓	Lê Đăng Tuấn Bảo	K63.RBTTNT	6,0	23004		Bảo	
11	217	221432394 ✓	Vũ Viết Bảo	K63.KTDTVT3	5,8	23016		Bảo	
12	218	221432400 ✓	Lê Thanh Cao	K63.KTDTVT3	2,5	23014		Cao	
13	219	221632674 ✓	Đỗ Thành Công	K63.DKTDH2	5,0	23001		Công	
14	220	221632686 ✓	Lê Đăng Đại	K63.DKTDH2	3,5	23004		Đại	
15	221	221432432 ✓	Vũ Văn Đại	K63.KTDTVT3	2,5	23004		Đại	
16	222	221432439 ✓	Ngô Trọng Đăng	K63.KTDTVT3	1,8	23004		Đăng	
17	223	221632679 ✓	Phan Văn Danh	K63.DKTDH2	7,0	23016		Danh	
18	224	223332821 ✓	Lê Quang Đạo	K63.RBTTNT	00,0	23009		Đạo	
19	225	221632690 ✓	Nguyễn Quốc Đạt	K63.DKTDH2	2,5	23001		Đạt	
20	226	221432435 ✓	Nguyễn Tuấn Đạt	K63.KTDTVT3	2,5	23016		Đạt	
21	227	221632692 ✓	Vũ Thành Đạt	K63.DKTDH2	3,3	23001		Đạt	
22	228	221632694 ✓	Đặng Đình Đoàng	K63.DKTDH2	3,5	23009		Đoàng	
23	229	221632695 ✓	Nguyễn Tài Đồng	K63.DKTDH2	1,5	23014		Đồng	
24	230	223332824 ✓	Đỗ Mạnh Đức	K63.RBTTNT	3,0	23016		Đức	
25	231	221432442 ✓	Hoàng Minh Đức	K63.KTDTVT3	3,8	23016		Đức	
26	232	221632698 ✓	Nguyễn Văn Đức	K63.DKTDH2	2,5	23009		Đức	
27	233	221632701 ✓	Phú Minh Đức	K63.DKTDH2	4,0	23004		Đức	
28	234	221632702 ✓	Trần Quang Đức	K63.DKTDH2	0,5	23009		Đức	
29	235	221432445 ✓	Trương Bách Đức	K63.KTDTVT3	5,8	23014		Đức	
30	236	221432416 ✓	Nguyễn Trung Dũng	K63.KTDTVT3	3,0	23001		Dũng	
31	237	221432417 ✓	Tổng Văn Dũng	K63.KTDTVT3	6,0	23009		Dũng	
32	238	221632682 ✓	Nguyễn Ngọc Duy	K63.DKTDH2	4,3	23001		Duy	
33	239	221632683 ✓	Nguyễn Xuân Duy	K63.DKTDH2	6,0	23016		Duy	
34	240	221632703 ✓	Đặng Viết Trường Giang	K63.DKTDH2	0,5	23009		Giang	
35	241	221632704 ✓	Lê Văn Giáp	K63.DKTDH2	5,0	23009		Giáp	
36	242	221432452 ✓	Hoàng Lê Hải	K63.KTDTVT3	1,0	23016		Hải	
37	243	221632707 ✓	Vũ Văn Hải	K63.DKTDH2	7,8	23004		Hải	
38	244	221632708 ✓	Nguyễn Văn Hào	K63.DKTDH2	2,5	23001		Hào	
39	245	221432462 ✓	Bùi Trung Hiếu	K63.KTDTVT3	3,8	23014		Hiếu	
40	246	223332826 ✓	Nguyễn Trung Hiếu	K63.RBTTNT	1,0	23009		Hiếu	
41	247	221632717 ✓	Trần Văn Hoàn	K63.DKTDH2	2,5	23001		Hoàn	
42	248	223332829 ✓	Phạm Huy Hoàng	K63.RBTTNT	00,0	23009		Hoàng	

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
43	249	221432480 ✓	Trịnh Huy Hoàng	K63.KTDTV3	6,5	23014		Hoàng	
44	250	221432482 ✓	Trịnh Quốc Hồi	K63.KTDTV3	5,0	23016		Hồi	
45	251	221432483 ✓	Nguyễn Quang Huân	K63.KTDTV3	5,0	23014		Huân	
46	252	221432484 ✓	Mai Mạnh Hùng	K63.KTDTV3	3,0	23009		Hùng	
47	253	221432501 ✓	Hoàng Tuấn Hưng	K63.KTDTV3	1,0	23016		Hưng	
48	254	221632731 ✓	Nguyễn Văn Hưởng	K63.DKTDH2	4,5	23004		Hưởng	
49	255	221632721 ✓	Lê Văn Huy	K63.DKTDH2	3,8	23004		Huy	
50	256	221432495 ✓	Nông Thế Huy	K63.KTDTV3	2,0	23014		Huy	
51	257	223332833 ✓	Trịnh Quang Huy	K63.RBTTNT	4,5	23006		Huy	2 30 16
52	258	221432511 ✓	Trần Quang Khải	K63.KTDTV3	5,5	23004		Khải	
53	259	223332834 ✓	Phùng Xuân Khánh	K63.RBTTNT	7,3	23001		Khánh	
54	260	221432516 ✓	Trần Duy Khánh	K63.KTDTV3	00,0	23004		Khánh	
55	261	223332836 ✓	Phạm Văn Kiều	K63.RBTTNT	1,0	23014		Kiều	

Tổng số bài thi : 55

Tổng số tờ giấy thi :

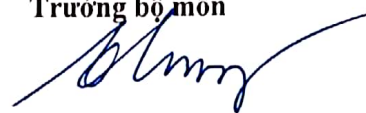
Hà Nội, ngày 04 tháng 7 năm 2023

Hai giáo viên chấm thi

Trưởng bộ môn

Người lập bảng


 NM Hưng
 
 NH Hoàng


 PGS.TS. Trần Văn Long


 Nguyễn Thị Minh Hiền
Ghi chú:

- Ghi đầy đủ ký hiệu điểm đặc biệt theo qui định (nếu có)
- Bộ môn nộp điểm chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày thi cho Phòng Đào tạo Đại Học và các Khoa, Viện có liên quan
- Sinh viên có điểm quá trình bằng 0 nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HL
- Sinh viên bị gạch tên do nợ học phí nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HP

DANH SÁCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Năm học 2022-2023 học kỳ 2 - Đợt thi : Kế hoạch thi học kỳ chính (đợt 1) khóa 63 HK II 22-23

Mã học phần:BS0.104.2

Tên học phần:Lý thuyết xác suất

Số TC :2

Mã DST:BS0.104.2_07/07/2023_2_5BS0.104.2-1-2-22(N06) Thi tại : 202-A5

Ngày thi:07/07/2023

Ca thi:

Ca 2 (09:30 - 11:30)

Phòng số:5

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	262	221632735	Trần Quốc Khánh	K63.DKTDH2	8,0	23001		Khánh	
2	263	221632738	Đinh Duy Lâm	K63.DKTDH2	00,0	23009		Phan	
3	264	221432522	Nguyễn Quang Lâm	K63.KTDTVT3	4,5	23004		Lâm	
4	265	221432523	Nguyễn Văn Lâm	K63.KTDTVT3	2,5	23004		Lâm	
5	266	221632739	Chu Bá Lập	K63.DKTDH2	7,0	23001		Lập	
6	267	221632740	Lê Viết Linh	K63.DKTDH2	7,3	23006		Linh	
7	268	221632741	Tạ Quang Linh	K63.DKTDH2	00,0	23016		Linh	
8	269	221432533	Đỗ Đức Mạnh	K63.KTDTVT3	4,5	23014		Mạnh	
9	270	221632746	Đỗ Danh Mạnh	K63.DKTDH2	4,5	23009		Mạnh	
10	271	221632753	Đường Xuân Nam	K63.DKTDH2	4,5	23004		Nam	
11	272	223332840	Trần Hải Nam	K63.RBTTNT	1,5	23014		Nam	23014
12	273	221432560	Lê Trường Phát	K63.KTDTVT3	1,0	23009		Phát	
13	274	221632760	Bùi Trường Phúc	K63.DKTDH2	5,3	23014		Phúc	
14	275	223332842	Lê Thế Phúc	K63.RBTTNT	4,0	23016		Phúc	
15	276	221632762	Nguyễn Duy Phúc	K63.DKTDH2	6,5	23004		Phúc	
16	277	221632763	Nguyễn Văn Phúc	K63.DKTDH2	4,0	23016		Phúc	
17	278	221432577	Vũ Minh Quân	K63.KTDTVT3	00,0	23001		Quân	
18	279	221632770	Hồ Lê Anh Quốc	K63.DKTDH2	7,0	23009		Quốc	
19	280	221432579	Vũ Sỹ Quyền	K63.KTDTVT3	2,5	23016		Quyền	
20	281	221632772	Nguyễn Đình Quyết	K63.DKTDH2	9,0	23016		Quyết	
21	282	223332844	Bùi Tấn Quỳnh	K63.RBTTNT	5,0	23014		Quỳnh	
22	283	224132177	Trần Hữu Sang	K63.DKTDH2	8,5	23004		Sang	
23	284	221632777	Nguyễn Văn Sinh	K63.DKTDH2	6,3	23016		Sinh	
24	285	221632778	Đặng Ngọc Sơn	K63.DKTDH2	3,5	23001		Sơn	
25	286	221432584	Trần Xuân Sơn	K63.KTDTVT3	3,8	23009		Sơn	
26	287	221432586	Vũ Đức Tài	K63.KTDTVT3	4,5	23014		Tài	
27	288	211904081	Lê Sỹ Mạnh Tân	K63.KTDTVT3	2,5	23016		Tân	
28	289	221432588	Đàm Vũ Anh Thái	K63.KTDTVT3	5,0	23014		Thái	
29	290	221632784	Nguyễn Hoàng Thái	K63.DKTDH2	5,5	23004		Thái	
30	291	223332848	Đoàn Minh Thành	K63.RBTTNT	6,8	23004		Thành	
31	292	223332849	Hà Tiến Thành	K63.RBTTNT	1,5	23009		Thành	
32	293	223332850	Nguyễn Công Thành	K63.RBTTNT	5,0	23014		Thành	
33	294	221632786	Nguyễn Văn Thành	K63.DKTDH2	00,0	23001		Thành	
34	295	223332851	Phạm Tiến Thành	K63.RBTTNT	2,5	23016		Thành	
35	296	223332852	Trương Công Thành	K63.RBTTNT	4,5	23001		Thành	
36	297	221632789	Nguyễn Hữu Thật	K63.DKTDH2	00,0	23016		Thật	
37	298	221632791	Đặng Quang Thiện	K63.DKTDH2	6,5	23014		Thiện	
38	299	223332853	Nguyễn Ngọc Thiện	K63.RBTTNT	0,5	23004		Thiện	
39	300	221632792	Trần Văn Thiện	K63.DKTDH2	4,3	23009		Thiện	
40	301	221432610	Ninh Văn Thơ	K63.KTDTVT3	5,0	23001		Thơ	
41	302	221632794	Nguyễn Sỹ Thông	K63.DKTDH2	5,5	23004		Thông	
42	303	221432617	Nguyễn Thị Thủy Tiên	K63.KTDTVT3	4,5	23009		Tiên	

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
43	304	221432618	Trần Văn Tiền	K63.KTDTV3	4,5	23001		Tiền	
44	305	221432626	Lê Thị Hà Trang	K63.KTDTV3	2,8	23016		Trang	
45	306	221432627	Nguyễn Kiều Trang	K63.KTDTV3	6,3	23014		Trang	
46	307	221432628	Phan Văn Tranh	K63.KTDTV3	8,0	23014		Tranh	
47	308	221432634	Nguyễn Xuân Trung	K63.KTDTV3	1,0	23009		Trung	
48	309	221632801	Bùi Văn Tuấn	K63.DKTDH2	2,5	23001		Tuấn	
49	310	221432638	Cao Huy Tuấn	K63.KTDTV3	3,0	23001		Tuấn	
50	311	221632804	Nguyễn Văn Tuấn	K63.DKTDH2	1,8	23001		Tuấn	
51	312	221432642	Lê Đăng Tùng	K63.KTDTV3	7,5	23014		Tùng	
52	313	221432645	Hoàng Thị Thu Uyên	K63.KTDTV3	6,8	23004		Uyên	
53	314	223332864	Lê Đỗ Gia Vũ	K63.RBTTNT	3,5	23001		Vũ	
54	315	221632810	Phạm Văn Vũ	K63.DKTDH2	3,5	23004		Vũ	
55	316	221432652	Nguyễn Hải Vy	K63.KTDTV3	9,3	23009		Vy	

Tổng số bài thi :

55

Tổng số tờ giấy thi :

Hà Nội, ngày 04 tháng 7 năm 2023

Hai giáo viên chấm thi

Trưởng bộ môn

Người lập bảng


NM Hưng


NH Hoàng

PGS.TS. Trần Văn Long

Nguyễn Thị Minh Hiền

Ghi chú:

- Ghi đầy đủ ký hiệu điểm đặc biệt theo qui định (nếu có)
- Bộ môn nộp điểm chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày thi cho Phòng Đào tạo Đại Học và các Khoa, Viện có liên quan
- Sinh viên có điểm quá trình bằng 0 nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HL
- Sinh viên bị gạch tên do nợ học phí nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HP

DANH SÁCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Năm học 2022-2023 học kỳ 2 - Đợt thi : Kế hoạch thi học kỳ chính (đợt 1) khóa 63 HK II 22-23

Mã học phần: BS0.104.2

Tên học phần: Lý thuyết xác suất

Số TC :2

Mã DST: BS0.104.2_07/07/2023_2_6BS0.104.2-1-2-22(N07) Thi tại : 104-A5

Ngày thi: 07/07/2023

Ca thi:

Ca 2 (09:30 - 11:30)

Phòng số: 6

STT	SSD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	317	223332812	Nguyễn Duy An	K63.RBTTNT	3.8	23009		An	
2	318	221632668	Nguyễn Hoàng Ân	K63.DKTDH2	2.3	23004		An	
3	319	221632661	Lê Việt Anh	K63.DKTDH2	1.0	23009		Anh	
4	320	221432386	Nguyễn Hoàng Anh	K63.KTDTV3	5.8	23014		Anh	
5	321	221632664	Nguyễn Tuấn Anh	K63.DKTDH2	7.5	23009		Anh	
6	322	221432388	Trình Việt Anh	K63.KTDTV3	6.0	23001		Anh	
7	323	221612666	Vũ Bá Nam Anh	K63.DKTDH2	1.3	23001		Anh	
8	324	221432389	Vũ Duy Anh	K63.KTDTV3	5.0	23004		Anh	
9	325	221432390	Vũ Minh Anh	K63.KTDTV3	3.0	23014		Anh	
10	326	221632670	Nguyễn Bình Phương Bắc	K63.DKTDH2	2.5	23016		Bắc	
11	327	223332817	Phạm Xuân Bắc	K63.RBTTNT	3.0	23016		Bắc	
12	328	223332816	Phạm Quốc Bảo	K63.RBTTNT	1.3	23009		Bảo	
13	329	221632671	Đặng Thanh Bình	K63.DKTDH2	3.5	23014		Bình	
14	330	221432406	Phạm Đức Cường	K63.KTDTV3	5.3	23004		Cường	
15	331	221632678	Mai Chí Cường	K63.DKTDH2	9.8	23009		Cường	
16	332	223332818	Phạm Văn Cường	K63.RBTTNT	8.3	23016		Cường	
17	333	221432411	Nguyễn Thành Danh	K63.KTDTV3	4.3	23016		Danh	
18	334	221632687	Đầu Đức Đạt	K63.DKTDH2	6.5	23014		Dat	
19	335	223332822	Hồ Bá Đạt	K63.RBTTNT	3.3	23004		Dat	
20	336	221432436	Phạm Ngọc Đạt	K63.KTDTV3	2.3	23001		Dat	
21	337	221432437	Phạm Thành Đạt	K63.KTDTV3	7.5	23016		Dat	
22	338	223332823	Phạm Thị Thu Diễm	K63.RBTTNT	4.0	23016		Diem	
23	339	223332825	Phạm Việt Đức	K63.RBTTNT	5.0	23001		Đức	
24	340	221432444	Phí Minh Đức	K63.KTDTV3	4.0	23014		Đức	
25	341	221432056	Trần Anh Đức	K63.RBTTNT	00.0	23016		Đức	
26	342	223332819	Lê Hùng Dũng	K63.RBTTNT	4.5	23009		Dung	
27	343	221432415	Nguyễn Mạnh Dũng	K63.KTDTV3	5.3	23016		Dung	
28	344	223332820	Nguyễn Trí Dũng	K63.RBTTNT	8.5	23001		Dung	
29	345	221432425	Doãn Tuấn Dương	K63.KTDTV3	7.0	23014		Duong	
30	346	221432419	Nguyễn Xuân Dương	K63.KTDTV3	3.5	23001		Duong	
31	347	221432421	Đào Ngọc Duy	K63.KTDTV3	9.8	23014		Duy	
32	348	221632681	Lê Xuân Duy	K63.DKTDH2	7.5	23001		Duy	
33	349	221432422	Phạm Khánh Duy	K63.KTDTV3	6.3	23009		Duy	
34	350	221632705	Trần Lâm Việt Hà	K63.DKTDH2	1.0	23016		Ha	
35	351	221632711	Đỗ Hoàng Hiếu	K63.DKTDH2	5.3	23014		Hieu	
36	352	223332827	Ngô Huy Hoàng	K63.RBTTNT	6.0	23001		Hoang	
37	353	221402475	Nguyễn Hữu Minh Hoàng	K63.KTDTV3	6.5	23016		Hoang	
38	354	223332828	Nguyễn Văn Hoàng	K63.RBTTNT	5.8	23004		Hoang	
39	355	223332831	Chu Văn Hùng	K63.RBTTNT	1.0	23004		Hung	
40	356	221432485	Nguyễn Đức Hùng	K63.KTDTV3	4.3	23014		Hung	
41	357	223332832	Nguyễn Minh Hùng	K63.RBTTNT	7.3	23009		Hung	
42	358	221632730	Nghiêm Hữu Hưng	K63.DKTDH2	4.8	23001		Hung	

Ngày thi: 07/07/2023

Ca thi:

Ca 2 (09:30 - 11:30)

Phòng số: 6

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
43	359	221432505	Nguyễn Việt Hưng	K63.KTDTV3	2.3	23004		Hưng	
44	360	221432490	Đổng Quang Huy	K63.KTDTV3	5.0	23004		Huy	
45	361	221632720	Lê Nhữ Huy	K63.DKTDH2	9.5	23014		Huy	
46	362	221432494	Nguyễn Quang Huy	K63.KTDTV3	1.3	23009		Huy	
47	363	221632725	Nguyễn Văn Huy	K63.DKTDH2	7.3	23009		Huy	
48	364	221632727	Trần Văn Huy	K63.DKTDH2	8.0	23004		Huy	
49	365	221432507	Ta Xuân Khả	K63.KTDTV3	1.3	23009		Khả	
50	366	221432508	Lương Đình Khải	K63.KTDTV3	00.0	23004		Khải	
51	367	221432514	Phạm Quốc Khánh	K63.KTDTV3	5.0	23001		Khánh	
52	368	223332835	Ngô Minh Khuê	K63.RBTTNT	6.3	23014		Khuê	
53	369	221432521	Lê Vũ Kỳ	K63.KTDTV3	6.3	23001		Kỳ	
54	370	223332837	Đàm Ngọc Linh	K63.RBTTNT	0.3	23004		Linh	
55	371	223332838	Ngô Khánh Linh	K63.RBTTNT	6.5	23014		Linh	

Tổng số bài thi : 55

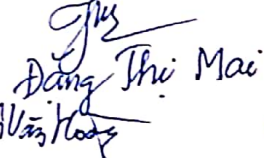
Tổng số tờ giấy thi :

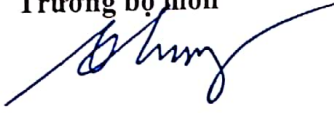
Hà Nội, ngày 04 tháng 7 năm 2023

Hai giáo viên chấm thi

Trưởng bộ môn

Người lập bảng



 Nguyễn Văn Hoàng
 Đặng Thị Mai


 PGS.TS. Trần Văn Long


 Nguyễn Thị Minh Hiền

Ghi chú:

- Ghi đầy đủ ký hiệu điểm đặc biệt theo qui định (nếu có)
- Bộ môn nộp điểm chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày thi cho Phòng Đào tạo Đại Học và các Khoa, Viện có liên quan
- Sinh viên có điểm quá trình bằng 0 nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HL
- Sinh viên bị gạch tên do nợ học phí nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HP

DANH SÁCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Năm học 2022-2023 học kỳ 2 - Đợt thi : Kế hoạch thi học kỳ chính (đợt 1) khóa 63 HK II 22-23

Mã học phần:BS0.104.2

Tên học phần:Lý thuyết xác suất

Số TC :2

Mã DST:BS0.104.2_07/07/2023_2_7BS0.104.2-1-2-22(N07) Thi tại : 105-A5

Ngày thi:07/07/2023

Ca thi: Ca 2 (09:30 - 11:30)

Phòng số:7

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi.chú
1	372	223332839	Phạm Quỳnh Mai	K63.RBTTNT	4,5			OK	
2	373	221632747	Lê Văn Tuấn Mạnh	K63.DKTDH2	2,0			Mạnh	
3	374	221632748	Phương Công Mạnh	K63.DKTDH2	8,5			Mạnh	
4	375	221632749	Đặng Quang Minh	K63.DKTDH2	6,5			Minh	
5	376	221432541	Nguyễn Tuấn Minh	K63.KTDTV3	2,5			Minh	
6	377	221632755	Trần Đức Ngọc	K63.DKTDH2	6,0			Ngọc	
7	378	221432556	Nguyễn Hữu Nhật	K63.KTDTV3	3,0			Việt	
8	379	221432557	Nguyễn Minh Nhật	K63.KTDTV3	7,0			Nhật	
9	380	223332841	Nguyễn Xuân Nhật	K63.RBTTNT	4,3			Nhật	
10	381	221432561	Ngô Nam Phong	K63.KTDTV3	4,0			phong	
11	382	221432563	Nguyễn Thế Phong	K63.KTDTV3	2,5			Phong	
12	383	221632764	Nguyễn Xuân Phúc	K63.DKTDH2	4,5			Phúc	
13	384	221432572	Trình Duy Phước	K63.KTDTV3	7,5			Phước	
14	385	221632767	Nguyễn Tá Duy Quang	K63.DKTDH2	4,5			Quang	
15	386	221432581	Đỗ Ngọc Sang	K63.KTDTV3	5,0			Sang	
16	387	221432582	Nguyễn Hồng Sơn	K63.KTDTV3	2,3			Sơn	
17	388	221402583	Nguyễn Ngọc Sơn	K63.KTDTV3	4,0			Sơn	
18	389	223332846	Nguyễn Xuân Sơn	K63.RBTTNT	3,5			Sơn	
19	390	221632780	Thân Văn Tâm	K63.DKTDH2	9,3			Tâm	
20	391	221632783	Nguyễn Hồng Thái	K63.DKTDH2	7,5			Thái	
21	392	221432600	Nguyễn Văn Thắng	K63.KTDTV3	5,3			Thắng	
22	393	221432593	Nguyễn Tiến Thành	K63.KTDTV3	7,5			Thành	
23	394	221432596	Tô Tiến Thành	K63.KTDTV3	5,8			Thành	
24	395	221432597	Vũ Tấn Thành	K63.KTDTV3	2,0			Thành	
25	396	221632790	Lương Đức Thiện	K63.DKTDH2	9,0			Thiện	
26	397	221432608	Bùi Duy Thọ	K63.KTDTV3	6,3			Thọ	
27	398	221432609	Đỗ Viết Thọ	K63.KTDTV3	5,0			Thọ	
28	399	221632793	Nguyễn Đức Thoán	K63.DKTDH2	8,5			Thoán	
29	400	221432615	Nguyễn Trí Thúc	K63.KTDTV3	5,0			Thúc	
30	401	221432616	Nguyễn Quốc Thực	K63.KTDTV3	6,0			Thực	
31	402	221402613	Nguyễn Trọng Thủy	K63.KTDTV3	3,5			Thủy	
32	403	221432614	Phạm Thị Thu Thủy	K63.KTDTV3	6,0			Thủy	
33	404	223332854	Lê Quang Tiến	K63.RBTTNT	4,0			Tiến	
34	405	221632798	Mai Đức Tiến	K63.DKTDH2	8,3			Tiến	
35	406	221432620	Trần Kim Tiến	K63.KTDTV3	1,0			Tiến	
36	407	223332855	Nguyễn Bá Toàn	K63.RBTTNT	1,0			Toàn	
37	408	223332856	Nguyễn Ngọc Toàn	K63.RBTTNT	00,0			Toàn	
38	409	223332857	Vũ Minh Toàn	K63.RBTTNT	2,5			Toàn	
39	410	223332858	Phạm Hữu Tới	K63.RBTTNT	5,8			Tới	
40	411	223332859	Hoàng Thị Thu Trang	K63.RBTTNT	3,8			Trang	
41	412	223332860	Nguyễn Trí Trung	K63.RBTTNT				Trung	Nợ HP
42	413	223332861	Nguyễn Đình Trường	K63.RBTTNT	3,0			Trường	

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
43	414	221432636	Phạm Đan Trường	K63.KTDTVT3	6,3			Trường	
44	415	221402637	Bùi Anh Tuấn	K63.KTDTVT3	3,0			Tuấn	
45	416	221632803	Nguyễn Quang Anh Tuấn	K63.DKTDH2	5,8			Tuấn	
46	417	223332862	Nguyễn Thanh Tùng	K63.RBTTNT	2,5			Tùng	
47	418	223332863	Lê Quốc Việt	K63.RBTTNT	1,0			Việt	
48	419	221632808	Ngô Quang Vinh	K63.DKTDH2	8,3			Vinh	
49	420	221432650	Lê Hoàng Vũ	K63.KTDTVT3	4,5			Vũ	
50	421	221632809	Nguyễn Thành Vũ	K63.DKTDH2	2,0			Vũ	
51	422	223332865	Trần Vũ	K63.RBTTNT	2,8			Vũ	
52	423	223332866	Lê Văn Vương	K63.RBTTNT	3,5			Vương	
53	424	221632811	Phạm Đình Vương	K63.DKTDH2	5,3			Vương	
54	425	221432654	Đặng Thị Xuân	K63.KTDTVT3	8,8			Xuân	
55	426	223332867	Vũ Hoàng Hải Yến	K63.RBTTNT	5,5			Yến	

Tổng số bài thi : 55

Tổng số tờ giấy thi :

Hà Nội, ngày 04 tháng 7 năm 2023

Hai giáo viên chấm thi

Trưởng bộ môn

Người lập bảng

N.H. Hoàng Trần Văn Long PGS.TS. Trần Văn Long

Nguyễn Thị Minh Hiền

Ghi chú:

- Ghi đầy đủ ký hiệu điểm đặc biệt theo qui định (nếu có)
- Bộ môn nộp điểm chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày thi cho Phòng Đào tạo Đại Học và các Khoa, Viện có liên quan
- Sinh viên có điểm quá trình bằng 0 nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HL
- Sinh viên bị gạch tên do nợ học phí nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HP

DANH SÁCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Năm học 2022-2023 học kỳ 2 - Đợt thi : Kế hoạch thi học kỳ chính (đợt 1) khóa 63 HK II 22-23

Mã học phần: BS0.104.2

Tên học phần: Lý thuyết xác suất

Số TC : 2

Mã DST: BS0.104.2_07/07/2023_2_7BS0.104.2-1-2-22(N07) Thi tại : 105-A5

Ngày thi: 07/07/2023

Ca thi:

Ca 2 (09:30 - 11:30)

Phòng số: 7

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	412	223332860	Nguyễn Trí Trung	K63.RBTTNT	5,0				

Tổng số bài thi :

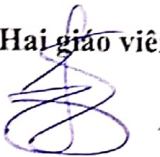
Tổng số tờ giấy thi :

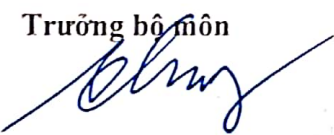
Hà Nội, ngày 11 tháng 7 năm 2023

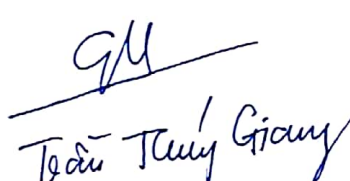
Hai giáo viên chấm thi

Trưởng bộ môn

Người lập bảng


N.H. Hoa
Ghi chú:


PGS.TS. Trần Văn Long


Trần Thái Giang

- Ghi đầy đủ ký hiệu điểm đặc biệt theo qui định (nếu có)
- Bộ môn nộp điểm chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày thi cho Phòng Đào tạo Đại Học và các Khoa, Viện có liên quan
- Sinh viên có điểm quá trình bằng 0 nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HL
- Sinh viên bị gạch tên do nợ học phí nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HP

DANH SÁCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

xong

Năm học 2022-2023 học kỳ 2 - Đợt thi : Kế hoạch thi học kỳ chính (đợt 1) khóa 63 HK II 22-23

Mã học phần:BS0.104.2

Tên học phần:Lý thuyết xác suất

Số TC :2

Mã DST:BS0.104.2_07/07/2023_2_8BS0.104.2-1-2-22(N08) Thi tại : 305-A5

Ngày thi:07/07/2023

Ca thi: Ca 2 (09:30 - 11:30)

Phòng số:8

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	427	221432375	Đặng Đức Anh	K63.KTDTV2		23004		Đặng	uy
2	428	221432395	Nguyễn Thanh Bằng	C K63.KTDTV2	0,8	23009		Bằng	
3	429	221432392	Hoàng Quốc Bảo	C K63.KTDTV2	1,0	23014		Bảo	
4	430	221432393	Nguyễn Quốc Bảo	C K63.KTDTV2	4,0	23001		Bảo	
5	431	221432401	Nguyễn Minh Chiến	K63.KTDTV2	1,8	23004		Chiến	
6	432	221432402	Phan Duy Chiến	C K63.KTDTV2	6,8	23016		Chiến	
7	433	221432403	Phạm Minh Chương	C K63.KTDTV2	5,0	23004		Chương	
8	434	221432405	Trần Đức Công	C K63.KTDTV2	8,8	23009		Công	
9	435	221432407	Nguyễn Hữu Mạnh Cường	C K63.KTDTV2	8,5	23014		Cường	
10	436	221432409	Vũ Mạnh Cường	C K63.KTDTV2	4,5	23016		Cường	
11	437	221432410	Vũ Xuân Cường	C K63.KTDTV2	5,5	23001		Cường	
12	438	221432430	Phạm Đức Đại	C K63.KTDTV2	5,5	23004		Đại	
13	439	221432433	Hoàng Tiến Đạt	C K63.KTDTV2	6,0	23014		Đạt	
14	440	221432434	Nguyễn Thành Đạt	C K63.KTDTV2	9,0	23009		Đạt	
15	441	221432443	Nguyễn Kim Đức	C K63.KTDTV2	6,0	23016		Đức	
16	442	221432446	Vũ Minh Đức	C K63.KTDTV2	2,5	23001		Đức	
17	443	221432412	Lê Hoàng Anh Dũng	C K63.KTDTV2	4,3	23004		Dũng	
18	444	221432413	Lê Tiến Dũng	K63.KTDTV2					uy
19	445	221432414	Nguyễn Duy Dũng	C K63.KTDTV2	5,5	23009		Dũng	
20	446	221432420	Đỗ Thành Duy	C K63.KTDTV2	7,3	23014		Duy	
21	447	221432451	Nguyễn Mạnh Hà	C K63.KTDTV2	5,3	23016		Hà	
22	448	221432453	Nguyễn Phú Hải	C K63.KTDTV2	3,0	23004		Hải	
23	449	221432454	Trần Văn Hải	C K63.KTDTV2	2,3	23001		Hải	
24	450	221432455	Vũ Hoàng Hải	C K63.KTDTV2	4,8	23014		Hải	
25	451	221432459	Nguyễn Hoàng Hiệp	C K63.KTDTV2	1,8	23009		Hiệp	
26	452	221432461	Vũ Văn Hiệp	C K63.KTDTV2	1,0	23016		Hiệp	
27	453	221432467	Nguyễn Đức Hiếu	C K63.KTDTV2	1,8	23001		Hiếu	
28	454	221432471	Nguyễn Xuân Hòa	C K63.KTDTV2	9,5	23004		Hòa	
29	455	221432473	Lăng Văn Hoàng	C K63.KTDTV2	0,5	23001		Hoàng	
30	456	224031855	Lê Huy Hoàng	C K63.KTDTV2	6,0	23014		Hoàng	
31	457	221402476	Nguyễn Minh Hoàng	C K63.KTDTV2	1,5	23009		Hoàng	
32	458	221402479	Trần Huy Hoàng	C K63.KTDTV2	5,0	23016		Hoàng	
33	459	221432503	Nguyễn Tuấn Hưng	C K63.KTDTV2	7,8	23001		Hưng	
34	460	221432504	Nguyễn Văn Hưng	C K63.KTDTV2	2,0	23009		Hưng	
35	461	221432491	Hoàng Tập Huy	C K63.KTDTV2	5,0	23004		Huy	
36	462	221432497	Vũ Đức Huy	C K63.KTDTV2	2,0	23016		Huy	
37	463	221432498	Nguyễn Đức Huyền	C K63.KTDTV2	6,8	23014		Huyền	

Mã DST: BS0.104.2_07/07/2023_2_8BS0.104.2-1-2-22(N08) Thi tại : 305-A5

Ngày thi: 07/07/2023

Ca thi:

Ca 2 (09:30 - 11:30)

Phòng số: 8

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
38	464	221432499	Nguyễn Trọng Huỳnh	C K63.KTDTV2	2,0	23004		Huỳnh	
39	465	221432509	Phạm Quang Khải	C K63.KTDTV2	2,3	23001		Khai	
40	466	221432510	Trần Quang Khải	C K63.KTDTV2	6,8	23014		Khai	
41	467	221432512	Lê Hoàng Khang	C K63.KTDTV2	5,3	23009		Khang	
42	468	221432513	Nguyễn Ngọc Khánh	C K63.KTDTV2	6,5	23001		Khánh	
43	469	221432515	Tạ Duy Khánh	C K63.KTDTV2	2,5	23016		Khánh	
44	470	221432517	Đỗ Đăng Khoa	C K63.KTDTV2	10,0	23014		Khoa	
45	471	221432520	Vũ Đình Trung Kiên	C K63.KTDTV2	8,8	23009		Kiên	
46	472	221402526	Nguyễn Đình Linh	C K63.KTDTV2	2,5	23016		Linh	
47	473	221432532	Trần Quang Luân	C K63.KTDTV2	4,8	23014		Luân	
48	474	221432534	Lưu Văn Mạnh	C K63.KTDTV2	7,5	23004		Mạnh	
49	475	221432537	Đỗ Trọng Minh	C K63.KTDTV2	2,5	23009		Minh	
50	476	221432536	Dương Văn Minh	C K63.KTDTV2	5,3	23014		Minh	
51	477	221432540	Lê Văn Minh	C K63.KTDTV2	5,0	23009		Minh	
52	478	221432542	Phùng Thị Hoài My	C K63.KTDTV2	9,3	23001		My	
53	479	221432544	Chu Tiến Nhật Nam	C K63.KTDTV2	4,0	23016		Nam	
54	480	221432549	Nguyễn Hải Nam	C K63.KTDTV2	7,0	23014		Nam	
55	481	221432551	Hoàng Đại Nghĩa	C K63.KTDTV2	3,3	23001		Nghĩa	
56	482	221432554	Bùi Thiên Nhất	C K63.KTDTV2	0,5	23004		Nhất	
57	483	221432555	Bùi Công Nhật	C K63.KTDTV2	8,0	23009		Nhất	
58	484	221432559	Nguyễn Quang Ninh	C K63.KTDTV2	4,5	23014		Ninh	
59	485	221432564	Phạm Hải Phong	C K63.KTDTV2	3,5	23009		Phong	
60	486	221432566	Bùi Hoàng Phú	C K63.KTDTV2	6,8	23016		Phú	
61	487	221402568	Nguyễn Đình Phúc	C K63.KTDTV2	4,8	23004		Phúc	
62	488	221432570	Trừ Minh Phúc	C K63.KTDTV2	1,5	23004		Phúc	
63	489	221432575	Hà Anh Quân	C K63.KTDTV2	2,5	23001		Quân	
64	490	221432576	Phan Anh Quân	C K63.KTDTV2	3,8	23009		Quân	
65	491	221432573	Bùi Minh Quang	C K63.KTDTV2	0,5	23014		Quang	
66	492	221432574	Đoàn Văn Quang	C K63.KTDTV2	2,0	23014		Quang	
67	493	221432587	Trần Sỹ Vũ Tâm	C K63.KTDTV2	3,5	23009		Tâm	
68	494	221432589	Phạm Anh Thái	C K63.KTDTV2	3,0	23016		Thái	
69	495	221432590	Vũ Văn Thái	C K63.KTDTV2	5,0	23014		Thái	
70	496	221432591	Vương Văn Thái	C K63.KTDTV2	3,0	23001		Thái	
71	497	221432598	Nguyễn Đức Thắng	C K63.KTDTV2	5,5	23016		Thắng	
72	498	221432599	Nguyễn Mạnh Thắng	C K63.KTDTV2	3,8	23004		Thắng	
73	499	221432601	Phùng Mạnh Thắng	C K63.KTDTV2	2,5	23016		Thắng	
74	500	221432592	Nguyễn Sỹ Thanh	C K63.KTDTV2	4,3	23009		Thanh	
75	501	221432595	Tạ Tiến Thành	C K63.KTDTV2	6,3	23014		Thành	
76	502	221432603	Nguyễn Đức Thịnh	C K63.KTDTV2	5,0	23014		Thịnh	
77	503	221432605	Nguyễn Hữu Thịnh	C K63.KTDTV2	5,8	23016		Thịnh	
78	504	221432607	Nguyễn Thiện Thịnh	C K63.KTDTV2	3,0	23016		Thịnh	
79	505	221432623	Lê Thế Toàn	C K63.KTDTV2	2,5	23001		Toàn	

Ngày thi: 07/07/2023

Ca thi:

Ca 2 (09:30 - 11:30)

Phòng số: 8

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
80	506	221432624	Thiều Đình Toàn	C K63.KTDTVT2	2,5	23004		Toàn	
81	507	221432632	Ngô Quốc Trung	C K63.KTDTVT2	5,5	23001		Trung	
82	508	221432633	Nguyễn Thành Trung	C K63.KTDTVT2	8,8	23014		Trung	
83	509	221432635	Đỗ Nguyễn Trường	K63.KTDTVT2		23009			Nợ HP
84	510	221432639	La Dương Tuấn	C K63.KTDTVT2	2,0	23009		Tuấn	
85	511	221432640	Lê Anh Tuấn	C K63.KTDTVT2	6,3	23011		Tuấn	
86	512	221432643	Nguyễn Xuân Tùng	C K63.KTDTVT2	4,5	23016		Tùng	
87	513	221432641	Phạm Tiến Tùng	C K63.KTDTVT2	2,3	23001		Tùng	
88	514	221432644	Nguyễn Cao Ngọc Tuyên	C K63.KTDTVT2	2,0	23016		Tuyên	
89	515	221432647	Nguyễn Quốc Việt	C K63.KTDTVT2	4,8	23004		Việt	
90	516	221432649	Đinh Lâm Vũ	C K63.KTDTVT2	3,8	23001		Vũ	

Tổng số bài thi :

Tổng số tờ giấy thi :

Hà Nội, ngày 04 tháng 7 năm 2023

Hai giáo viên chấm thi

Trưởng bộ môn

Người lập bảng

Đặng Thị Mai
Nguyễn Văn Hồng

PGS.TS. Trần Văn Long

Nguyễn Thị Minh Hiền

Ghi chú:

- Ghi đầy đủ ký hiệu điểm đặc biệt theo qui định (nếu có)
- Bộ môn nộp điểm chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày thi cho Phòng Đào tạo Đại Học và các Khoa, Viện có liên quan
- Sinh viên có điểm quá trình bằng 0 nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HL
- Sinh viên bị gạch tên do nợ học phí nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HP

rong

DANH SÁCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Năm học 2022-2023 học kỳ 2 - Đợt thi : Kế hoạch thi học kỳ chính (đợt 1) khóa 63 HK II 22-23

Mã học phần: BS0.104.2

Tên học phần: Lý thuyết xác suất

Số TC :2

Mã DST: BS0.104.2_07/07/2023_2_9BS0.104.2-1-2-22(N09) Thi tại : 101-A5

Ngày thi: 07/07/2023

Ca thi: Ca 2 (09:30 - 11:30)

Phòng số: 9

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	517	221432376	✓ Đặng Việt Anh	K63.KTDTVT1	1,3	23001		Anh	
2	518	221432374	✓ Dương Hoàng Anh	K63.KTDTVT1	10,0	23014		Anh	
3	519	221432377	✓ Lê Hồng Anh	K63.KTDTVT1	4,8	23009		Anh	
4	520	221432378	✓ Lưu Ngọc Tuấn Anh	K63.KTDTVT1	3,5	23009		Anh	
5	521	221432380	✓ Ma Tuấn Anh	K63.KTDTVT1	3,0	23004		Anh	
6	522	221432381	✓ Ngô Tuấn Anh	K63.KTDTVT1	8,0	230121		Anh	
7	523	221432384	✓ Nguyễn Đức Anh	K63.KTDTVT1	7,0	23001		Anh	
8	524	221432383	✓ Nguyễn Duy Anh	K63.KTDTVT1	8,3	23001		Anh	
9	525	221432387	✓ Nguyễn Việt Anh	K63.KTDTVT1	8,5	23001		Anh	
10	526	221432391	✓ Vũ Tuấn Anh	K63.KTDTVT1	6,3	23004		Anh	
11	527	221432396	✓ Nguyễn Đức Bình	K63.KTDTVT1	7,5	23009		Bình	
12	528	221432397	✓ Nguyễn Văn Bình	K63.KTDTVT1	2,8	23016		Bình	
13	529	221432398	✓ Dương Văn Cảnh	K63.KTDTVT1	6,8	23009		Cảnh	
14	530	221432399	✓ Vũ Đức Cảnh	K63.KTDTVT1	3,5	23009		Cảnh	
15	531	221432404	✓ Nguyễn Thành Công	K63.KTDTVT1	3,0	23001		Công	
16	532	221432408	✓ Võ Quốc Cường	K63.KTDTVT1	1,5	23001		Cường	
17	533	221432428	✓ Nguyễn Huy Đại	K63.KTDTVT1	10,0	23001		Đại	
18	534	221432429	✓ Nguyễn Trọng Đại	K63.KTDTVT1	5,0	23004		Đại	
19	535	221432431	✓ Võ Văn Đại	K63.KTDTVT1	4,3	23004		Đại	
20	536	221432438	✓ Phạm Tiến Đạt	K63.KTDTVT1	2,0	23016		Đạt	
21	537	221434936	✓ Tạ Tiến Đạt	K63.KTDTVT1	2,5	23009		Đạt	
22	538	221432440	✓ Đào Minh Đức	K63.KTDTVT1	10,0	23014		Đức	
23	539	221432441	✓ Đinh Xuân Đức	K63.KTDTVT1	8,0	23014		Đức	
24	540	221432418	✓ Vũ Đức Dũng	K63.KTDTVT1	5,0	23004		Dũng	
25	541	221432424	✓ Bùi Đại Dương	K63.KTDTVT1	4,8	23004		Dương	
26	542	221432426	✓ Nguyễn Vũ Bình Dương	K63.KTDTVT1	9,3	23004		Dương	
27	543	221402427	✓ Phạm Ngọc Dương	K63.KTDTVT1	7,3	23004		Dương	
28	544	221432423	✓ Dương Thị Duyên	K63.KTDTVT1	5,8	23001		Duyên	
29	545	221432447	✓ Ngô Trường Giang	K63.KTDTVT1	8,5	23014		Giang	
30	546	221432448	✓ Nguyễn Hoàng Giang	K63.KTDTVT1	6,0	23014		Giang	
31	547	221432450	✓ Nguyễn Hoàng Hà	K63.KTDTVT1	2,0	23009		Hà	
32	548	221432456	✓ Trần Thế Hanh	K63.KTDTVT1	1,8	23004		Hanh	
33	549	221432457	✓ Nguyễn Như Hào	K63.KTDTVT1	4,0	23016		Hào	
34	550	221402458	✓ Phạm Đức Hào	K63.KTDTVT1	4,0	23016		Hào	
35	551	221432460	✓ Nguyễn Khánh Hiệp	K63.KTDTVT1	00,0				Bỏ thi
36	552	221432463	✓ Hồ Minh Hiếu	K63.KTDTVT1	4,8	23016		Hiếu	
37	553	221432464	✓ Lê Trần Trung Hiếu	K63.KTDTVT1	2,5	23016		Hiếu	
38	554	221432466	✓ Ngô Quang Hiếu	K63.KTDTVT1	00,0	23009		Hiếu	
39	555	221432468	✓ Nguyễn Trung Hiếu	K63.KTDTVT1	4,5	23004		Hiếu	
40	556	221432469	✓ Từ Quốc Hiếu	K63.KTDTVT1	9,3	23001		Hiếu	
41	557	221432470	✓ Nguyễn Thị Phương Hoa	K63.KTDTVT1	3,3	23016		Hoa	
42	558	221432472	✓ Đỗ Xuân Hoàng	K63.KTDTVT1	5,0	23014		Hoàng	

Mã DST: BS0.104.2_07/07/2023_2_9BS0.104.2-1-2-22(N09) Thi tại : 101-A5

Ngày thi: 07/07/2023

Ca thi:

Ca 2 (09:30 - 11:30)

Phòng số: 9

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
43	559	221432474	✓ Nguyễn Đình Hoàng	K63.KTDTV1	3,8	23009		Hoàng	
44	560	221432477	✓ Nguyễn Văn Việt Hoàng	K63.KTDTV1	1,5	23009		Hoàng	
45	561	221402478	✓ Thân Trương Khánh Hoàng	K63.KTDTV1	3,5	23009		Hoàng	
46	562	221432481	✓ Đỗ Trung Học	K63.KTDTV1	9,3	23009		học	
47	563	221432487	✓ Nguyễn Tấn Hùng	K63.KTDTV1	0,5	23016		Hùng	
48	564	221432486	✓ Nguyễn Thiện Hùng	K63.KTDTV1	2,5	23016		Hùng	
49	565	221432488	✓ Phan Mạnh Hùng	K63.KTDTV1	6,3	23009		Hùng	
50	566	221432500	✓ Đỗ Mạnh Hưng	K63.KTDTV1	2,0	23001		Hưng	
51	567	221432502	✓ Lương Tú Hưng	K63.KTDTV1	2,8	23001		Hưng	
52	568	221432506	✓ Vũ Quốc Hưng	K63.KTDTV1	1,5	23014		Hưng	
53	569	221432489	✓ Đinh Văn Huy	K63.KTDTV1	4,0	23014		Huy	
54	570	221432493	✓ Nguyễn Ngọc Huy	K63.KTDTV1	4,5	21014		Huy	
55	571	221432496	Vũ Bá Huy	K63.KTDTV1	00,0				} Bỏ thi
56	572	221432518	Đặng Trung Kiên	K63.KTDTV1	00,0				
57	573	221432519	✓ Nguyễn Trung Kiên	K63.KTDTV1	2,8	23009		Kiên	
58	574	221432524	✓ Trần Khắc Lân	K63.KTDTV1	3,8	23009		Lân	
59	575	221402528	✓ Vũ Quyền Linh	K63.KTDTV1	5,0	23001		Linh	
60	576	221432529	✓ Nguyễn Minh Long	K63.KTDTV1	6,3	23004		Long	
61	577	221432531	✓ Trần Bảo Long	K63.KTDTV1	7,0	23009		Long	
62	578	221432535	✓ Nguyễn Hữu Mạnh	K63.KTDTV1	4,5	23016		Mạnh	
63	579	221432538	✓ Đào Đức Minh	K63.KTDTV1	00,0	23004		Minh	
64	580	221432539	✓ Đinh Văn Minh	K63.KTDTV1	0,5	23014		Minh	
65	581	221432543	✓ Cao Văn Nam	K63.KTDTV1	6,3	23004		Nam	
66	582	221432545	✓ Đào Hoài Nam	K63.KTDTV1	2,8	23016		Nam	
67	583	221432546	✓ Hoàng Văn Nam	K63.KTDTV1	4,8	23001		Nam	
68	584	221432547	✓ Lê Trọng Nam	K63.KTDTV1	2,5	23009		Nam	
69	585	221432548	✓ Nguyễn Đức Nam	K63.KTDTV1	4,3	23004		Nam	
70	586	221432550	✓ Vũ Duy Nam	K63.KTDTV1	5,0	23014		Nam	
71	587	221432553	✓ Nguyễn Lê Hoàng Nguyên	K63.KTDTV1	7,5	23016		Nguyên	
72	588	221432558	✓ Nguyễn Bá Ninh	K63.KTDTV1	2,0	23014		Ninh	
73	589	221432562	✓ Nguyễn Hà Phong	K63.KTDTV1	1,3	23014		Phong	
74	590	221432565	✓ Phạm Minh Phong	K63.KTDTV1	5,0	23014		Phong	
75	591	221432567	✓ Hoàng Văn Phúc	K63.KTDTV1	5,0	23014		Phúc	
76	592	221432569	✓ Ninh Ngọc Phúc	K63.KTDTV1	5,0	23001		Phúc	
77	593	221432571	✓ Nguyễn Duy Phước	K63.KTDTV1	2,0	23016		Phước	
78	594	221432578	✓ Bùi Văn Quốc	K63.KTDTV1	6,5	23016		Quốc	
79	595	221432580	✓ Hoàng Diễm Quỳnh	K63.KTDTV1	4,8	23016		Quỳnh	
80	596	221432594	✓ Ngô Chí Thành	K63.KTDTV1	1,3	23009		Thành	
81	597	211440565	✓ Nguyễn Đình Thành	K63.KTDTV1	4,0	23001		Thành	
82	598	221432602	✓ Vũ Đức Thiện	K63.KTDTV1	5,3	23004		Thiện	
83	599	221432604	✓ Nguyễn Hữu Thịnh	K63.KTDTV1	5,0	23014		Thịnh	
84	600	221432606	✓ Nguyễn Thiện Thịnh	K63.KTDTV1	4,0	23014		Thịnh	
85	601	221432612	✓ Phạm Thị Thùy	K63.KTDTV1	6,3	23004		Thùy	
86	602	221432619	✓ Phan Đăng Tiến	K63.KTDTV1	6,3	23001		Tiến	
87	603	221432625	✓ Đoàn Đình Toàn	K63.KTDTV1	5,0	23009		Toàn	
88	604	221432629	✓ Đỗ Đức Trung	K63.KTDTV1	4,5	23014		Trung	
89	605	221432630	✓ Đỗ Văn Trung	K63.KTDTV1	1,3	23009		Trung	

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
90	606	221432631	✓ Lương Việt Trung	K63.KTDTVT1	5,5	23016		Trung	
91	607	221432646	✓ Nguyễn Anh Văn	K63.KTDTVT1	3,5	2316		Văn	
92	608	221432648	✓ Bùi Quốc Việt	K63.KTDTVT1	6,3	23001		Việt	
93	609	221402651	✓ Trần Quốc Vương	K63.KTDTVT1	2,5	23004		Vương	
94	610	221432653	✓ Đào Thị Xinh	K63.KTDTVT1	3,3	23010		Xinh	

Tổng số bài thi : 91

Tổng số tờ giấy thi :

Hà Nội, ngày 04 tháng 7 năm 2023

Hai giáo viên chấm thi

Trưởng bộ môn

Người lập bảng

Trần Văn Long
N.M. Hùng

PGS.TS. Trần Văn Long

Nguyễn Thị Minh Hiền

Ghi chú:

- Ghi đầy đủ ký hiệu điểm đặc biệt theo qui định (nếu có)
- Bộ môn nộp điểm chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày thi cho Phòng Đào tạo Đại Học và các Khoa, Viện có liên quan
- Sinh viên có điểm quá trình bằng 0 nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HL
- Sinh viên bị gạch tên do nợ học phí nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HP

DANH SÁCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Năm học 2022-2023 học kỳ 2 - Đợt thi : Kế hoạch thi học kỳ chính (đợt 1) khóa 63 HK II 22-23

Mã học phần: BS0.104.2

Tên học phần: Lý thuyết xác suất

Số TC : 2

Mã DST: BS0.104.2_11/07/2023_3_10BS0.104.2-1-2-22(N10) Thi tại : 301-A7

Ngày thi: 11/07/2023

Ca thi: Ca 3 (13:00 - 15:00)

Phòng số: 10

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	611	222030389	Đặng Văn Anh	K63.KETOAN1	4,0	23002			
2	612	222030388	Đào Thị Vân Anh	K63.KETOAN1	0,5	23007		Anh	
3	613	212033700	Đỗ Thị Vân Anh	K63.KETOAN1	8,5	23015		Anh	
4	614	222030386	Dương Thị Quế Anh	K63.KETOAN1	9,5	23020		Anh	
5	615	222030387	Dương Thùy Anh	K63.KETOAN1	7,0	23025		anh	
6	616	222030390	Khổng Lan Anh	K63.KETOAN1	6,8	23002		Anh	
7	617	222030393	Nguyễn Thị Châu Anh	K63.KETOAN1	2,5	23007		Anh	
8	618	222030396	Vũ Thị Kiều Anh	K63.KETOAN1	7,0	23015		Anh	
9	619	222030400	Nguyễn Thị Ngọc Bích	K63.KETOAN1	7,3	23020		Bích	
10	620	222030402	Đỗ Thị Linh Chi	K63.KETOAN1	9,5	23015		Chi	
11	621	222030404	Nguyễn Thị Thanh Diệu	K63.KETOAN1	5,0	23002		Diệu	
12	622	222030405	Lê Thùy Dung	K63.KETOAN1	4,5	23007		Dung	
13	623	222030406	Nguyễn Thị Phương Dung	K63.KETOAN1	9,5	23015		Dung	
14	624	222030407	Nguyễn Thị Thuý Dung	K63.KETOAN1	8,5	23020		Dung	
15	625	222030410	Lương Thị Mỹ Duyên	K63.KETOAN1	6,3	23025		Duyên	
16	626	222030414	Dương Thị Hương Giang	K63.KETOAN1	9,5	23002		Giang	
17	627	222030415	Hoàng Đức Giang	K63.KETOAN1	7,5	23007		giang	
18	628	222030416	Nguyễn Hương Giang	K63.KETOAN1	8,3	23015			
19	629	222030417	Nguyễn Thị Giang	K63.KETOAN1	7,5	23020		Giang	
20	630	222030419	Nguyễn Thị Trà Giang	K63.KETOAN1	8,0	23002		Giang	
21	631	222030420	Nguyễn Thị Trà Giang	K63.KETOAN1	6,5	23020		Giang	
22	632	222030422	Nguyễn Thị Hà	K63.KETOAN1	7,3	23007		Hà	
23	633	222030423	Trần Thị Mỹ Hà	K63.KETOAN1	1,5	23015		SP	
24	634	222030429	Trần Thị Thanh Hiền	K63.KETOAN1	9,5	23025		hiền	
25	635	222030430	Mai Phúc Hiếu	K63.KETOAN1	10,0	23020		Hiếu	
26	636	222030431	Nguyễn Thị Hoài	K63.KETOAN1	6,0	23002		Hoài	
27	637	222030432	Đoàn Huy Hoàng	K63.KETOAN1	6,5	23007		Hoàng	
28	638	222030434	Trần Minh Huệ	K63.KETOAN1	9,5	23015		Huê	
29	639	222030439	Nguyễn Minh Kỳ	K63.KETOAN1	2,5	23007		Kỳ	
30	640	222030443	Đinh Thị Thảo Liên	K63.KETOAN1	3,0	23025		Liên	
31	641	222030444	Nguyễn Cẩm Liên	K63.KETOAN1	4,8	23020		Liên	
32	642	222030445	Đỗ Thị Kiều Linh	K63.KETOAN1	3,8	23002		linh	
33	643	222030446	Lâm Thị Linh	K63.KETOAN1	6,5	23025		linh	
34	644	222030451	Trần Thị Phương Linh	K63.KETOAN1	10,0	23025		Linh	
35	645	222030452	Trần Thùy Linh	K63.KETOAN1	5,0	23020		linh	
36	646	V2220223	Nguyễn Trà My	K63.KETOAN1	0,3	23015		My	
37	647	222030454	Phạm Thị Hồng Mỹ	K63.KETOAN1	5,3	23007		Mỹ	
38	648	222000456	Nguyễn Hiếu Ngân	K63.KETOAN1	9,5	23002		Ngân	
39	649	222000457	Bùi Thị Ngân	K63.KETOAN1	8,8	23025		Ngân	
40	650	222030458	Đặng Thị Minh Ngọc	K63.KETOAN1	9,3	23007		Ngọc	
41	651	222030462	Nguyễn Thị Thanh Nhân	K63.KETOAN1	1,5	23015		Nhân	
42	652	222030463	Trần Thị Thanh Nhân	K63.KETOAN1	00,0				Vắng

Ngày thi: 11/07/2023

Ca thi:

Ca 3 (13:00 - 15:00)

Phòng số:10

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đồ số	Số tờ	Kỳ nộp	Ghi chú
43	653	222030466	Đào Thị Hồng Nhung	K63.KETOAN1	10,0	23025		clhe	
44	654	222030465	Đỗ Thị Hương Nhung	K63.KETOAN1	6,3	23022		flrre	Nợ HP
45	655	222030472	Mai Hoàng Phúc	K63.KETOAN1					
46	656	222030473	Cao Thị Thu Phương	K63.KETOAN1	1,5	23002		phuong	Vắng
47	657	222030475	Nguyễn Minh Phương	K63.KETOAN1	00,0				Nợ HP
48	658	222030476	Trần Thị Thảo Phương	K63.KETOAN1					
49	659	222030479	Nguyễn Thị Phương	K63.KETOAN1	9,5	23015		Phuong	
50	660	222030480	Nguyễn Thị Ngọc Quyên	K63.KETOAN1	7,8	23015		Quyen	
51	661	222000482	Hoàng Như Quỳnh	K63.KETOAN1	3,0	23020		Quynh	
52	662	222030484	Hoàng Minh Tâm	K63.KETOAN1	6,0	23025		Tam	
53	663	222030485	Vũ Thị Tâm	K63.KETOAN1	4,5	23002		Tam	
54	664	222030491	Trần Thị Thắm	K63.KETOAN1	7,8	23007		Tham	
55	665	222030486	Nguyễn Hà Thanh	K63.KETOAN1	7,8	23002		Thanh	
56	666	222030489	Phan Thị Phương Thảo	K63.KETOAN1	8,0	23015		Thao	
57	667	222000490	Phùng Phương Thảo	K63.KETOAN1	6,0	23020		Thao	
58	668	222030501	Đặng Thị Thương	K63.KETOAN1	7,3	23015		Thuong	
59	669	222000498	Trần Thị Thủy	K63.KETOAN1	5,0	23007		Thuy	
60	670	222030497	Nguyễn Thu Thủy	K63.KETOAN1	6,0	23020		Thuy	
61	671	222030506	Nguyễn Thị Minh Trang	K63.KETOAN1	5,5	23025		Trang	
62	672	222030507	Nguyễn Thùy Trang	K63.KETOAN1	6,3	23007		Trang	
63	673	222030511	Tô Tiên Việt	K63.KETOAN1	2,5	23002		Viêt	
64	674	222030513	Phạm Thảo Vy	K63.KETOAN1	10,0	23025		Vy	
65	675	222000514	Lê Thị Yến	K63.KETOAN1	9,0	23020		Yen	

Tổng số bài thi : 61

Tổng số tờ giấy thi :

Hà Nội, ngày 07 tháng 7 năm 2023

Hai giáo viên chấm thi

Trưởng bộ môn

Người lập bảng

N.H.H. Soe Vũ Thị Hương

Trưởng bộ môn



PGS.TS. Trần Văn Long


Nguyễn Thị Minh Hiền

Ghi chú:

- Ghi đầy đủ ký hiệu điểm đặc biệt theo qui định (nếu có)
- Bộ môn nộp điểm chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày thi cho Phòng Đào tạo Đại Học và các Khoa, Viện có liên quan
- Sinh viên có điểm quá trình bằng 0 nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HL
- Sinh viên bị gạch tên do nợ học phí nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HP

DANH SÁCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Năm học 2022-2023 học kỳ 2 - Đợt thi : Kế hoạch thi học kỳ chính (đợt 1) khóa 63 HK II 22-23

Mã học phần:BS0.104.2

Tên học phần:Lý thuyết xác suất

Số TC :2

Mã DST:BS0.104.2_11/07/2023_3_11BS0.104.2-1-2-22(N11) Thi tại : 401-A7

Ngày thi:11/07/2023

Ca thi:

Ca 3 (13:00 - 15:00)

Phòng số:11

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
C 1	676	222030391	Lê Thị Vân Anh	K63.KETOAN2	6,8	23015		Anh	
C 2	677	222030392	Nguyễn Quỳnh Anh	K63.KETOAN2	4,3	23020		Anh	
C 3	678	222030394	Phạm Lan Anh	K63.KETOAN2	9,8	23025		Anh	
C 4	679	222030395	Phạm Quang Anh	K63.KETOAN2	5,0	23020		Anh	
C 5	680	222030397	Hoàng Minh Ánh	K63.KETOAN2	7,5	23015		Anh	
C 6	681	222030398	Nguyễn Ngọc Ánh	K63.KETOAN2	7,8	23027		Anh	
C 7	682	222030401	Chu Thị Bình	K63.KETOAN2	8,0	23020		Bình	
C 8	683	222030403	Phùng Thị Kim Chi	K63.KETOAN2	8,5	23025		Chi	
	684	222030413	Đặng Lê Anh Đức	K63.KETOAN2	00,0				Vũ
C 10	685	222030408	Nguyễn Thùy Dung	K63.KETOAN2	5,8	23002		Dung	
	686	222030409	Vì Anh Duy	K63.KETOAN2					Nợ HP
C 12	687	222030411	Nguyễn Thị Duyên	K63.KETOAN2	5,3	23007		Duyên	
C 13	688	222030418	Nguyễn Thị Thu Giang	K63.KETOAN2	4,8	23002		Giang	
C 14	689	222030421	Phạm Thị Giang	K63.KETOAN2	5,5	23007		Giang	
C 15	690	222030425	Lê Minh Hằng	K63.KETOAN2	7,5	23015		Hằng	
C 16	691	222030424	Nguyễn Mai Hạnh	K63.KETOAN2	7,5	23025		Hạnh	
C 17	692	222030426	Vũ Thị Hiền	K63.KETOAN2	7,0	23020		Hiền	
C 18	693	222030427	Điền Thị Thu Hiền	K63.KETOAN2	9,3	23025		Hiền	
C 19	694	222030428	Trần Thị Hiền	K63.KETOAN2	6,0	23020		Hiền	
C 20	695	222030433	Ngô Kim Huệ	K63.KETOAN2	5,8	23015		Huê	
C 21	696	222030435	Vũ Thị Kim Huệ	K63.KETOAN2	8,5	23025		Huê	
C 22	697	222030436	Nguyễn Thu Hương	K63.KETOAN2	8,0	23020		Hương	
C 23	698	222030437	Nguyễn Thu Hương	K63.KETOAN2	7,5	23015		Hương	
C 24	699	222030438	Đỗ Minh Khuê	K63.KETOAN2	7,0	23002		Khuê	
C 25	700	222030440	Đinh Thúy Ngọc Lan	K63.KETOAN2	6,8	23007		Lan	
C 26	701	222030441	Lê Thị Diệp Lan	K63.KETOAN2	5,3	23002		Lan	
C 27	702	222030442	Lương Thị Lan	K63.KETOAN2	5,0	23025		Lan	
	703	222030447	Lê Thị Thảo Linh	K63.KETOAN2					Nợ HP
C 29	704	222030448	Nguyễn Phương Linh	K63.KETOAN2	7,5	23004		Linh	
C 30	705	222030449	Nguyễn Thị Thùy Linh	K63.KETOAN2	6,0	23015		Linh	
C 31	706	222030450	Trần Khánh Linh	K63.KETOAN2	8,3	23020		Linh	
C 32	707	222030453	Vũ Thị Khánh Linh	K63.KETOAN2	3,0	23015		Linh	
C 33	708	222030455	Khúc Thị Quỳnh Nga	K63.KETOAN2	5,0	23025		Nga	
C 34	709	222030459	Ngô Thị Ngọc	K63.KETOAN2	7,0	23002		Ngọc	
C 35	710	222030460	Nguyễn Bích Ngọc	K63.KETOAN2	4,5	23020		Ngọc	
C 36	711	222030461	Nguyễn Thị Ngọc	K63.KETOAN2	4,8	23007		Ngọc	
C 37	712	222030464	Trịnh Yến Nhi	K63.KETOAN2	2,5	23015		Nhi	
C 38	713	222000467	Đặng Thị Hồng Nhung	K63.KETOAN2	5,0	23002		Nhung	
C 39	714	222030468	Nguyễn Thị Khánh Ninh	K63.KETOAN2	9,0	23025		Ninh	
C 40	715	222030469	Nguyễn Thị Kim Oanh	K63.KETOAN2	7,8	23015		Oanh	
C 41	716	222030470	Nguyễn Thị Tú Oanh	K63.KETOAN2	7,0	23020		Oanh	
C 42	717	222030471	Nguyễn Tuấn Phát	K63.KETOAN2	1,5	23007		Phát	

Ngày thi: 11/07/2023

Ca thi:

Ca 3 (13:00 - 15:00)

Phòng số: 11

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
C 43	718	222000474	Lường Thị Phương	K63.KETOAN2	9,3	23002		phương	
C 44	719	222030477	Trương Thị Linh Phương	K63.KETOAN2	6,0	23015		Phước	
C 45	720	222030478	Vũ Mai Phương	K63.KETOAN2	10,0	23007		phương	
C 46	721	222000481	Phạm Thị Như Quỳnh	K63.KETOAN2	6,3	23020		quỳnh	
C 47	722	222000483	Nguyễn Trung Sơn	K63.KETOAN2	5,0	23025		Sơn	
C 48	723	222030487	Nguyễn Phương Thanh	K63.KETOAN2	9,5	23015		Thanh	
C 49	724	222030488	Bùi Chí Thành	K63.KETOAN2	4,5	23007		Thành	
C 50	725	222030492	Lê Thị Thu	K63.KETOAN2	7,8	23020		Thu	
C 51	726	222030499	Đào Thị Minh Thư	K63.KETOAN2	9,8	23025		Thư	
C 52	727	222030500	Nguyễn Thị Anh Thư	K63.KETOAN2	8,0	23025		Thư	
C 53	728	222030494	Nguyễn Minh Thùy	K63.KETOAN2	8,8	23002		Thùy	
C 54	729	222030495	Nguyễn Thị Thùy	K63.KETOAN2	6,5	23007		Thùy	
C 55	730	222000496	Bùi Thu Thủy	K63.KETOAN2	7,5	23015		Thủy	
C 56	731	222030493	Hoàng Thanh Thủy	K63.KETOAN2	5,3	23004		Thủy	
C 57	732	222030502	Lường Thị Tình	K63.KETOAN2	7,0	23002		Tình	
C 58	733	222000503	Bạch Thanh Trà	K63.KETOAN2	4,5	23002		Trà	
C 59	734	222030504	Đặng Huyền Trang	K63.KETOAN2	4,3	23004		Trang	
C 60	735	222030505	Lê Thị Thùy Trang	K63.KETOAN2	10,0	23025		Trang	
C 61	736	222030510	Phạm Thị Vân	K63.KETOAN2	10,0	23020		Vân	
C 62	737	222030509	Phan Thị Thu Vân	K63.KETOAN2	5,0	23002		Vân	
C 63	738	222030512	Nguyễn Thị Tường Vy	K63.KETOAN2	5,8	23002		Vy	

Tổng số bài thi : 60

Tổng số tờ giấy thi :

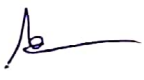
Hà Nội, ngày 07 tháng 7 năm 2023

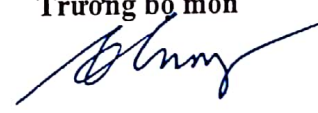
Hai giáo viên chấm thi

Trưởng bộ môn

Người lập bảng


 Nguyễn Văn Hoàng


 M.P. Bình


 PGS.TS. Trần Văn Long


 Nguyễn Thị Minh Hiền

Ghi chú:

- Ghi đầy đủ ký hiệu điểm đặc biệt theo qui định (nếu có)
- Bộ môn nộp điểm chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày thi cho Phòng Đào tạo Đại Học và các Khoa, Viện có liên quan
- Sinh viên có điểm quá trình bằng 0 nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HL
- Sinh viên bị gạch tên do nợ học phí nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HP

DANH SÁCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN**Năm học 2022-2023 học kỳ 2 - Đợt thi : Kế hoạch thi học kỳ chính (đợt 1) khóa 63 HK II 22-23**

Mã học phần: BS0.104.2

Tên học phần: Lý thuyết xác suất

Số TC : 2

Mã DST: BS0.104.2_11/07/2023_3_12BS0.104.2-1-2-22(N12) Thi tại : 104-A5

Ngày thi: 11/07/2023

Ca thi: Ca 3 (13:00 - 15:00)

Phòng số: 12

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	739	221830001	Bùi Ngô Quỳnh Anh	K63.KTE 1	4,3	23015		AN	
2	740	221830002	Lê Doãn Tuấn Anh	K63.KTE 1	5,3	23015		Anh	
3	741	221830003	Nguyễn Thị Hồng Anh	K63.KTE 1	5,5	23007		Ph	
4	742	221830005	Nguyễn Thị Phương Anh	K63.KTE 1	5,8	23002		Anh	
5	743	221800007	Hứa Thị Minh Ánh	K63.KTE 1	7,0	23020		Ánh	
6	744	221830008	Ngô Thế Bình	K63.KTE 1	2,5	23025		Bình	
7	745	221830010	Bùi Minh Chiến	K63.KTE 1	3,0	23020		Chiến	
8	746	221830011	Đỗ Minh Chính	K63.KTE 1	5,8	24015		Chính	
9	747	221830013	Nguyễn Thị Diễm	K63.KTE 1	5,3	23020		Diễm	
10	748	221800017	Ngô Hồng Hải	K63.KTE 1	5,0	23015		Hải	
11	749	221830019	Lại Thị Hạnh	K63.KTE 1	10,0	23007		Hạnh	
12	750	221830018	Lê Thị Hồng Hạnh	K63.KTE 1	6,3	23025		Hồng	
13	751	221830020	Nguyễn Hồng Hạnh	K63.KTE 1	10,0	23015		Hạnh	
14	752	221830023	Kiều Văn Hiến	K63.KTE 1	8,8	23002		Hiến	
15	753	221830024	Hoàng Chí Hiếu	K63.KTE 1	2,5	23020		Hiếu	
16	754	221830025	Nguyễn Đức Hiếu	K63.KTE 1	2,5	23007		Hiếu	
17	755	221830030	Nguyễn Quốc Huy	K63.KTE 1	9,3	23007		Huy	
18	756	221830032	Phạm Quang Huy	K63.KTE 1	2,8	23025		Huy	
19	757	221830033	Phạm Quốc Huy	K63.KTE 1	2,5	23015		Huy	
20	758	221830036	Nguyễn Thị Thanh Huyền	K63.KTE 1	7,0	23002		Huyền	
21	759	221830037	Vũ Thị Minh Huyền	K63.KTE 1	3,3	23025		Huyền	
22	760	221830040	Nguyễn Văn Kiên	K63.KTE 1	6,5	23002		Kiên	
23	761	221830047	Nguyễn Thị Thùy Linh	K63.KTE 1	7,5	23025		Linh	
24	762	221830048	Phan Thị Thuý Linh	K63.KTE 1	7,0	23015		Linh	
25	763	221830049	Trần Thùy Linh	K63.KTE 1	6,8	23020		Linh	
26	764	221830051	Vũ Thị Linh	K63.KTE 1	5,8	23025		Linh	
27	765	221830052	Nguyễn Thị Kim Loan	K63.KTE 1	6,3	23007		Loan	
28	766	221830053	Nguyễn Thành Lộc	K63.KTE 1	2,5	23020		Lộc	
29	767	221830058	Đinh Thị Thu Mai	K63.KTE 1	3,8	23002		Mai	
30	768	221800059	Lê Thị Mai	K63.KTE 1	8,0	23020		Mai	
31	769	221830060	Nguyễn Thị Mai	K63.KTE 1	10,0	23015		Mai	
32	770	221830061	Trần Thị Sao Mai	K63.KTE 1	6,0	23002		Mai	
33	771	221830062	Trần Thị Thanh Mai	K63.KTE 1	9,0	23020		Mai	
34	772	221830064	Nguyễn Nhật Minh	K63.KTE 1	5,0	23007		Minh	
35	773	221830069	Đỗ Thị Kim Ngân	K63.KTE 1	8,0	23015		Ngân	
36	774	221830070	Trần Thị Kim Ngân	K63.KTE 1	4,0	23002		Ngân	
37	775	221830073	Nguyễn Quý Nhân	K63.KTE 1	9,3	23015		Nhân	
38	776	221830078	Nguyễn Thu Phương	K63.KTE 1	6,3	23007		Phương	
39	777	221830079	Nguyễn Việt Quang	K63.KTE 1	5,0	23020		Quang	
40	778	221830080	Trịnh Hồng Quyền	K63.KTE 1	5,0	23020		Quyền	
41	779	221830081	Bùi Thị Như Quỳnh	K63.KTE 1	7,5	23007		Quỳnh	
42	780	221800082	Đặng Thị Thúy Quỳnh	K63.KTE 1	10,0	23020		Quỳnh	

Ngày thi:11/07/2023

Ca thi:

Ca 3 (13:00 - 15:00)

Phòng số:12

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
43	781	221830083	Nguyễn Triệu Quỳnh	K63.KTE 1	5,0	23007		Quỳnh	
44	782	221830085	Nguyễn Duy Tân	K63.KTE 1	2,8	23007		Tân	
45	783	221830087	Trần Thị Phương Thảo	K63.KTE 1	4,5	23002		Thảo	
46	784	221800089	Lê Thị Thoa	K63.KTE 1	4,5	23002		Thoa	
47	785	221830091	Bàn Thị Minh Thư	K63.KTE 1	9,5	23007		Thư	
48	786	221830090	Bùi Quang Thuần	K63.KTE 1	3,5	23025		Thuần	
49	787	221800094	Nguyễn Thị Thu Trang	K63.KTE 1	2,5	23002		Trang	
50	788	221830095	Vũ Hà Trang	K63.KTE 1	7,8	23007		Trang	
51	789	221830096	Nguyễn Thị Phương Trinh	K63.KTE 1	1,8	23020		Trinh	
52	790	221830103	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	K63.KTE 1	7,3	23015		Tuyết	
53	791	221830105	Vũ Thị Hà Vi	K63.KTE 1	3,3	23025		Vi	
54	792	221830106	Nguyễn Quốc Việt	K63.KTE 1	8,8	23002		Việt	
55	793	221830108	Hoàng Hiền Vinh	K63.KTE 1	7,5	23025		Vinh	
56	794	221830109	Nguyễn Quang Vinh	K63.KTE 1	8,8	23025		Vinh	
57	795	221830111	Nguyễn Hà Vy	K63.KTE 1	10,0	23025		Vy	
58	1635	V222106362	Võ Nguyễn Trí Anh	K63.KTE 1	00,0				

Tổng số bài thi : 57

Tổng số tờ giấy thi :

Hà Nội, ngày 07 tháng 7 năm 2023

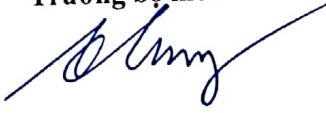
Hai giáo viên chấm thi

Trưởng bộ môn

Người lập bảng


Nguyễn Văn Hoàng


M.P. Bình


PGS.TS. Trần Văn Long


Nguyễn Thị Minh Hiền

Ghi chú:

- Ghi đầy đủ ký hiệu điểm đặc biệt theo qui định (nếu có)
- Bộ môn nộp điểm chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày thi cho Phòng Đào tạo Đại Học và các Khoa, Viện có liên quan
- Sinh viên có điểm quá trình bằng 0 nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HL
- Sinh viên bị gạch tên do nợ học phí nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HP

DANH SÁCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Năm học 2022-2023 học kỳ 2 - Đợt thi : Kế hoạch thi học kỳ chính (đợt 1) khóa 63 HK II 22-23

Mã học phần:BS0.104.2

Tên học phần:Lý thuyết xác suất

Số TC :2

Mã DST:BS0.104.2_11/07/2023_3_13BS0.104.2-1-2-22(N13) Thi tại : 105-A5

Ngày thi:11/07/2023

Ca thi:

Ca 3 (13:00 - 15:00)

Phòng số:13

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	796	221830004	✓ Nguyễn Thị Mai Anh	K63.KTE 2	6,8	01		Anh	
2	797	221830006	✓ Trịnh Tuấn Anh	K63.KTE 2	2,8	25		Anh	
3	798	221830009	✓ Lê Thị Linh Chi	K63.KTE 2	6,3	20		Chi	
4	799	221830012	✓ Trần Văn Cường	K63.KTE 2	9,5	15		Cường	
5	800	221830016	✓ Nguyễn Ngọc Đức	K63.KTE 2	5,5	15		Đức	
6	801	221830015	✓ Trần Đức Dương	K63.KTE 2	5,0	02		Dương	
7	802	221830014	✓ Nguyễn Đức Duy	K63.KTE 2	4,0	20		Duy	
8	803	221830022	✓ Bùi Ngọc Hân	K63.KTE 2	5,3	20		Hân	
9	804	221830021	✓ Đoàn Thị Thanh Hằng	K63.KTE 2	3,8	25		Hằng	
10	805	221830026	✓ Nguyễn Văn Hiếu	K63.KTE 2	1,3	07		Hiếu	
11	806	221830027	✓ Trần Việt Hoàng	K63.KTE 2	5,5	15		Hoàng	
12	807	221830028	✓ Phạm Thị Huệ	K63.KTE 2	5,5	02		Huệ	
13	808	221830038	✓ Ngô Quốc Hưng	K63.KTE 2	6,3	0,2		Hưng	
14	809	221830029	✓ Nguyễn Gia Huy	K63.KTE 2	4,0	07		Huy	
15	810	221800031	✓ Phạm Quang Huy	K63.KTE 2	8,3	25		Huy	
16	811	221830034	✓ Đào Thị Huyền	K63.KTE 2	7,3	15		Huyền	
17	812	221830035	Nguyễn-Thị-Mỹ-Huyền	K63.KTE-2					Nợ HP
18	813	221830039	✓ Phan Trọng Khánh	K63.KTE 2	4,5	20		Khánh	
19	814	221800041	✓ Nông Đức Kiên	K63.KTE 2	3,8	25		Kiên	
20	815	221830042	✓ Từ Cảnh Kỳ	K63.KTE 2	5,8	02		Kỳ	
21	816	221830043	✓ Nguyễn Phúc Lâm	K63.KTE 2	6,0	15		Lâm	
22	817	221830044	✓ Nguyễn Thư Lê	K63.KTE 2	6,0	20		Lê	
23	818	221830046	✓ Lê Thị Linh	K63.KTE 2	7,5	25		Linh	
24	819	221830050	✓ Vũ Thị Diệu Linh	K63.KTE 2	6,5	02		Linh	
25	820	221830054	✓ Dương Khánh Ly	K63.KTE 2	5,5	07		Ly	
26	821	221830055	✓ Lưu Thị Ly	K63.KTE 2	4,5	15		Ly	
27	822	221830056	✓ Phan Thị Hương Ly	K63.KTE 2	9,5	20		Ly	
28	823	221830057	✓ Vũ Hương Ly	K63.KTE 2	7,3	07		Ly	
29	824	221800063	✓ Phan Tiến Mạnh	K63.KTE 2	7,0	15		Mạnh	
30	825	221830065	✓ Nguyễn Thị Na	K63.KTE 2	4,5	07		Na	
31	826	221830067	✓ Đặng Thị Nga	K63.KTE 2	4,5	02		Nga	
32	827	221830066	✓ Đào Thúy Nga	K63.KTE 2	6,5	25		Nga	
33	828	221830068	✓ Nguyễn Phương Nga	K63.KTE 2	4,0	20		Nga	
34	829	221830071	✓ Lê Thị Bé Ngọc	K63.KTE 2	2,5	20		Ngọc	
35	830	221830072	✓ Phạm Mai Ngọc	K63.KTE 2	4,0	15		Ngọc	
36	831	221830074	✓ Đào Thị Yến Nhi	K63.KTE 2	7,5	07		Nhi	
37	832	221830075	✓ Ý Nhi	K63.KTE 2	2,8	02		Nhi	
38	833	221830076	✓ Đinh Thị Kim Oanh	K63.KTE 2	8,8	25		Oanh	
39	834	221830077	✓ Nguyễn Thanh Phương	K63.KTE 2	2,5	25		Phương	
40	835	221830084	✓ Nguyễn Thị Kim Sơn	K63.KTE 2	0,8	07		Sơn	
41	836	221830086	✓ Nguyễn Phương Thảo	K63.KTE 2	3,3	15		Thảo	
42	837	221800088	✓ Phạm Văn Thiện	K63.KTE 2	3,5	25		Thiện	

Ngày thi:11/07/2023

Ca thi:

Ca 3 (13:00 - 15:00)

Phòng số:13

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
43	838	221830092 ✓	Hoàng Minh Tiến	K63.KTE 2	4,5	20		Tiến	
44	839	221800093 ✓	Nguyễn Thị Kiều Trang	K63.KTE 2	7,5	02		Trang	
45	840	221830097 ✓	Vũ Văn Trọng	K63.KTE 2	6,8	25		Trọng	
46	841	221830098 ✓	Nguyễn Việt Trung	K63.KTE 2	4,5	2		Trung	
47	842	221830099 ✓	Trần Anh Tú	K63.KTE 2	3,8	07		Tú	
48	843	221830100 ✓	Nguyễn Thanh Tùng	K63.KTE 2	8,5	20		Tùng	
49	844	221830101 ✓	Phạm Thanh Tùng	K63.KTE 2	4,0	02		Tùng	
50	845	221830102 ✓	Đào Ánh Tuyết	K63.KTE 2	2,0	07		Tuyết	
51	846	221830104 ✓	Bùi Thị Thảo Vân	K63.KTE 2	6,0	15		Vân	
52	847	221830107 ✓	Tăng Hoàng Việt	K63.KTE 2	6,0	15		Việt	
53	848	221830110 ✓	Mai Thị Hà Vy	K63.KTE 2	3,5	07		Vy	
54	849	221830112 ✓	Nguyễn Thị Thanh Xuân	K63.KTE 2	5,3	02		Xuân	
55	850	221830113 ✓	Lê Thị Yến	K63.KTE 2	4,3	25		Yến	
56	851	221830114 ✓	Nguyễn Thị Hải Yến	K63.KTE 2	5,8	20		Yến	

Tổng số bài thi : 55

Tổng số tờ giấy thi :

Hà Nội, ngày 07 tháng 7 năm 2023

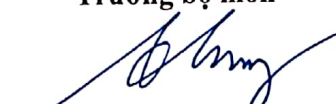
Hai giáo viên chấm thi

Trưởng bộ môn

Người lập bảng


Nguyễn Văn Hoàng


M.P. Bình


PGS.TS. Trần Văn Long


Nguyễn Thị Minh Hiền

Ghi chú:

- Ghi đầy đủ ký hiệu điểm đặc biệt theo qui định (nếu có)
- Bộ môn nộp điểm chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày thi cho Phòng Đào tạo Đại Học và các Khoa, Viện có liên quan
- Sinh viên có điểm quá trình bằng 0 nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HL
- Sinh viên bị gạch tên do nợ học phí nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HP

xong

DANH SÁCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Năm học 2022-2023 học kỳ 2 - Đợt thi : Kế hoạch thi học kỳ chính (đợt 1) khóa 63 HK II 22-23

Mã học phần:BS0.104.2

Tên học phần:Lý thuyết xác suất

Số TC :2

Mã DST:BS0.104.2_11/07/2023_3_14BS0.104.2-1-2-22(N14) Thi tại : 403-A7

Ngày thi:11/07/2023

Ca thi:

Ca 3 (13:00 - 15:00)

Phòng số:14

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	852	222234739 ✓	Đỗ Quế An	K63.KTVT1	6.3	23002			
2	853	222234747 ✓	Nguyễn Thanh Nam Anh	K63.KTVT1	2.5	23015			
3	854	222234746 ✓	Nguyễn Thị Thúy Anh	K63.KTVT1	8.0	23025			
4	855	222234748 ✓	Phạm Ngọc Anh	K63.KTVT1	3.3	23007			
5	856	222234749 ✓	Phạm Thị Phương Anh	K63.KTVT1	6.5	23020			
6	857	221133470 ✓	Phạm Tuấn Anh	K63.KTVT1	2.5	23025			
7	858	222204758 ✓	Phạm Minh Ánh	K63.KTVT1	7.8	23007			
8	859	222234759 ✓	Phạm Ngọc Ánh	K63.KTVT1	10.0	23020			
9	860	222234761 ✓	Hoàng Gia Bảo	K63.KTVT1	00.0	23002			
10	861	222234762 ✓	Phạm Gia Bảo	K63.KTVT1	2.0	23007			
11	862	222234764 ✓	Đinh Thanh Bình	K63.KTVT1	4.0	23020			
12	863	222234765 ✓	Nguyễn Đoàn Chi	K63.KTVT1	5.3	23002			
13	864	222234768 ✓	Phan Bảo Chi	K63.KTVT1	3.5	23015			
14	865	222234782 ✓	Đinh Hoàng Đại	K63.KTVT1	4.5	23002			
15	866	222234783 ✓	Lâm Thị Đào	K63.KTVT1	00.0	23015			
16	867	222204773 ✓	Vũ Huyền Diệu	K63.KTVT1	7.0	23025			
17	868	222234788 ✓	Phan Giang Minh Đức	K63.KTVT1	5.3	23007			
18	869	222234781 ✓	Nguyễn Thị Ánh Dương	K63.KTVT1	8.0	23015			
19	870	222234776 ✓	Nguyễn Hải Duy	K63.KTVT1	3.3	23020			
20	871	222204778 ✓	Trần Thị Duyên	K63.KTVT1	4.8	23005			
21	872	222234789 ✓	Cù Thị Trà Giang	K63.KTVT1	5.8	23002			
22	873	222234790 ✓	Lại Bá Trường Giang	K63.KTVT1	6.5	23025			
23	874	222234795 ✓	Lê Thu Hà	K63.KTVT1	5.0	23007			
24	875	222234797 ✓	Vũ Thị Hạ	K63.KTVT1	9.3	23020			
25	876	222234802 ✓	Trần Thị Hằng	K63.KTVT1	7.8	23007			
26	877	222234814 ✓	Phạm Thị Khánh Hòa	K63.KTVT1	5.8	23025			
27	878	222204815 ✓	Hoàng Thị Hoài	K63.KTVT1	3.8	23020			
28	879	222204827 ✓	Đỗ Văn Hương	K63.KTVT1	7.3	23020			
29	880	222234829 ✓	Lê Thị Hương	K63.KTVT1	10.0	23025			
30	881	222234830 ✓	Nguyễn Minh Hương	K63.KTVT1	4.0	23002			
31	882	222234820 ✓	Hà Quang Huy	K63.KTVT1	1.5	23002			
32	883	222234821 ✓	Nguyễn Quang Huy	K63.KTVT1	5.8	23020			
33	884	222204823 ✓	Trần Quang Huy	K63.KTVT1	7.8	23002			
34	885	222234833 ✓	Đoàn Văn Khiêm	K63.KTVT1	5.8	23015			
35	886	882260001 ✓	Ekalack Kongmany	K63.KTVT1	1.5	23002			
36	887	222234837	Nguyễn Quang Lân	K63.KTVT1					
37	888	222234848 ✓	Hoàng Thị Ngọc Mai	K63.KTVT1	4.8	23015			
38	889	222234849 ✓	Phạm Thị Hoa Mai	K63.KTVT1	1.5	23015			
39	890	222234853 ✓	Đinh Ngọc Minh	K63.KTVT1	6.8	23020			
40	891	222234859 ✓	Trần Thị Trà My	K63.KTVT1	4.8	23025			
41	892	222234862	Nguyễn Thị Hồng Ngân	K63.KTVT1					
42	893	222234866 ✓	Vũ Quốc Ngọc	K63.KTVT1	5.0	23002			

Mã DST: BS0.104.2_11/07/2023_3_14BS0.104.2-1-2-22(N14) Thi tại : 403-A7

Ngày thi: 11/07/2023

Ca thi:

Ca 3 (13:00 - 15:00)

Phòng số: 14

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
43	894	222234873	Bùi Thị Hồng Nhung	K63.KTVT1	6.5	23007		Nhung	
44	895	222234878	Vũ Xuân Phong	K63.KTVT1	4.3	23007		Phong	
45	896	222234881	Phạm Thị Bích Phương	K63.KTVT1	5.5	23007		Phong	
46	897	222234884	Hà Minh Quân	K63.KTVT1	2.5	23007		Quân	
47	898	222234885	Ngô Quang Quân	K63.KTVT1	4.5	23015		Quân	
48	899	222204895	Đặng Tuấn Thành	K63.KTVT1	3.0	23007		Thành	
49	900	222234896	Đặng Thu Thảo	K63.KTVT1	3.3	23015		Thảo	
50	901	222234897	Hà Thị Thảo	K63.KTVT1	9.0	23020		Thảo	
51	902	222204898	Vũ Phương Thảo	K63.KTVT1	9.0	23025		Thảo	
52	903	222234901	Lương Thị Hoài Thu	K63.KTVT1	00.0	23002		Thu	
53	904	222234906	Lê Thị Thanh Thư	K63.KTVT1	3.8	23002		Thư	
54	905	222204905	Quang Thị Thủy	K63.KTVT1	4.3	23007		Thủy	
55	906	222234903	Trần Thị Phương Thủy	K63.KTVT1	4.8	23007		Thủy	
56	907	222234904	Trịnh Thị Thu Thủy	K63.KTVT1	6.8	23002		Thủy	
57	908	222204910	Phạm Thu Trà	K63.KTVT1	9.8	23025		Trà	
58	909	222234916	Hồ Thị Trường	K63.KTVT1	9.8	23015		Trường	
59	910	222234917	Nghiêm Minh Tú	K63.KTVT1	5.0	23020		Tú	
60	911	222234918	Đỗ Minh Tuấn	K63.KTVT1	00.0	23015		Tuấn	
61	912	222234919	Nguyễn Trọng Hoàng Tuyên	K63.KTVT1	5.8	23020		Tuyên	
62	913	882260002	Huelao Vaporhao	K63.KTVT1	4.3	23015		Huelao	
63	914	222214924	Trần Quốc Vượng	K63.KTVT1	4.3	23025		Vượng	
64	915	222204925	Lê Tường Vy	K63.KTVT1	6.5	23002		Vy	
65	916	222234927	Trần Thị Hương Xuân	K63.KTVT1	7.5	23020		Xuân	
66	917	222234928	Trần Thị Thanh Xuân	K63.KTVT1	00.0	23015		Xuân	
67	918	222204929	Đỗ Thị Yên	K63.KTVT1	3.8	23025		Yên	

Tổng số bài thi : 65

Tổng số tờ giấy thi :

Hà Nội, ngày 07 tháng 7 năm 2023

Hai giáo viên chấm thi

Trưởng bộ môn

Người lập bảng

Vũ Thị Hương

N.M.H. Sơn

PGS.TS. Trần Văn Long

Nguyễn Thị Minh Hiền

Ghi chú:

- Ghi đầy đủ ký hiệu điểm đặc biệt theo qui định (nếu có)
- Bộ môn nộp điểm chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày thi cho Phòng Đào tạo Đại Học và các Khoa, Viện có liên quan
- Sinh viên có điểm quá trình bằng 0 nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HL
- Sinh viên bị gạch tên do nợ học phí nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HP

DANH SÁCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Năm học 2022-2023 học kỳ 2 - Đợt thi : Kế hoạch thi học kỳ chính (đợt 1) khóa 63 HK II 22-23

Mã học phần: BS0.104.2

Tên học phần: Lý thuyết xác suất

Số TC :2

Mã DST: BS0.104.2_11/07/2023_3_15BS0.104.2-1-2-22(N15) Thi tại : 201-A5

Ngày thi: 11/07/2023

Ca thi:

Ca 3 (13:00 - 15:00)

Phòng số: 15

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	919	222234741	X Hoàng Hùng Anh	K63.KTVT2	3,5	23015		Anh	
2	920	222234750	X Trần Mai Anh	K63.KTVT2	4,3	23002		Anh	
3	921	222234751	X Trần Quốc Anh	K63.KTVT2	5,8	23025		Anh	
4	922	222234752	X Trần Thị Lam Anh	K63.KTVT2	5,0	23020		Đam Anh	
5	923	222234754	X Trịnh Việt Anh	K63.KTVT2	3,5	23015		Việt Anh	
6	924	222234755	X Vũ Nguyễn Ngọc Anh	K63.KTVT2	4,3	23002		Ngọc Anh	
7	925	222204756	X Đặng Ngọc Ánh	K63.KTVT2	8,5	23025		Ánh	
8	926	222234757	X Đồng Thị Ngọc Ánh	K63.KTVT2	7,0	23015		Ánh	
9	927	222234763	X Nguyễn Thị Ngọc Bích	K63.KTVT2	5,8	23020		Bích	
10	928	222234767	X Nguyễn Thị Linh Chi	K63.KTVT2	1,0	23002		Chi	
11	929	222204769	X Tống Quỳnh Chi	K63.KTVT2	2,5	23007		Chi	
12	930	222234770	X Nguyễn Đình Chí	K63.KTVT2	9,8	23015		Chí	
13	931	222234772	X Trần Văn Cường	K63.KTVT2	2,5	23007		Cường	
14	932	222234784	X Nguyễn Tiến Đạt	K63.KTVT2	4,0	23002		Đạt	
15	933	222234787	X Hà Trọng Đức	K63.KTVT2	2,5	23025		Đức	
16	934	222234780	X Đặng Thị Thủy Dương	K63.KTVT2	9,0	23020		Dương	
17	935	222234794	X Hoàng Thị Thu Hà	K63.KTVT2	4,0	23015		Hà	
18	936	222234796	X Nguyễn Thị Ha	K63.KTVT2	5,5	23025		Ha	
19	937	222234799	X Nguyễn Thị Mỹ Hào	K63.KTVT2	1,5	23020		Hào	
20	938	222234804	X Trần Thúy Hậu	K63.KTVT2	7,8	23015		Hậu	
21	939	222234805	X Mai Phùng Thúy Hiền	K63.KTVT2	5,5	23007		Hiền	
22	940	222234807	X Nguyễn Thị Thúy Hiền	K63.KTVT2	5,0	23007		Hiền	
23	941	222234809	X Phạm Minh Hiệp	K63.KTVT2	8,5	23025		Hiệp	
24	942	222234810	X Nguyễn Đăng Hiếu	K63.KTVT2	1,8	23015		Hiếu	
25	943	222234817	X Nguyễn Việt Hoàng	K63.KTVT2	8,8	23020		Hoàng	
26	944	222234818	X Đào Lê Hùng	K63.KTVT2	00,0	23002		Hùng	KI Thi
27	945	222234828	X Hoàng Thủy Hương	K63.KTVT2	6,5	23015		Hương	
28	946	222234822	X Nguyễn Tường Huy	K63.KTVT2	4,5	23015		Huy	
29	947	222234831	X Tô Xuân Khang	K63.KTVT2	1,3	23020		Khang	
30	948	222234838	X Nguyễn Thị Thu Linh	K63.KTVT2	2,0	23025		Linh	
31	949	222204840	X Thẩm Hoa Linh	K63.KTVT2	5,8	23002		Linh	
32	950	222204841	X Lê Thanh Loan	K63.KTVT2	7,0	23007		Loan	
33	951	222234850	X Trần Thị Hồng Mến	K63.KTVT2	3,5	23015		Mến	
34	952	222204852	X Bùi Tuấn Minh	K63.KTVT2	4,3	23020		Minh	
35	953	222234854	X Nguyễn Đức Minh	K63.KTVT2	8,0	23007		Minh	
36	954	222234855	X Nguyễn Nhật Minh	K63.KTVT2	2,0	23002		Minh	
37	955	222234857	X Nguyễn Tuấn Minh	K63.KTVT2	1,8	23025		Minh	
38	956	222234858	X Phạm Trần Quốc Minh	K63.KTVT2	00,0				Vắng thi
39	957	222234864	X Đỗ Thị Thảo Ngọc	K63.KTVT2	7,0	23025		Ngọc	
40	958	222234865	X Nguyễn Thị Bích Ngọc	K63.KTVT2	5,0	23002		Ngọc	
41	959	222204868	X Nguyễn Vũ Nguyên	K63.KTVT2	3,3	23007		Nguyên	
42	960	222204869	X Lý Thị Nguyệt	K63.KTVT2	5,0	23025		Nguyệt	

Ngày thi: 11/07/2023

Ca thi: Ca 3 (13:00 - 15:00)

Phòng số: 15

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
43	961	222234871	Hoàng Thị Yến Nhi	K63.KTVT2	0,3	23020		Nhi	
44	962	222234872	Lê Yến Nhi	K63.KTVT2	3,5	23007		Nhi	
45	963	222204874	Đỗ Hoài Nhung	K63.KTVT2	6,3	2823002		Nhung	
46	964	222214877	Trần Thế Phong	K63.KTVT2	2,0	23007		Phong	
47	965	222234879	Nguyễn Hà Phương	K63.KTVT2	5,0	23025		Phương	
48	966	222204880	Nguyễn Thị Phương	K63.KTVT2	4,8	23015		Phương	
49	967	222234886	Trần Anh Quân	K63.KTVT2	1,5	23020		Quân	
50	968	222204888	Lê Thị Thúy Quỳnh	K63.KTVT2	1,5	23002		Quỳnh	
51	969	222234889	Nguyễn Thị Diễm Quỳnh	K63.KTVT2	3,5	23020		Quỳnh	
52	970	222204890	Ngô Linh Sương	K63.KTVT2	7,5	23015		Sương	
53	971	222234900	Nguyễn Thị Hương Thơm	K63.KTVT2	2,5	23015		Thơm	
54	972	222234902	Nguyễn Quang Thuận	K63.KTVT2	00,0	23007		Thuận	KL Thi
55	973	222234911	Triệu Phương Trà	K63.KTVT2	7,3	07		Trà	
56	974	222234915	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	K63.KTVT2	3,5	23007		Trâm	
57	975	222234912	Nguyễn Thị Huyền Trang	K63.KTVT2	2,8	23025		Trang	
58	976	222234914	Vũ Thị Quỳnh Trang	K63.KTVT2	2,5	23020		Trang	
59	977	222234921	Ngô Thị Vân	K63.KTVT2	1,0	23015		Vân	
60	978	222234926	Vũ Lê Tường Vy	K63.KTVT2	3,0	23002		Vy	
61	979	222234930	Bùi Hải Yến	K63.KTVT2	4,5	23002		Yến	
62	980	222234932	Trương Ngọc Yến	K63.KTVT2	8,5	23020		Yến	

Tổng số bài thi : 61

Tổng số tờ giấy thi :

Hà Nội, ngày 07 tháng 7 năm 2023

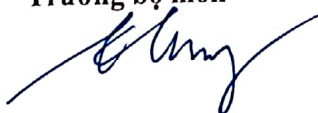
Hai giáo viên chấm thi

Trưởng bộ môn

Người lập bảng


N.M.H. Sơn


Vũ Thị Hương


PGS.TS. Trần Văn Long


Nguyễn Thị Minh Hiền

Ghi chú:

- Ghi đầy đủ ký hiệu điểm đặc biệt theo qui định (nếu có)
- Bộ môn nộp điểm chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày thi cho Phòng Đào tạo Đại Học và các Khoa, Viện có liên quan
- Sinh viên có điểm quá trình bằng 0 nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HL
- Sinh viên bị gạch tên do nợ học phí nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HP

xong

DANH SÁCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Năm học 2022-2023 học kỳ 2 - Đợt thi : Kế hoạch thi học kỳ chính (đợt 1) khóa 63 HK II 22-23

Mã học phần:BS0.104.2

Tên học phần:Lý thuyết xác suất

Số TC :2

Mã DST:BS0.104.2_11/07/2023_3_16BS0.104.2-1-2-22(N17) Thi tại : 202-A5

Ngày thi:11/07/2023

Ca thi:

Ca 3 (13:00 - 15:00)

Phòng số:16

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
4	984	222204740	Nguyễn Ngọc Khánh An	K63.KTVT3					Nợ HP
2	982	222234742	✓ Nguyễn Đức Anh	K63.KTVT3	4,0	23002		Anh	
3	983	222234743	✓ Nguyễn Thị Lan Anh	K63.KTVT3	9,5	23025		Anh	
4	984	222234744	✓ Nguyễn Thị Mai Anh	K63.KTVT3	7,3	23007		Anh	
5	985	222234745	✓ Nguyễn Thị Phương Anh	K63.KTVT3	4,0	23002		Anh	
6	986	222234753	✓ Trịnh Tuấn Anh	K63.KTVT3	6,0	23015		Anh	
7	987	222204760	✓ Phạm Thị Ánh	K63.KTVT3	10,0	23002		Anh	
8	988	222204766	✓ Nguyễn Linh Chi	K63.KTVT3	5,5	23007		Anh	
9	989	222204771	✓ Lê Mạnh Chín	K63.KTVT3	00,0	23005		Chín	
10	990	222234785	✓ Nguyễn Hải Đăng	K63.KTVT3	6,5	23007		Đăng	
11	991	222234774	✓ Dương Thùy Dung	K63.KTVT3	5,0	23002		Dung	
12	992	222234775	✓ Phạm Thanh Dung	K63.KTVT3	7,0	23015		Dung	
13	993	222234777	✓ Bùi Thị Duyên	K63.KTVT3	8,0	23015		Duyên	
14	994	222204779	✓ Vũ Nhật Duyên	K63.KTVT3	4,0	23020		Duyên	
15	995	222234791	✓ Lý Trường Giang	K63.KTVT3	2,5	23007		Giang	
16	996	222234793	✓ Tạ Thị Hậu Giang	K63.KTVT3	7,3	23015		Giang	
17	997	222234800	✓ Ngô Thị Thanh Hằng	K63.KTVT3	6,3	23002		Hằng	
18	998	222234801	✓ Phạm Thị Thu Hằng	K63.KTVT3	0,8	23025		Hằng	
19	999	222204803	✓ Nguyễn Văn Hậu	K63.KTVT3	6,5	23015		Hau	
20	1000	222234806	✓ Nguyễn Minh Hiền	K63.KTVT3	2,3	23007		Hiền	
21	1001	222234808	✓ Nguyễn Thu Hiền	K63.KTVT3	3,8	23020		Hiền	
22	1002	222234811	✓ Nguyễn Đức Hiếu	K63.KTVT3	7,5	23007		Hiếu	
23	1003	222234812	✓ Nguyễn Trọng Hiếu	K63.KTVT3	9,8	23025		Hiếu	
24	1004	222234813	✓ Ngô Thị Hoa	K63.KTVT3	8,5	23015		Hoa	
25	1005	222234816	✓ Nguyễn Thu Hoài	K63.KTVT3	5,5	23020		Hoài	
26	1006	222204819	✓ Phạm Minh Hùng	K63.KTVT3	3,8	23007		Hùng	
27	1007	222204824	✓ Đinh Thị Thanh Huyền	K63.KTVT3	8,5	23002		Huyền	
28	1008	222204825	✓ Nguyễn Thị Thanh Huyền	K63.KTVT3	5,0	23020		Huyền	
29	1009	222234826	✓ Nguyễn Thu Huyền	K63.KTVT3	7,5	23015		Huyền	
30	1010	222234834	✓ Trịnh Trung Kiên	K63.KTVT3	2,8	23015		Kiên	
31	1011	222234835	✓ Lê Thị Lan	K63.KTVT3	3,5	23020		Lan	
32	1012	222234836	✓ Trịnh Mi Lan	K63.KTVT3	2,0	23020		Lan	
33	1013	222234839	✓ Nguyễn Thùy Linh	K63.KTVT3	4,3	23015		Linh	
34	1014	222234843	✓ Nguyễn Đức Long	K63.KTVT3	7,0	23015		Long	
35	1015	222234844	✓ Vũ Trọng Lực	K63.KTVT3	8,3	23007		Lực	
36	1016	222234845	✓ Đặng Thị Cẩm Ly	K63.KTVT3	4,3	23025		Ly	
37	1017	222234846	✓ Trương Thị Ngọc Ly	K63.KTVT3	5,3	23020		Ly	
38	1018	222204847	✓ Đỗ Thị Phương Mai	K63.KTVT3	6,0	23002		Mai	
39	1019	222234851	✓ Trần Thị Mến	K63.KTVT3	9,3	23025		Mến	
40	1020	222234856	✓ Nguyễn Phan Nhật Minh	K63.KTVT3	6,0	23025		Minh	
41	1021	222234860	✓ Nguyễn Thành Nam	K63.KTVT3	4,8	23020		Nam	
42	1022	222234861	✓ Lê Thị Ngân	K63.KTVT3	9,5	23020		Ngân	

Ngày thi:11/07/2023

Ca thi: Ca 3 (13:00 - 15:00)

Phòng số:16

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
43	1023	222234863	Nguyễn Thị Thu Ngân	K63.KTVT3	9,5	23015		Ngân	
44	1024	222234867	Nguyễn Thảo Nguyên	K63.KTVT3	5,0	23002		Nguyên	
45	1025	222234870	Phùng Thị Nguyệt	K63.KTVT3	8,0	23025		Nguyệt	
46	1026	222234875	Phạm Thị Nhung	K63.KTVT3	7,8	23007		Nhung	
47	1027	222234876	Phạm Văn Phong	K63.KTVT3	5,8	23002		Phong	
48	1028	222204882	Phạm Thu Phương	K63.KTVT3	3,0	23002		Phương	
49	1029	222234883	Văn Thị Hồng Phương	K63.KTVT3	7,5	23025		Phương	
50	1030	222234887	Hà Thị Lâm Quỳnh	K63.KTVT3	8,8	23025		Quỳnh	
51	1031	222234891	Đỗ Thị Phương Tâm	K63.KTVT3	4,8	23002		Tâm	
52	1032	222234892	Phạm Thị Thanh Tâm	K63.KTVT3	2,5	23020		Tâm	
53	1033	222234893	Nguyễn Quốc Thái	K63.KTVT3	9,0	23002		Thái	
54	1034	222234899	Trần Việt Thắng	K63.KTVT3	4,3	23015		Thắng	
55	1035	222234894	Nguyễn Thị Hà Thanh	K63.KTVT3	3,8	23000		Thanh	
56	1036	222234907	Ninh Thị Thương	K63.KTVT3	9,5	23007		Thương	
57	1037	222234908	Dương Minh Tiến	K63.KTVT3	3,0	23007		Tiến	
58	1038	222234909	Mai Nhân Tiến	K63.KTVT3	7,5	23002		Tiến	
59	1039	222204920	Nguyễn Thị Minh Tuyết	K63.KTVT3	6,8	23007		Tuyết	
60	1040	222214922	Nguyễn Thị Thủy Vân	K63.KTVT3	6,8	23025		Vân	
61	1041	222234923	Vàng Quốc Việt	K63.KTVT3	3,8	23020		Việt	
62	1042	222234931	Phạm Hải Yến	K63.KTVT3	7,5	23015		Yến	

Tổng số bài thi : 61

Tổng số tờ giấy thi :

Hà Nội, ngày 07 tháng 7 năm 2023

Hai giáo viên chấm thi

Trưởng bộ môn

Người lập bảng

M.P. Bình
Nguyễn Văn Hoàng

PGS.TS. Trần Văn Long

Nguyễn Thị Minh Hiền

Ghi chú:

- Ghi đầy đủ ký hiệu điểm đặc biệt theo qui định (nếu có)
- Bộ môn nộp điểm chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày thi cho Phòng Đào tạo Đại Học và các Khoa, Viện có liên quan
- Sinh viên có điểm quá trình bằng 0 nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HL
- Sinh viên bị gạch tên do nợ học phí nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HP

xong

DANH SÁCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Năm học 2022-2023 học kỳ 2 - Đợt thi : Kế hoạch thi học kỳ chính (đợt 1) khóa 63 HK II 22-23

Mã học phần:BS0.104.2

Tên học phần:Lý thuyết xác suất

Số TC :2

Mã DST:BS0.104.2_11/07/2023_3_17BS0.104.2-1-2-22(N18) Thi tại : 501-A7

Ngày thi:11/07/2023

Ca thi: Ca 3 (13:00 - 15:00)

Phòng số:17

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	1043	222104542	Nguyễn Hoài An	C63.KHAITHACVT1	00.0	23015		An	
2	1044	222134545	Nguyễn Kim Anh	C63.KHAITHACVT1	4.3	23002		Kim Anh	
3	1045	222104546	Nguyễn Ngọc Diệp Anh	C63.KHAITHACVT1	5.0	23025		Diệp Anh	
4	1046	222104548	Nguyễn Thị Ngọc Anh	C63.KHAITHACVT1	5.5	23007		N. Anh	
5	1047	222134550	Nguyễn Thị Phương Anh	C63.KHAITHACVT1	3.3	23020		Phuong Anh	
6	1048	222134554	Hồ Thị Kim Ánh	C63.KHAITHACVT1	9.5	23002		Kim Anh	
7	1049	222134555	Lê Thị Ngọc Ánh	C63.KHAITHACVT1	10.0	23020		Ngoc Anh	
8	1050	222134557	Trần Hồng Ánh	C63.KHAITHACVT1	9.3	23015		Anh	
9	1051	222104558	Trần Xuân Bách	C63.KHAITHACVT1	7.5	23007		Bach	
10	1052	222104561	Phạm Hải Bằng	C63.KHAITHACVT1	6.3	23007		Bang	
11	1053	222104563	Hoàng Thị Hà Chi	C63.KHAITHACVT1	6.3	23002		Chi	
12	1054	222104567	Đỗ Thị Cúc	C63.KHAITHACVT1	9.3	23025		Cuc	
13	1055	222134582	Nguyễn Đức Đại	C63.KHAITHACVT1	9.5	23015		Đại	
14	1056	222134584	Vũ Hải Đăng	C63.KHAITHACVT1	9.3	23025		Đăng	
15	1057	222104572	Nguyễn Mỹ Diệu	C63.KHAITHACVT1	5.5	23020		Diệu	
16	1058	882283001	Nguyễn Anh Đức	C63.KHAITHACVT1	6.3	23015		Đức	
17	1059	222134587	Phan Thị Quỳnh Giang	C63.KHAITHACVT1	5.8	23007		Giang	
18	1060	222104590	Nguyễn Thị Thanh Hà	C63.KHAITHACVT1	5.0	23002		Hà	
19	1061	222134591	Vì Thị Thu Hà	C63.KHAITHACVT1	5.8	23002		Hà	
20	1062	222134597	Nguyễn Thị Hân	C63.KHAITHACVT1	7.5	23025		Hân	
21	1063	222134595	Lò Thái Hằng	C63.KHAITHACVT1	5.8	23020		Hằng	
22	1064	222134596	Nguyễn Thị Thu Hằng	C63.KHAITHACVT1	4.3	23020		Hằng	
23	1065	222134593	Vũ Quang Hào	C63.KHAITHACVT1	6.8	23015		Hào	
24	1066	222104600	Nguyễn Thị Thu Hiền	C63.KHAITHACVT1	10.0	23007		Hiền	
25	1067	222104603	Phan Viết Hiếu	C63.KHAITHACVT1	6.3	23025		Hiếu	
26	1068	222134607	Lò Thị Hồng	C63.KHAITHACVT1	1.0	23007		Hồng	
27	1069	222134608	Nguyễn Ánh Hồng	C63.KHAITHACVT1	3.0	23020		Hồng	
28	1070	222104609	Nguyễn Thị Minh Huệ	C63.KHAITHACVT1	3.3	23015		Huê	
29	1071	222104610	Đỗ Thị Kim Huệ	C63.KHAITHACVT1	7.8	23007		Huê	
30	1072	222104613	Nguyễn Phi Hùng	C63.KHAITHACVT1	3.5	23015		Hùng	
31	1073	222134618	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	C63.KHAITHACVT1	5.5	23007		Huyền	
32	1074	222134620	Trần Thị Huyền	C63.KHAITHACVT1	7.5	23002		Huyền	
33	1075	222134624	Hoàng Văn Kha	C63.KHAITHACVT1	10.0	23025		Kha	
34	1076	222104625	Hồ Quang Khải	C63.KHAITHACVT1	10.0	23020		Khai	
35	1077	222134632	Nguyễn Trung Kiên	C63.KHAITHACVT1	10.0	23015		Kiên	
36	1078	222104633	Phạm Trung Kiên	C63.KHAITHACVT1	6.5	23007		Kiên	
37	1079	222104635	Dư Thùy Linh	C63.KHAITHACVT1	00.0	23015		Linh	
38	1080	222104642	Nguyễn Hải Long	C63.KHAITHACVT1	5.5	23002		Long	
39	1081	222134644	Nguyễn Văn Luân	C63.KHAITHACVT1	5.0	23020		Luân	
40	1082	222104646	Bùi Thị Mai	C63.KHAITHACVT1	2.0	23015		Mai	
41	1083	222104660	Nguyễn Văn Nghĩa	C63.KHAITHACVT1	4.5	23007		Nghĩa	
42	1084	222134662	Đặng Thị Minh Ngọc	C63.KHAITHACVT1	8.3	23020		Ngọc	

Ngày thi: 11/07/2023

Ca thi:

Ca 3 (13:00 - 15:00)

Phòng số: 17

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
43	1085	222134661	Dương Thị Hồng Ngọc	C63.KHAITHACVT1	9.5	23025		Ngọc	
44	1086	222134670	Trần Linh Nhi	C63.KHAITHACVT1	9.5	23002		Nhi	
45	1087	222134672	Vũ Thị Hồng Nhung	C63.KHAITHACVT1	10.0	23007		Nhung	
46	1088	222134677	Nguyễn Thị Quỳnh Phương	C63.KHAITHACVT1	3.8	23015		Phương	
47	1089	222134678	Trần Thu Phương	C63.KHAITHACVT1	4.8	23020		Phương	
48	1090	222104683	Vũ Ngọc Tú Quỳnh	C63.KHAITHACVT1	9.0	23025		Quỳnh	
49	1091	222134703	Kiều Văn Thắng	C63.KHAITHACVT1	5.5	23002		Thắng	
50	1092	222104687	Bùi Thanh Thanh	C63.KHAITHACVT1	4.0	23015		Thanh	
51	1093	222104689	Mai Thị Thanh	C63.KHAITHACVT1	7.8	23025		Thanh	
52	1094	222134694	Lê Phương Thảo	C63.KHAITHACVT1	7.5	23000		Thảo	
53	1095	222134695	Lê Thị Phương Thảo	C63.KHAITHACVT1	8.0	23007		Thảo	
54	1096	222134699	Phan Thu Thảo	C63.KHAITHACVT1	6.8	23002		Thảo	
55	1097	222134704	Trương Ngọc Thiện	C63.KHAITHACVT1	7.8	23025		Thiện	
56	1098	222134708	Vũ Thanh Thúy	C63.KHAITHACVT1	9.5	23020		Thúy	
57	1099	222104713	Ngô Thị Trang	C63.KHAITHACVT1	7.0	23007		Trang	
58	1100	222134714	Nguyễn Quỳnh Trang	C63.KHAITHACVT1	6.5	23002		Trang	
59	1101	222134716	Phạm Thị Thu Trang	C63.KHAITHACVT1	5.3	23020		Trang	
60	1102	212106086	Vũ Quỳnh Trang	C63.KHAITHACVT1	6.5	23015		Trang	
61	1103	222104718	Vũ Thị Thu Trang	C63.KHAITHACVT1	4.0	23002		Trang	
62	1104	222134723	Nguyễn Thế Trung	C63.KHAITHACVT1					Nợ HP
63	1105	222134732	Phạm Thị Vân	C63.KHAITHACVT1	9.8	23025		Vân	
64	1106	222134731	Phạm Thị Thanh Vân	C63.KHAITHACVT1	9.0	23025		Vân	
65	1107	222134734	Nguyễn Đăng Quốc Việt	C63.KHAITHACVT1	7.8	23002		Việt	

Tổng số bài thi :

Tổng số tờ giấy thi :

Hà Nội, ngày 07 tháng 7 năm 2023

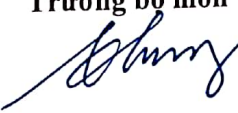
Hai giáo viên chấm thi

Trưởng bộ môn

Người lập bảng


Vũ Thị Hương


N.M.H. Sơn


PGS.TS. Trần Văn Long


Nguyễn Thị Minh Hiền

Ghi chú:

- Ghi đầy đủ ký hiệu điểm đặc biệt theo qui định (nếu có)
- Bộ môn nộp điểm chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày thi cho Phòng Đào tạo Đại Học và các Khoa, Viện có liên quan
- Sinh viên có điểm quá trình bằng 0 nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HL
- Sinh viên bị gạch tên do nợ học phí nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HP

xong

DANH SÁCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Năm học 2022-2023 học kỳ 2 - Đợt thi : Kế hoạch thi học kỳ chính (đợt 1) khóa 63 HK II 22-23

Mã học phần:BS0.104.2

Tên học phần:Lý thuyết xác suất

Số TC :2

Mã DST:BS0.104.2_11/07/2023_3_18BS0.104.2-1-2-22(N19) Thi tại : 503-A7

Ngày thi:11/07/2023

Ca thi: Ca 3 (13:00 - 15:00)

Phòng số:18

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	1108	222134549	Nguyễn Thị Phương Anh	K63 KHAITHACVT2	6,3	23007	01	Anh	
2	1109	222134551	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	K63 KHAITHACVT2	7,8	23007	01	Anh	
3	1110	222134553	Vũ Thị Ngọc Anh	K63 KHAITHACVT2	8,8	23015	02	Đạt	243
4	1111	222134556	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	K63 KHAITHACVT2	6,0	23020	02	Ánh	242
5	1112	222134564	Lã Thảo Chi	K63 KHAITHACVT2	5,5	23002	02	Chi	
6	1113	222134565	Phạm Thị Thùy Chi	K63 KHAITHACVT2	5,5	23007	01	Chi	
7	1114	222104568	Nguyễn Ngọc Cường	K63 KHAITHACVT2	3,0	23025		Cường	
8	1115	222104569	Nguyễn Mạnh Cường	K63 KHAITHACVT2	5,0	23020		Cường	
9	1116	222134583	Ngô Thành Đạt	K63 KHAITHACVT2	4,8	23007		Đạt	
10	1117	222134570	Bùi Thị Diễm	K63 KHAITHACVT2	9,8	23002		Diễm	
11	1118	222104571	Phạm Thị Ngọc Diệp	K63 KHAITHACVT2	4,8	23015		Diệp	
12	1119	222134585	Nguyễn Thành Đô	K63 KHAITHACVT2	3,5	23020		Đô	
13	1120	222114586	Đỗ Trung Đức	K63 KHAITHACVT2	3,5	23001		Đức	
14	1121	222104573	Lê Thị Hoàng Dung	K63 KHAITHACVT2	3,5	23025		Dung	
15	1122	222104576	Nguyễn Thị Thùy Dung	K63 KHAITHACVT2	6,0	23020		Dung	
16	1123	222104579	Bùi Văn Dương	K63 KHAITHACVT2	2,8	23015		Dương	
17	1124	222134580	Long Thùy Dương	K63 KHAITHACVT2	2,0	23002		Dương	
18	1125	222104578	Nguyễn Lê Duy	K63 KHAITHACVT2	2,8	23007		Duy	
19	1126	222134601	Đặng Nhân Hiếu	K63 KHAITHACVT2	7,5	23002		Hiếu	
20	1127	222104602	Lê Quang Hiếu	K63 KHAITHACVT2	5,8	23025		Hiếu	
21	1128	222134606	Nguyễn Huy Hoàng	K63 KHAITHACVT2	4,5	23007		Hoàng	
22	1129	222134612	Nguyễn Mạnh Hùng	K63 KHAITHACVT2	4,8	23002		Hùng	
23	1130	222104622	Lưu Thị Thu Hương	K63 KHAITHACVT2	5,3	23020		Hương	
24	1131	222134623	Phạm Thu Hương	K63 KHAITHACVT2	7,0	23015		Hương	
25	1132	222134615	Đào Khánh Huyền	K63 KHAITHACVT2	4,0	23015		Huyền	
26	1133	222134619	Tạ Thu Huyền	K63 KHAITHACVT2	4,3	23020	02	Huyền	
27	1134	222134628	Lương Thị Khánh	K63 KHAITHACVT2	4,3	23020		Khánh	
28	1135	222134629	Nguyễn Phương Khánh	K63 KHAITHACVT2	00,0	23015		Khánh	
29	1136	222134630	Nguyễn Tấn Khánh	K63 KHAITHACVT2	4,5	23015		Khánh	
30	1137	222134640	Nguyễn Phương Linh	K63 KHAITHACVT2	5,5	23002		Linh	
31	1138	222104641	Nguyễn Thùy Linh	K63 KHAITHACVT2	2,5	23007		Linh	
32	1139	222134645	Nguyễn Thị Lương	K63 KHAITHACVT2	3,5	23007		Lương	
33	1140	222134648	Nguyễn Thị Mai	K63 KHAITHACVT2	5,5	23002		Mai	
34	1141	222134649	Phan Thị Mai	K63 KHAITHACVT2	8,8	23007		Mai	
35	1142	222104650	Khúc Gia Minh	K63 KHAITHACVT2	4,5	23002		Minh	
36	1143	222104651	Nguyễn Trí Minh	K63 KHAITHACVT2	4,8	23020		Minh	
37	1144	222134652	Phạm Trường Minh	K63 KHAITHACVT2	3,0	23015		Minh	
38	1145	222134653	Vũ Công Minh	K63 KHAITHACVT2	3,3	23020		Minh	
39	1146	222134654	Vũ Hoàng Minh	K63 KHAITHACVT2	7,5	23015		Minh	
40	1147	222134657	Nguyễn Thị Trà My	K63 KHAITHACVT2	5,8	23015		My	
41	1148	222104669	Nguyễn Yến Nhi	K63 KHAITHACVT2	5,3	23020		Nhi	
42	1149	222104673	Nguyễn Hải Ninh	K63 KHAITHACVT2	0,5	23007		Ninh	

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
43	1150	222104674	Nguyễn Thịnh Phát	K63 KHAITHACVT2	5,5	23015		Phát	
44	1151	222134681	Hoàng Anh Quân	K63 KHAITHACVT2	6,0	23002		Quân	
45	1152	222134685	Phạm Minh Tâm	K63 KHAITHACVT2	3,0	23025		Tâm	
46	1153	222104692	Phan Trung Thành	K63 KHAITHACVT2	5,5	23002		Thành	
47	1154	222104693	Đỗ Phương Thảo	K63 KHAITHACVT2	3,5	23007		Thảo	
48	1155	222104698	Nguyễn Thanh Thảo	K63 KHAITHACVT2	4,3	23002		Thảo	
49	1156	222134700	Phạm Ngọc Thảo	K63 KHAITHACVT2	9,5	23007	02	Thảo	
50	1157	222104701	Trần Thị Thảo	K63 KHAITHACVT2	9,3	23020	02	Thảo	
51	1158	222134702	Võ Phương Thảo	K63 KHAITHACVT2	6,3	23015		Thảo	
52	1159	222134705	Nguyễn Hoài Thu	K63 KHAITHACVT2	8,3	23025		Thu	
53	1160	222134709	Nguyễn Thị Minh Thư	K63 KHAITHACVT2	6,8	23020		Thư	
54	1161	222104711	Lê Sĩ Toàn	K63 KHAITHACVT2	4,8	23015		Toàn	
55	1162	222104712	Đoàn Thị Minh Trang	K63 KHAITHACVT2	1,5	23007		Trang	
56	1163	222134715	Nguyễn Thị Ngọc Trang	K63 KHAITHACVT2	5,8	23002		Trang	
57	1164	222134717	Võ Kiều Trang	K63 KHAITHACVT2	4,5	23025		Trang	
58	1165	222104722	Lương Văn Trung	K63 KHAITHACVT2	7,8	23025	02	Trung	
59	1166	222134724	Nguyễn Xuân Trung	K63 KHAITHACVT2	5,5	23025		Trung	
60	1167	222104725	Vũ Thành Trung	K63 KHAITHACVT2	5,3	23025		Trung	
61	1168	222134726	Trần Văn Trường	K63 KHAITHACVT2	6,0	23025		Trường	
62	1169	222104727	Phạm Minh Tuấn	K63 KHAITHACVT2	6,3	23025		Tuấn	
63	1170	222134729	Bùi Trần Khánh Vân	K63 KHAITHACVT2	6,8	23015	2 tờ	Vân	2 tờ
64	1171	222134738	Vũ Thị Thu Yên	K63 KHAITHACVT2	4,3	23020		Yên	

Tổng số bài thi : 64

Tổng số tờ giấy thi :

Hà Nội, ngày 07 tháng 7 năm 2023

Hai giáo viên chấm thi

Trưởng bộ môn

Người lập bảng

M.P. Bình
Nguyễn Văn Hoàng

PGS.TS. Trần Văn Long

Nguyễn Thị Minh Hiền

Ghi chú:

- Ghi đầy đủ ký hiệu điểm đặc biệt theo qui định (nếu có)
- Bộ môn nộp điểm chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày thi cho Phòng Đào tạo Đại Học và các Khoa, Viện có liên quan
- Sinh viên có điểm quá trình bằng 0 nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HL
- Sinh viên bị gạch tên do nợ học phí nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HP

DANH SÁCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Năm học 2022-2023 học kỳ 2 - Đợt thi : Kế hoạch thi học kỳ chính (đợt 1) khóa 63 HK II 22-23

Mã học phần:BS0.104.2

Tên học phần:Lý thuyết xác suất

Số TC :2

Mã DST:BS0.104.2_11/07/2023_4_19BS0.104.2-1-2-22(N20) Thi tại : 301-A7

Ngày thi:11/07/2023

Ca thi: Ca 4 (15:30 - 17:30)

Phòng số:19

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	1172	222134544	Nguyễn Đức Anh	K63.KHAITHACVT3	1,3	08		Anh	
2	1173	222134547	Nguyễn Thị Minh Anh	K63.KHAITHACVT3	2,3	13		Anh	
3	1174	222134552	Phạm Đỗ Minh Anh	K63.KHAITHACVT3	5,8	21		MANh	
4	1175	222134559	Đặng Gia Bảo	K63.KHAITHACVT3	2,8	19		Bảo	
5	1176	222104560	Nguyễn Gia Bảo	K63.KHAITHACVT3	1,5	19		Bảo	
6	1177	222134562	Vũ Hà Châu	K63.KHAITHACVT3	3,8	08		Châu	
7	1178	222104566	Đào Sỹ Chiến	K63.KHAITHACVT3	3,5	13		Chiến	
8	1179	222104574	Lê Trần Mỹ Dung	K63.KHAITHACVT3	0,3	23		Dung	
9	1180	222134575	Nguyễn Mỹ Dung	K63.KHAITHACVT3	6,0	21		Dung	
10	1181	222134577	Nguyễn Duy Việt Dũng	K63.KHAITHACVT3	1,5	23		Dũng	
11	1182	222104581	Lương Vũ Thuỳ Dương	K63.KHAITHACVT3	4,0	08		Dương	
12	1183	222104588	Tô Ngọc Giang	K63.KHAITHACVT3	5,0	13		Giang	
13	1184	222134589	Nguyễn Tiến Giáp	K63.KHAITHACVT3	3,8	19		Giáp	
14	1185	222134592	Nguyễn Minh Hải	K63.KHAITHACVT3	3,8	21		Hải	
15	1186	222134594	Trịnh Phương Hào	K63.KHAITHACVT3	3,5	23		Hào	
16	1187	222134599	Vương Thị Hậu	K63.KHAITHACVT3	6,8	08		Hậu	
17	1188	222104604	Đào Thị Hoa	K63.KHAITHACVT3	3,5	13		Hoa	
18	1189	222134605	Nguyễn Thị Hằng Hoa	K63.KHAITHACVT3	6,0	19		Hoa	
19	1190	222134611	Nguyễn Đức Hùng	K63.KHAITHACVT3	4,0	21		Hùng	
20	1191	222104621	Đào Trọng Hưng	K63.KHAITHACVT3	0,8	08		Hưng	
21	1192	222104616	Lê Thanh Huyền	K63.KHAITHACVT3	3,8	13		Huyền	
22	1193	222134617	Nguyễn Ngọc Huyền	K63.KHAITHACVT3	2,8	23		Huyền	
23	1194	222104626	Nguyễn Quang Khải	K63.KHAITHACVT3	3,8	21		Khải	
24	1195	222104627	Nguyễn Đình Khang	K63.KHAITHACVT3	3,5	19		Khang	
25	1196	222134631	Trần Đăng Khoa	K63.KHAITHACVT3	7,0	21		Khoa	
26	1197	222104634	Đỗ Hoài Lam	K63.KHAITHACVT3	9,3	13		Lam	
27	1198	222134637	Đinh Diệu Linh	K63.KHAITHACVT3	4,3	23		Linh	
28	1199	222104636	Đỗ Thị Thùy Linh	K63.KHAITHACVT3	5,3	08		Linh	
29	1200	222134638	Hoàng Thảo Linh	K63.KHAITHACVT3	8,8	23		Linh	
30	1201	222104639	Lương Thùy Linh	K63.KHAITHACVT3	5,3	21		Linh	
31	1202	222134643	Quản Xuân Long	K63.KHAITHACVT3	4,5	23		Long	
32	1203	222134647	Lê Thị Tuyết Mai	K63.KHAITHACVT3	7,3	13		Mai	
33	1204	222104655	Đỗ Thị Trà My	K63.KHAITHACVT3	7,0	08		My	
34	1205	222134656	Đỗ Trà My	K63.KHAITHACVT3	7,5	23		My	
35	1206	222104658	Đỗ Thanh Nam	K63.KHAITHACVT3	5,0	21		Nam	
36	1207	222104659	Lê Thị Nga	K63.KHAITHACVT3	8,5	13		Nga	
37	1208	222134663	Nguyễn Minh Ngọc	K63.KHAITHACVT3	6,5	19		Ngọc	
38	1209	222104664	Nguyễn Thị Bích Ngọc	K63.KHAITHACVT3	2,3	23		Ngọc	
39	1210	222134667	Đặng Yến Nhi	K63.KHAITHACVT3	5,0	08		Nhi	
40	1211	222104668	Lê Thị Yến Nhi	K63.KHAITHACVT3	3,5	21		Nhi	
41	1212	222134671	Phạm Thị Tuyết Nhung	K63.KHAITHACVT3	9,3	23		Nhung	
42	1213	222104675	Hoàng Gia Phúc	K63.KHAITHACVT3	3,0	19		Phúc	

Ngày thi: 11/07/2023

Ca thi:

Ca 4 (15:30 - 17:30)

Phòng số: 19

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
43	1214	222134676	Nguyễn Kiên Phương	K63 KHAITHACVT3	4,5	13		Phương	
44	1215	222134682	Nguyễn Anh Quân	K63 KHAITHACVT3	4,0	08		Quân	
45	1216	222114679	Hoàng Minh Quang	K63 KHAITHACVT3	3,0	23023		Quang	
46	1217	222134680	Lương Gia Việt Quang	K63 KHAITHACVT3	2,5	19		Quang	
47	1218	222134686	Trần Thị Minh Tâm	K63 KHAITHACVT3	6,0	21		Tâm	
48	1219	222104688	Hoàng Thị Yến Thanh	K63 KHAITHACVT3	6,8	13		Thanh	
49	1220	222134690	Đoàn Tấn Thành	K63 KHAITHACVT3	7,5	08		Thành	
50	1221	222104691	Lê Vương Thành	K63 KHAITHACVT3	4,3	21		Thành	
51	1222	222134696	Mai Phương Thảo	K63 KHAITHACVT3	7,5	23		Thảo	
52	1223	222104697	Nguyễn Phương Thảo	K63 KHAITHACVT3	5,3	19		Thảo	
53	1224	222134707	Phạm Thị Thúy	K63 KHAITHACVT3	6,5	13		Thúy	
54	1225	222104706	Phạm Thị Ngọc Thúy	K63 KHAITHACVT3	4,5	23		Thúy	
55	1226	222134710	Nguyễn Văn Tiến	K63 KHAITHACVT3	9,8	08		Tiến	
56	1227	222104719	Phùng Lê Ngọc Trâm	K63 KHAITHACVT3	3,0	19		Trâm	
57	1228	222134720	Vũ Phương Trinh	K63 KHAITHACVT3	10,0	21		Trinh	
58	1229	222134728	Nghiêm Văn Tường	K63 KHAITHACVT3	7,3	13		Tường	
59	1230	222134730	Phạm Chu Hải Vân	K63 KHAITHACVT3	1,0	08		Vân	
60	1231	222134733	Hà Văn Việt	K63 KHAITHACVT3	2,5	13		Việt	
61	1232	222134735	Nguyễn Thị Xuân	K63 KHAITHACVT3	0,5	08		Xuân	
62	1233	222134737	Lê Bình Yên	K63 KHAITHACVT3	4,5	19		Yên	

Tổng số bài thi : 62

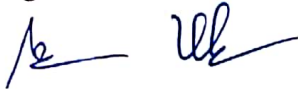
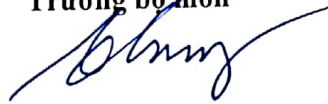
Tổng số tờ giấy thi :

Hà Nội, ngày 07 tháng 7 năm 2023

Hai giáo viên chấm thi

Trưởng bộ môn

Người lập bảng


N.P. Bình Bùi Hương

PGS.TS. Trần Văn Long

Nguyễn Thị Minh Hiền

Ghi chú:

- Ghi đầy đủ ký hiệu điểm đặc biệt theo qui định (nếu có)
- Bộ môn nộp điểm chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày thi cho Phòng Đào tạo Đại Học và các Khoa, Viện có liên quan
- Sinh viên có điểm quá trình bằng 0 nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HL
- Sinh viên bị gạch tên do nợ học phí nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HP

xong

DANH SÁCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Năm học 2022-2023 học kỳ 2 - Đợt thi : Kế hoạch thi học kỳ chính (đợt 1) khóa 63 HK II 22-23

Mã học phần: B30.104.2

Tên học phần: Lý thuyết xác suất

Số TC : 2

Mã DS: B30.104.2_11/07/2023_4_20B30.104.2-1-2-22(N21) Thi tại : 104-A5

Ngày thi: 11/07/2023

Cà thi:

Cà 4 (15:30 - 17:30)

Phòng số: 20

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đồ số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	1234	223231230	Nguyễn Tuấn Anh	K63.L06IQ1.CU1	4,0	23019		Anh	
2	1235	223231234	Nguyễn Thị Ngọc Bích	K63.L06IQ1.CU1	10,0	23013		Bích	
3	1236	223231236	Nông Thị Bích Dịu	K63.L06IQ1.CU1	10,0	23013		Diu	
4	1237	223231246	Trần Hữu Hoàng Đồng	K63.L06IQ1.CU1	9,8	23021		Đồng	
5	1238	223231248	Trương Minh Đức	K63.L06IQ1.CU1	2,3	23013		Đức	
6	1239	882291009	Lục Đình Dương	K63.L06IQ1.CU1	3,5	23008		Dương	
7	1240	223231244	Trần Thị Thủy Dương	K63.L06IQ1.CU1	7,3	23019		Dương	
8	1241	223231239	Đào Đức Duy	K63.L06IQ1.CU1	8,0	23023		Duy	
9	1242	223221241	Nguyễn Khánh Duy	K63.L06IQ1.CU1	2,3	23021		Duy	
10	1243	223231242	Trần Sách Duy	K63.L06IQ1.CU1	10,0	23008		Duy	
11	1244	223211249	Khuất Hương Giang	K63.L06IQ1.CU1	5,3	23008		Giang	
12	1245	223231252	Lê Thị Thu Hà	K63.L06IQ1.CU1	8,0	23024		Hà	
13	1246	223231258	Phạm Ngọc Hân	K63.L06IQ1.CU1	6,5	23019		Hân	
14	1247	223231262	Phạm Thị Hoài	K63.L06IQ1.CU1					Nợ HP
15	1248	223231263	Nguyễn Huy Hoàng	K63.L06IQ1.CU1	4,3	23008		Hoàng	
16	1249	223221264	Trần Đình Hoàng	K63.L06IQ1.CU1	6,0	23013		Hoàng	
17	1250	223231265	Nguyễn Thị Hồng	K63.L06IQ1.CU1	7,3	23019		Hồng	
18	1251	223231268	Nguyễn Văn Hùng	K63.L06IQ1.CU1	7,8	23021		Hùng	
19	1252	223231271	Nguyễn Quang Huy	K63.L06IQ1.CU1	9,5	23019		Huy	
20	1253	223231273	Đặng Thị Huyền	K63.L06IQ1.CU1	9,8	23013		Huyền	
21	1254	223231274	Nguyễn Thị Huyền	K63.L06IQ1.CU1	9,0	23019		Huyền	
22	1255	223231280	Lương Vũ Nhu Liêm	K63.L06IQ1.CU1	6,8	23008		Liêm	
23	1256	223231281	Lê Phan Thuý Linh	K63.L06IQ1.CU1	7,8	23008		Linh	
24	1257	223231283	Vũ Ngọc Linh	K63.L06IQ1.CU1	10,0	23013		Linh	
25	1258	882291007	Trương Đình Lộc	K63.L06IQ1.CU1	2,3	23008		Lộc	
26	1259	223231284	Nguyễn Thỏ Long	K63.L06IQ1.CU1	7,8	23023		Long	
27	1260	223231285	Trần Thị Lụa	K63.L06IQ1.CU1	4,3	23021		Lụa	
28	1261	223231288	Ngô Thị Mên	K63.L06IQ1.CU1	4,5	23023		Mên	
29	1262	223231290	Tô Hoàng Quý Minh	K63.L06IQ1.CU1	8,0	23008		Minh	
30	1263	223231291	Trần Tuấn Minh	K63.L06IQ1.CU1	5,8	23019		Minh	
31	1264	223231294	Phùng Sơn Nam	K63.L06IQ1.CU1	8,3	23021		Nam	
32	1265	223231297	Nguyễn Thị Ngọc	K63.L06IQ1.CU1	7,3	23023		Ngọc	
33	1266	223231298	Tô Việt Ngọc	K63.L06IQ1.CU1	2,8	23008		Ngọc	
34	1267	223231301	Hoàng Thị Yôn Nhi	K63.L06IQ1.CU1	10,0	23013		Nhi	
35	1268	223231302	Lương Thị Nhung	K63.L06IQ1.CU1	5,0	23019		Nhung	
36	1269	223211308	Đào Đức Phúc	K63.L06IQ1.CU1	5,0	23021		Phúc	
37	1270	882291008	Trương Đình Phúc	K63.L06IQ1.CU1	2,0	23013		Phúc	
38	1271	223211311	Vũ Thị Thúy Phương	K63.L06IQ1.CU1	8,0	23013		Phương	
39	1272	223231314	Nguyễn Minh Quân	K63.L06IQ1.CU1	8,0	23008		Quân	
40	1273	223231316	Nhờ Thị Quyên	K63.L06IQ1.CU1	10,0	23008		Quyên	
41	1274	223231318	Trần Thị Sáu	K63.L06IQ1.CU1	8,8	23013		Sáu	
42	1275	223231319	Lê Thị Thanh	K63.L06IQ1.CU1	6,5	23021		Thanh	

Ngày thi:11/07/2023

Ca thi: Ca 4 (15:30 - 17:30)

Phòng số:20

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
C 43	1276	223231320	Nguyễn Chí Thanh	K63.LOGIQLCU1	8,0	23023		Thanh.	
C 44	1277	223231323	Phạm Hữu Thành	K63.LOGIQLCU1	9,8	23008		Phu	
C 45	1278	223231322	Phan Công Thành	K63.LOGIQLCU1	9,0	23008		Phu	
C 46	1279	223231325	Bùi Thanh Thảo	K63.LOGIQLCU1	2,0	23023		Thao	
C 47	1280	223211326	Nguyễn Phương Thảo	K63.LOGIQLCU1	2,3	23019		Thao	
C 48	1281	223231328	Đỗ Đức Thuận	K63.LOGIQLCU1	0,5	23021		Thuan	
C 49	1282	223231331	Phạm Thị Mai Thương	K63.LOGIQLCU1	8,8	23013		Thuong	
C 50	1283	223231329	Phạm Thị Thanh Thủy	K63.LOGIQLCU1	9,5	23023		Thuy	
C 51	1284	223231332	Nguyễn Hương Trà	K63.LOGIQLCU1	6,0	23008		Tra	
C 52	1285	223231335	Phạm Thị Việt Trinh	K63.LOGIQLCU1	8,5	23021		Trinh	
C 53	1286	223231336	Nguyễn Sơn Trường	K63.LOGIQLCU1	3,8	23019		Truong	
C 54	1287	223231338	Phan Thanh Tùng	K63.LOGIQLCU1	6,5	23013		Tung	
C 55	1288	223231341	Phạm Thị Hồng Vân	K63.LOGIQLCU1	6,8	23023		Van	
C 56	1289	223221340	Nguyễn Quốc Văn	K63.LOGIQLCU1	2,8	23023		Van	
C 57	1290	223231343	Trịnh Công Vinh	K63.LOGIQLCU1	8,8	23023		Vinh	
C 58	1291	223231344	Nguyễn Hà Vy	K63.LOGIQLCU1	8,0	23021		Vy	

Tổng số bài thi : 57

Tổng số tờ giấy thi :

Hà Nội, ngày 07 tháng 7 năm 2023

Hai giáo viên chấm thi

Trưởng bộ môn

Người lập bảng

Đang Thị Mai
NTH Hoàng

PGS.TS. Trần Văn Long

Nguyễn Thị Minh Hiền

Ghi chú:

- Ghi đầy đủ ký hiệu điểm đặc biệt theo qui định (nếu có)
- Bộ môn nộp điểm chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày thi cho Phòng Đào tạo Đại Học và các Khoa, Viện có liên quan
- Sinh viên có điểm quá trình bằng 0 nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HL
- Sinh viên bị gạch tên do nợ học phí nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HP

DANH SÁCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

xong

Năm học 2022-2023 học kỳ 2 - Đợt thi : Kế hoạch thi học kỳ chính (đợt 1) khóa 63 HK II 22-23

Mã học phần:BS0.104.2

Tên học phần:Lý thuyết xác suất

Số TC :2

Mã DST:BS0.104.2_11/07/2023_4_21BS0.104.2-1-2-22(N22) Thi tại : 105-A5

Ngày thi:11/07/2023

Ca thi:

Ca 4 (15:30 - 17:30)

Phòng số:21

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	1292	223211227	Trần Đức An	K63.LOGIQLCU2	5,3	23008		An	
2	1293	223231228	Lê Hà Anh	K63.LOGIQLCU2	6,8	23019		Anh	
3	1294	223231229	Lê Thị Phương Anh	K63.LOGIQLCU2	10,0	23013		Anh	
4	1295	223231231	Phạm Thị Kiều Anh	K63.LOGIQLCU2	8,5	23019		Anh	
5	1296	223211232	Phạm Tuấn Anh	K63.LOGIQLCU2	1,5	23019		Anh	
6	1297	223231233	Trần Thế Anh	K63.LOGIQLCU2	5,0	23019		Anh	
7	1298	223231235	Hoàng Thanh Bình	K63.LOGIQLCU2	9,8	23008		Bình	
8	1299	223221245	Nguyễn Tiến Đạt	K63.LOGIQLCU2	4,0	23021		Đạt	
9	1300	223231237	Trần Minh Doanh	K63.LOGIQLCU2	8,5	23013		Doanh	
10	1301	223231247	Hồ Thành Đức	K63.LOGIQLCU2	5,5	23021		Đức	
11	1302	223231238	Phạm Thị Dung	K63.LOGIQLCU2	9,5	23019		Dung	
12	1303	223231243	Lê Hải Dương	K63.LOGIQLCU2	8,0	23019		Dương	
13	1304	223231240	Đoàn Mạnh Duy	K63.LOGIQLCU2	7,3	23021		Duy	
14	1305	223231250	Lê Thị Hương Giang	K63.LOGIQLCU2	7,3	23021		Giang	
15	1306	223231251	Nguyễn Thị Hương Giang	K63.LOGIQLCU2	7,8	23013		Giang	
16	1307	223231253	Hồ Thị Thanh Hải	K63.LOGIQLCU2	7,5	23023		Hải	
17	1308	223231254	Hồ Vĩnh Hải	K63.LOGIQLCU2	9,0	23019		Hải	Hải
18	1309	223221255	Nguyễn Quang Hải	K63.LOGIQLCU2	5,5	23023		Hải	
19	1310	223231256	Nguyễn Trần Hoàng Hải	K63.LOGIQLCU2	3,0	23008		Hải	
20	1311	223231259	Đỗ Quang Hiếu	K63.LOGIQLCU2	5,3	23021		Hiếu	
21	1312	223211260	Lê Thị Phương Hoa	K63.LOGIQLCU2					
22	1313	223231261	Vũ Thị Hoa	K63.LOGIQLCU2	9,5	23008		Hoa	
23	1314	223231266	Đặng Kim Huệ	K63.LOGIQLCU2	9,5	23023		Huệ	
24	1315	223231267	Lê Nguyên Hùng	K63.LOGIQLCU2	3,0	23023		Hùng	
25	1316	223231275	Nguyễn Thúy Hương	K63.LOGIQLCU2	9,5	23019		Hương	
26	1317	223231269	Nguyễn Gia Huy	K63.LOGIQLCU2	4,5	23008		Huy	
27	1318	223231270	Nguyễn Quang Huy	K63.LOGIQLCU2	6,8	23013		Huy	
28	1319	223231272	Trần Quang Huy	K63.LOGIQLCU2	6,0	23008		Huy	
29	1320	223231276	Nguyễn Hữu Kiên	K63.LOGIQLCU2	9,5	23019		Kiên	
30	1321	223231277	Hoàng Võ Tuấn Kiệt	K63.LOGIQLCU2	2,8	23021		Kiệt	
31	1322	223231278	Nguyễn Thị Hương Lan	K63.LOGIQLCU2	4,0	23019		Lan	
32	1323	223231279	Phạm Thị Lê	K63.LOGIQLCU2					
33	1324	223231282	Phạm Thế Linh	K63.LOGIQLCU2	7,0	23013		Linh	
34	1325	223231286	Nguyễn Đăng Mạnh	K63.LOGIQLCU2	9,8	23008		Mạnh	
35	1326	223231287	Vũ Thị Mỹ	K63.LOGIQLCU2	3,3	23019		Mỹ	
36	1327	223231289	Đặng Hải Minh	K63.LOGIQLCU2	5,0	23008		Minh	
37	1328	223231292	Trần Thị Mơ	K63.LOGIQLCU2	8,8	23023		Mơ	
38	1329	223211293	Nguyễn Lê Hà My	K63.LOGIQLCU2	9,0	23013		My	
39	1330	223231295	Hoàng Thủy Ngân	K63.LOGIQLCU2	6,5	23008		Ngân	
40	1331	223231296	Vũ Thị Hoàng Ngân	K63.LOGIQLCU2	4,5	23021		Ngân	
41	1332	223231300	Lê Thị Hồng Nhật	K63.LOGIQLCU2	4,0	23008		Ngân	
42	1333	223231303	Hoàng Thị Ninh	K63.LOGIQLCU2	7,0	23023		Ninh	

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
43	1334	223231304	✓ Lương Kim Oanh	K63.LOGIQLCU2	7,0	23013		Oanh	
44	1335	223231305	✓ Nguyễn Kiều Oanh	K63.LOGIQLCU2	9,8	23023		Oanh	
45	1336	223231307	✓ Nguyễn Thị Hồng Phong	K63.LOGIQLCU2	3,0	23021		phong	
46	1337	223211309	✓ Nguyễn Thị Hoài Phương	K63.LOGIQLCU2	2,8	23008		phương	
47	1338	223231310	✓ Phạm Thị Phương	K63.LOGIQLCU2	8,8	23023		Phương	
48	1339	223231312	✓ Hoàng Khổng Minh Quân	K63.LOGIQLCU2	2,8	23013		Quân	
49	1340	223231313	✓ Lê Mạnh Quân	K63.LOGIQLCU2	3,8	23023		Quân	
50	1341	223231315	✓ Trương Anh Quân	K63.LOGIQLCU2	7,0	23021		Quân	
51	1342	223231321	✓ Nguyễn Tất Thành	K63.LOGIQLCU2	3,5	23019		Thành	
52	1343	223231324	✓ Bùi Phương Thảo	K63.LOGIQLCU2	4,8	23021		Thảo	
53	1344	223231327	✓ Nguyễn Hữu Thấu	K63.LOGIQLCU2	4,8	23008		Thấu	
54	1345	223231330	✓ Hoàng Thị Thương	K63.LOGIQLCU2	4,5	23013		Thương	
55	1346	223231333	✓ Vũ Thị Huyền Trang	K63.LOGIQLCU2	9,3	23023		Trang	
56	1347	223231334	✓ Thạch Quang Triều	K63.LOGIQLCU2	5,8	23021		Triều	
57	1348	223231337	✓ Đoàn Anh Tú	K63.LOGIQLCU2	5,0	23013		Tú	
58	1349	223231342	✓ Nguyễn Phan Tường Vi	K63.LOGIQLCU2	8,8	23023		Vi	

Tổng số bài thi : 56

Tổng số tờ giấy thi :

Hà Nội, ngày 07 tháng 7 năm 2023

Hai giáo viên chấm thi

Trưởng bộ môn

Người lập bảng

M.P. Bình Bui Hương

PGS.TS. Trần Văn Long

Nguyễn Thị Minh Hiền

Ghi chú:

- Ghi đầy đủ ký hiệu điểm đặc biệt theo qui định (nếu có)
- Bộ môn nộp điểm chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày thi cho Phòng Đào tạo Đại Học và các Khoa, Viện có liên quan
- Sinh viên có điểm quá trình bằng 0 nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HL
- Sinh viên bị gạch tên do nợ học phí nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HP

xong

DANH SÁCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Năm học 2022-2023 học kỳ 2 - Đợt thi : Kế hoạch thi học kỳ chính (đợt 1) khóa 63 HK II 22-23

Mã học phần:BS0.104.2

Tên học phần:Lý thuyết xác suất

Số TC :2

Mã DST:BS0.104.2_11/07/2023_4_22BS0.104.2-1-2-22(N23) Thi tại : 303-A7

Ngày thi:11/07/2023

Ca thi:

Ca 4 (15:30 - 17:30)

Phòng số:22

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	1350	223134433	✓ Nguyễn Lan Anh	K63.QTDVLLH1	2,8	08			
2	1351	223134434	✓ Trần Ngọc Anh	K63.QTDVLLH1	4,0	13			
3	1352	223134439	✓ Chu Văn Bình	K63.QTDVLLH1	6,5	19			
4	1353	223134444	✓ Đặng Đức Du	K63.QTDVLLH1	4,5	08			
5	1354	223134447	✓ Phạm Bá Anh Đức	K63.QTDVLLH1	3,8	21			
6	1355	223134449	✓ Vũ Thị Gấm	K63.QTDVLLH1	9,5	12			
7	1356	223134451	✓ Nguyễn Thị Hải	K63.QTDVLLH1	3,5	08			
8	1357	223134452	✓ Trần Mỹ Hạnh	K63.QTDVLLH1	2,0	08			
9	1358	223134456	✓ Nguyễn Trung Hiếu	K63.QTDVLLH1	3,3	23			
10	1359	223104458	✓ Lý Ngọc Hoài	K63.QTDVLLH1	3,0	13			
11	1360	223104459	✓ Hạ Thị Minh Hồng	K63.QTDVLLH1	4,0	23			
12	1361	223134460	✓ Phùng Thị Thanh Hồng	K63.QTDVLLH1	4,5	21			
13	1362	223134471	✓ Nguyễn Đức Hường	K63.QTDVLLH1	3,0	19			
14	1363	223104472	✓ Nguyễn Thị Hường	K63.QTDVLLH1	3,0	23			
15	1364	223134464	✓ Nguyễn Văn Huy	K63.QTDVLLH1	2,3	21			
16	1365	223104465	✓ Dương Diệu Huyền	K63.QTDVLLH1	2,5	08			
17	1366	223134466	✓ Nguyễn Thị Ngọc Huyền	K63.QTDVLLH1	3,0	19			
18	1367	223104476	✓ Phạm Ngọc Lan	K63.QTDVLLH1	2,8	23			
19	1368	223134477	✓ Hà Trần Linh	K63.QTDVLLH1	3,0	13			
20	1369	223134480	✓ Nguyễn Thị Khánh Linh	K63.QTDVLLH1	8,0	08			
21	1370	223134481	✓ Nguyễn Thị Khánh Linh	K63.QTDVLLH1	4,0	19			
22	1371	223134482	✓ Nguyễn Vũ Phương Linh	K63.QTDVLLH1	4,5	19			
23	1372	223134483	✓ Vũ Khánh Linh	K63.QTDVLLH1	6,5	15			
24	1373	223134485	Nguyễn Thị Hồng Lương	K63.QTDVLLH1	00,0				
25	1374	223134488	✓ Hoàng Thị Nguyệt	K63.QTDVLLH1	4,5	08			
26	1375	223134489	✓ Nguyễn Thị Minh Nguyệt	K63.QTDVLLH1	4,8	21			
27	1376	223134491	✓ Vũ Thị Quỳnh Như	K63.QTDVLLH1	3,0	13			
28	1377	223134493	✓ Trần Công Phúc	K63.QTDVLLH1	7,0	08			
29	1378	223134494	✓ Nguyễn Tú Phương	K63.QTDVLLH1	1,5	21			
30	1379	223134495	✓ Phạm Thị Thu Phương	K63.QTDVLLH1	6,5	23			
31	1380	223134503	✓ Nguyễn Nguyên Sáng	K63.QTDVLLH1	3,3	23			
32	1381	223134506	✓ Vũ Diệu Thanh	K63.QTDVLLH1	9,8	08			
33	1382	223134507	✓ Lương Xuân Thành	K63.QTDVLLH1	5,0	21			
34	1383	223134511	✓ Lại Thị Thảo	K63.QTDVLLH1	2,5	23			
35	1384	223134512	✓ Lương Thị Phương Thảo	K63.QTDVLLH1	5,5	13			
36	1385	223134514	✓ Vũ Phương Thảo	K63.QTDVLLH1	7,5	21			
37	1386	223134515	✓ Vũ Thị Thảo	K63.QTDVLLH1	4,8	19			
38	1387	223134517	✓ Đồng Thị Thu	K63.QTDVLLH1	5,3	13			
39	1388	223134523	✓ Ngọ Thị Thương	K63.QTDVLLH1	7,0	19			
40	1389	223134525	✓ Trần Thị Thương	K63.QTDVLLH1	7,5	19			
41	1390	223134521	✓ Nguyễn Thu Thủy	K63.QTDVLLH1	00,0	23			
42	1391	223134533	✓ Phan Anh Tuấn	K63.QTDVLLH1	2,8	21			

Mã DST:BS0.104.2_11/07/2023_4_22BS0.104.2-1-2-22(N23) Thi tại : 303-A7

Ngày thi:11/07/2023

Ca thi:

Ca 4 (15:30 - 17:30)

Phòng số:22

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
43	1392	223104535 ✓	Phạm Huy Tùng	K63.QTDVDLLH1	7,0	13		Tùng	
44	1393	223134536 ✓	Phạm Thị Tuyết	K63.QTDVDLLH1	4,0	08		Tuyết	
45	1394	223134537 ✓	Đỗ Tú Uyên	K63.QTDVDLLH1	8,8	21		Uyên	
46	1395	223134538 ✓	Hoàng Thị Uyên	K63.QTDVDLLH1	4,5	23		Uyên	

Tổng số bài thi : 45

Tổng số tờ giấy thi :

Hà Nội, ngày 07 tháng 7 năm 2023

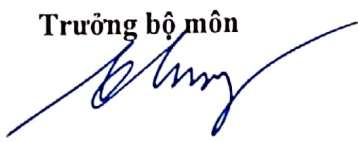
Hai giáo viên chấm thi

Trưởng bộ môn

Người lập bảng


Bùi Hương


M.P. Bình


PGS.TS. Trần Văn Long


Nguyễn Thị Minh Hiền

Ghi chú:

- Ghi đầy đủ ký hiệu điểm đặc biệt theo qui định (nếu có)
- Bộ môn nộp điểm chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày thi cho Phòng Đào tạo Đại Học và các Khoa, Viện có liên quan
- Sinh viên có điểm quá trình bằng 0 nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HL
- Sinh viên bị gạch tên do nợ học phí nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HP

DANH SÁCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Xong

Năm học 2022-2023 học kỳ 2 - Đợt thi : Kế hoạch thi học kỳ chính (đợt 1) khóa 63 HK II 22-23

Mã học phần:BS0.104.2

Tên học phần:Lý thuyết xác suất

Số TC :2

Mã DST:BS0.104.2_11/07/2023_4_23BS0.104.2-1-2-22(N24) Thi tại : 201-A5

Ngày thi:11/07/2023

Ca thi: Ca 4 (15:30 - 17:30)

Phòng số:23

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	1396	223134431	Hoàng Phương Anh	K63.QTDVLLH2	7.0	23013		Par	
2	1397	223134432	Hoàng Thị Vân Anh	K63.QTDVLLH2	7.0	23019		V.A.B	
3	1398	223134435	Vũ Thị Lan Anh	K63.QTDVLLH2	4.8	23021		L.Anh	
4	1399	223134436	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	K63.QTDVLLH2	6.0	23013		Ánh	
5	1400	223134437	Nguyễn Văn Bảo	K63.QTDVLLH2	7.5	23008		Bảo	
6	1401	223134438	Hoàng Ngọc Bích	K63.QTDVLLH2	2.0	23023		Bích	
7	1402	223134441	Vũ Ngọc Danh	K63.QTDVLLH2	2.5	23019		Danh	
8	1403	223134442	Đặng Thị Ngọc Diệp	K63.QTDVLLH2	2.5	23021		Diệp	
9	1404	223134443	Nguyễn Phương Diệu	K63.QTDVLLH2	2.5	23023		Diệu	
10	1405	223134445	Ngô Thị Duyên	K63.QTDVLLH2	4.5	23019		Khánh Duyên	
11	1406	223134448	Hoàng Thanh Gấm	K63.QTDVLLH2	10.0	23013		Gấm	
12	1407	223134454	Nguyễn Thị Thu Hằng	K63.QTDVLLH2	3.8	23021		Hằng	
13	1408	223104453	Lê Thị Hào	K63.QTDVLLH2	7.5	23008		Hào	
14	1409	223104461	Lương Thị Huệ	K63.QTDVLLH2	2.5	23023		Huệ	
15	1410	223104467	Đỗ Thị Lan Hương	K63.QTDVLLH2	5.0	23008		Hương	
16	1411	223134462	Nguyễn Đỗ Huy	K63.QTDVLLH2	3.0	23021		Huy	
17	1412	223134463	Nguyễn Khắc Anh Huy	K63.QTDVLLH2	7.3	23019		Huy	
18	1413	223134473	Trần Văn Khánh	K63.QTDVLLH2	6.3	23013		Khánh	
19	1414	223104474	Nguyễn Thanh Lam	K63.QTDVLLH2	4.3	23019		Lam	
20	1415	223134475	Lưu Thị Ngọc Lan	K63.QTDVLLH2	1.3	23013		Lan	
21	1416	223134478	Mai Ngọc Linh	K63.QTDVLLH2	3.3	23021		Linh	
22	1417	223134479	Nguyễn Diệu Linh	K63.QTDVLLH2	1.0	23008		Linh	
23	1418	223134484	Vương Thị Linh	K63.QTDVLLH2	5.0	23023		Linh	
24	1419	223134487	Lê Phương Nam	K63.QTDVLLH2	1.8	23008		Nam	
25	1420	223134492	Nguyễn Nghĩa Phát	K63.QTDVLLH2	1.5	23008		Phát	
26	1421	223134496	Trần Thị Thu Phương	K63.QTDVLLH2	6.3	23013		Phương	
27	1422	223134497	Hứa Mạnh Quang	K63.QTDVLLH2	3.8	23019		Quang	
28	1423	223134499	Nguyễn Thị Quyên	K63.QTDVLLH2	6.3	23013		Quyên	
29	1424	223134500	Đoàn Thị Diễm Quỳnh	K63.QTDVLLH2	7.5	23021		Quỳnh	
30	1425	223134501	Nguyễn Như Quỳnh	K63.QTDVLLH2	2.5	23023		Quỳnh	
31	1426	223134502	Trần Thị Diễm Quỳnh	K63.QTDVLLH2	4.3	23008		Quỳnh	
32	1427	223134505	Vũ Thị Thanh Tâm	K63.QTDVLLH2	2.5	23019		Tâm	
33	1428	223134508	Nguyễn Phúc Thành	K63.QTDVLLH2	3.0	23021		Thành	
34	1429	223134509	Cao Phương Thảo	K63.QTDVLLH2	4.0	23013		Thảo	
35	1430	223134513	Trần Thị Thanh Thảo	K63.QTDVLLH2	5.0	23008		Thảo	
36	1431	223134516	Vũ Thị Thu Thơm	K63.QTDVLLH2	3.3	23023		Thơm	
37	1432	223134518	Nguyễn Thu Thủy	K63.QTDVLLH2	3.5	23023		Thủy	
38	1433	223134522	Nguyễn Thị Thúy	K63.QTDVLLH2	2.0	23021		Thúy	
39	1434	223104520	Nguyễn Thị Thủy	K63.QTDVLLH2	5.8	23019		Thủy	
40	1435	223134526	Nguyễn Huyền Trang	K63.QTDVLLH2	2.5	23019		Trang	
41	1436	223134529	Phan Thị Trang	K63.QTDVLLH2	7.5	23013		Trang	
42	1437	223134530	Phú Thị Thanh Trang	K63.QTDVLLH2	6.0	23008		Trang	

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
43	1438	223134531	Đặng Thành Trung	K63.QTDVDLLH2	3.8	23021		Đ	
44	1439	223134534	Nguyễn Thanh Tùng	K63.QTDVDLLH2	2.3	23023		T	
45	1440	223134539	Nguyễn Thị Bích Vân	K63.QTDVDLLH2	2.5	23008		v	
46	1441	223134540	Bùi Thị Hải Yến	K63.QTDVDLLH2	6.3	23023		Y	
47	1442	223134541	Nguyễn Ngọc Yến	K63.QTDVDLLH2	5.5	23013		Y	

Tổng số bài thi :

Tổng số tờ giấy thi :

Hà Nội, ngày 07 tháng 7 năm 2023

Hai giáo viên chấm thi

Trưởng bộ môn

Người lập bảng

N.H. Hoan
Đặng Thị Mai

PGS.TS. Trần Văn Long

Nguyễn Thị Minh Hiền

Ghi chú:

- Ghi đầy đủ ký hiệu điểm đặc biệt theo qui định (nếu có)
- Bộ môn nộp điểm chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày thi cho Phòng Đào tạo Đại Học và các Khoa, Viện có liên quan
- Sinh viên có điểm quá trình bằng 0 nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HL
- Sinh viên bị gạch tên do nợ học phí nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HP

DANH SÁCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Năm học 2022-2023 học kỳ 2 - Đợt thi : Kế hoạch thi học kỳ chính (đợt 1) khóa 63 HK II 22-23

Mã học phần:BS0.104.2

Tên học phần:Lý thuyết xác suất

Số TC :2

Mã DST:BS0.104.2_11/07/2023_4_24BS0.104.2-1-2-22(N25) Thi tại : 401-A7

Ngày thi:11/07/2023

Ca thi:

Ca 4 (15:30 - 17:30)

Phòng số:24

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	1443	221730116	✓ Đỗ Hoàng Anh	K63.QTKD1	8,8	23019		Anh	
2	1444	221730118	✓ Nguyễn Thị Lan Anh	K63.QTKD1	4,8	23019		Anh	
3	1445	221730121	✓ Vũ Phương Anh	K63.QTKD1	5,0	23021		Anh	
4	1446	221730123	✓ Vũ Ngọc Ánh	K63.QTKD1	5,0	23023		Anh	
5	1447	221730128	✓ Hoàng Thị Yến Chi	K63.QTKD1	3,8	23019		Chi	
6	1448	221730129	✓ Dương Thị Chiên	K63.QTKD1	4,3	23021		Chiên	
7	1449	221730130	✓ Bùi Mạnh Cường	K63.QTKD1	10,0	23008		Cường	
8	1450	221730143	✓ Nguyễn Thành Đạt	K63.QTKD1	10,0	23019		Dat	
9	1451	221730144	✓ Nguyễn Thành Đạt	K63.QTKD1	9,0	23021		Dat	
10	1452	221730131	✓ Nguyễn Thị Diễm	K63.QTKD1	7,8	23023		Diễm	
11	1453	221730134	✓ Nguyễn Văn Doanh	K63.QTKD1	9,8	23023		Doanh	
12	1454	221730146	✓ Bùi Văn Đồng	K63.QTKD1	1,3	23008		Đồng	
13	1455	221700135	✓ Đinh Thị Hải Dung	K63.QTKD1	6,5	23013		Dung	
14	1456	221730139	✓ Nguyễn Thị Ánh Dương	K63.QTKD1	4,8	23019		Dương	
15	1457	221730141	✓ Trần Bình Tiến Dương	K63.QTKD1	5,0	23001		Dương	
16	1458	221730147	✓ Nguyễn Trà Giang	K63.QTKD1	4,0	23023		Giang	
17	1459	221730148	✓ Ngô Phương Hà	K63.QTKD1	10,0	23008		Hà	
18	1460	221700149	✓ Ngô Thu Hà	K63.QTKD1	6,3	23008		Hà	
19	1461	221730150	✓ Hồ Hồng Hải	K63.QTKD1	9,3	23013		Hải	
20	1462	221730154	✓ Đào Duy Hân	K63.QTKD1	8,5	23019		Hân	
21	1463	221730153	✓ Nguyễn Thị Thu Hằng	K63.QTKD1	3,8	23023		Hằng	
22	1464	221730155	Vũ Minh Hiếu	K63.QTKD1					Nợ HP
23	1465	221730166	✓ Vũ Ngọc Lam	K63.QTKD1	6,0	23008		Lam	
24	1466	221730168	✓ Đinh Thị Linh	K63.QTKD1	4,0	23013		Linh	
25	1468	221730171	✓ Lưu Khánh Linh	K63.QTKD1	9,0	23023		Linh	
26	1469	221730172	✓ Nguyễn Khánh Linh	K63.QTKD1	3,8	23021		Linh	3,8
27	1470	221730175	✓ Vũ Quang Linh	K63.QTKD1	2,5	23019		Linh	
28	1471	221730176	✓ Đặng Bảo Long	K63.QTKD1	10,0	23013		Long	
29	1472	221730177	✓ Nguyễn Văn Long	K63.QTKD1	4,5	23019		Long	
30	1473	221730178	✓ Mai Thị Lương	K63.QTKD1	10,0	23008		Lương	
31	1474	221730179	✓ Khiếu Thị Hương Ly	K63.QTKD1	9,3	23008		Ly	
32	1475	221730185	✓ Đồng Bích Mai	K63.QTKD1	9,0	23019		Mai	
33	1476	221730188	✓ Nguyễn Tiến Minh	K63.QTKD1	9,3	23021		Minh	
34	1477	221730189	✓ Phạm Khắc Cao Minh	K63.QTKD1	4,5	23023		Minh	
35	1478	221730190	✓ Phạm Ngọc Minh	K63.QTKD1	8,8	23008		Minh	
36	1479	221730191	✓ Lương Trà My	K63.QTKD1	3,5	23019		My	
37	1480	221730192	✓ Vũ Đức Nam	K63.QTKD1	9,5	23021		Nam	
38	1481	221730197	✓ Nguyễn Khôi Nguyên	K63.QTKD1	5,5	23023		Nguyên	
39	1482	221730198	✓ Hoàng Thị Yến Nhi	K63.QTKD1	8,0	23008		Nhi	
40	1483	221730199	✓ Nguyễn Thị Như	K63.QTKD1	8,5	23013		Như	
41	1484	221730200	✓ Trần Thị Khánh Ninh	K63.QTKD1	8,8	23013		Ninh	
42	1485	221730206	✓ Nguyễn Ngân Phương	K63.QTKD1	7,5	23019		Phương	

Ngày thi:11/07/2023

Ca thi:

Ca 4 (15:30 - 17:30)

Phòng số:24

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
43	1486	221730210 ✓	Trần Minh Phương	K63.QTKD1	10,0	23021		shp	
44	1487	221730218 ✓	Quách Hương Quỳnh	K63.QTKD1	8,5	23013		Quỳnh	
45	1488	221730219 ✓	Vũ Như Quỳnh	K63.QTKD1	7,8	23014		Quỳnh	
46	1489	221730220 ✓	Hoàng Văn Sơn	K63.QTKD1	7,5	23019		Sơn	
47	1490	221730221 ✓	Vũ Thị Mỹ Tâm	K63.QTKD1	7,5	23021		Tâm	
48	1491	221730222 ✓	Lê Huyền Thanh	K63.QTKD1	7,5	23013		Thanh	
49	1492	221700223 ✓	Nguyễn Phương Thanh	K63.QTKD1	8,5	23008		Thanh	
50	1493	221730227 ✓	Nguyễn Thị Thoa	K63.QTKD1	7,0	23023		Thoa	
51	1494	221730228 ✓	Vũ Xuân Thông	K63.QTKD1	9,5	23008		Thống	
52	1495	221700230 ✓	Phạm Minh Tiến	K63.QTKD1	3,0	23019		Tiến	
53	1496	221700232 ✓	Ngô Xuân Trà	K63.QTKD1	8,5	23013		Trà	
54	1497	221730233 ✓	Nguyễn Hương Trà	K63.QTKD1	5,5	23021		Trà	
55	1498	221730236 ✓	Nguyễn Huyền Trang	K63.QTKD1	8,0	23023		Trang	
56	1499	221730237 ✓	Nguyễn Thùy Trang	K63.QTKD1	6,5	23021		Trang	
57	1500	221730238 ✓	Phùng Hương Trang	K63.QTKD1	10,0	23013		Trang	
58	1501	221730243 ✓	Trần Thị Tuyết	K63.QTKD1	8,8	23013		Tuyết	
59	1502	221730248 ✓	Trịnh Bình Yên	K63.QTKD1	2,0	23024		Yên	
60	1503	221730249 ✓	Phạm Thị Hải Yến	K63.QTKD1	9,8	23013		Yến	

Tổng số bài thi : 59

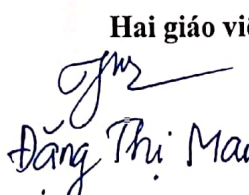
Tổng số tờ giấy thi :

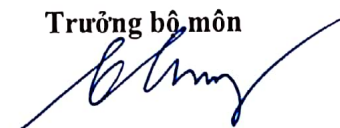
Hà Nội, ngày 07 tháng 7 năm 2023

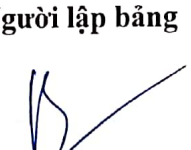
Hai giáo viên chấm thi

Trưởng bộ môn

Người lập bảng


Đặng Thị Mai
NH Hoàng


PGS.TS. Trần Văn Long


Nguyễn Thị Minh Hiền

Ghi chú:

- Ghi đầy đủ ký hiệu điểm đặc biệt theo qui định (nếu có)
- Bộ môn nộp điểm chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày thi cho Phòng Đào tạo Đại Học và các Khoa, Viện có liên quan
- Sinh viên có điểm quá trình bằng 0 nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HL
- Sinh viên bị gạch tên do nợ học phí nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HP

DANH SÁCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Năm học 2022-2023 học kỳ 2 - Đợt thi : Kế hoạch thi học kỳ chính (đợt 1) khóa 63 HK II 22-23

Mã học phần:BS0.104.2

Tên học phần:Lý thuyết xác suất

Số TC :2

Mã DST:BS0.104.2_11/07/2023_4_25BS0.104.2-1-2-22(N26) Thi tại : 403-A7

Ngày thi:11/07/2023

Ca thi: Ca 4 (15:30 - 17:30)

Phòng số:25

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	1504	221730117	Đinh Thị Lan Anh	K63.QTKD2	7.5	23023		Anh	
2	1505	221730119	Phạm Doãn Minh Anh	K63.QTKD2	7.5	23013		Anh	
3	1506	221730120	Trần Phương Anh	K63.QTKD2	8.8	23013		Anh	
4	1507	221730122	Nguyễn Ngọc Ánh	K63.QTKD2	3.3	23019		Anh	
5	1508	221730124	Phạm Nhật Ánh Anna	K63.QTKD2	4.8	23021		Anh	
6	1509	221730126	Lưu Nguyễn Minh Châu	K63.QTKD2	3.8	23008		Anh	
7	1510	221730127	Đào Thị Kim Chi	K63.QTKD2	5.8	23021		Chi	
8	1511	221730145	Trần Tiến Đạt	K63.QTKD2	3.3	23023		Dat	
9	1512	221730132	Ngô Thị Diệu	K63.QTKD2	1.0	23013		Diệu	
10	1513	221730133	Nguyễn Cảnh Dinh	K63.QTKD2	8.0	23019		Dinh	
11	1514	221730140	Phạm Nhật Dương	K63.QTKD2	5.5	23019		Dương	
12	1515	221730142	Vũ Anh Dương	K63.QTKD2	5.0	23021		Dương	
13	1516	221730136	Hoàng Đình Duy	K63.QTKD2	2.5	23013		Duy	
14	1517	221730137	Nguyễn Phúc Duy	K63.QTKD2	4.8	23008		Duy	
15	1518	221730151	Nguyễn Phú Hải	K63.QTKD2	2.8	23008		Hải	
16	1519	221730157	Đàm Văn Hoàng	K63.QTKD2	5.0	23013		Hoàng	
17	1520	221730156	Nguyễn Việt Hoàng	K63.QTKD2	5.0	23023		Hoàng	
18	1521	221730158	Lê Đức Hùng	K63.QTKD2	3.5	23021		Hùng	
19	1522	221730161	Dương Minh Hường	K63.QTKD2	3.8	23019		Hường	
20	1523	221730159	Lương Khánh Huyền	K63.QTKD2	2.0	23008		Huyền	
21	1524	221730160	Trần Thị Thu Huyền	K63.QTKD2	7.0	23021		Huyền	
22	1525	221730162	Lê Văn Khanh	K63.QTKD2	4.3	23021		Khanh	
23	1526	221730164	Đào Quốc Khánh	K63.QTKD2	5.0	23008		Khanh	
24	1527	221730165	Nguyễn Quốc Khánh	K63.QTKD2	4.5	23019		Khanh	
25	1528	221730167	Trần Thị Mỹ Lê	K63.QTKD2	9.8	23023		Lê	
26	1529	221700170	Lê Thị Thùy Linh	K63.QTKD2	3.5	23021		Linh	
27	1530	221730173	Nguyễn Khánh Linh	K63.QTKD2	5.5	23013		Linh	
28	1531	221730174	Trịnh Thảo Linh	K63.QTKD2	2.5	23021		Linh	
29	1532	221730180	Nguyễn Mai Ly	K63.QTKD2	6.3	23023		Ly	
30	1533	221730182	Nguyễn Thảo Ly	K63.QTKD2	6.0	23013		Ly	
31	1534	221730181	Nguyễn Thị Khánh Ly	K63.QTKD2	7.5	23019		Ly	
32	1535	221730183	Đỗ Thị Hoa Lý	K63.QTKD2	2.5	23023		Ly	
33	1536	221730184	Đào Tuyết Mai	K63.QTKD2	7.8	23013		Mai	
34	1537	221730187	Đặng Nhật Minh	K63.QTKD2	2.0	23023		Minh	
35	1538	221730194	Nguyễn Viết Ngọc	K63.QTKD2	1.5	23021		Ngoc	
36	1539	221730196	Trịnh Thị Bích Ngọc	K63.QTKD2	2.0	23008		Ngoc	
37	1540	221730201	Nguyễn Thị Kim Oanh	K63.QTKD2	5.0	23023		Oanh	
38	1541	221730202	Lê Đình Phong	K63.QTKD2	00.0	23019		Phong	
39	1542	221730203	Hoàng Thanh Phú	K63.QTKD2	3.0	23013		Phu	
40	1543	221700204	Đặng Thị Minh Phương	K63.QTKD2	9.3	23023		Phuong	
41	1544	221730205	Hoàng Thị Phương	K63.QTKD2	10.0	23008		Phuong	
42	1545	221730207	Nguyễn Thị Phương	K63.QTKD2	6.3	23019		Phuong	

Ngày thi:11/07/2023

Ca thi:

Ca 4 (15:30 - 17:30)

Phòng số:25

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
43	1546	221730208	✓ Nguyễn Thị Thu Phương	K63.QTKD2	5.8	23021		Phương	
44	1547	221730209	✓ Nguyễn Trần Hoài Phương	K63.QTKD2	2.8	23008		Phương	
45	1548	221730211	✓ Trần Thu Phương	K63.QTKD2	10.0	23008		Phương	
46	1549	221700212	✓ Chu Minh Quang	K63.QTKD2	3.0	23019		Quang	
47	1550	221730213	✓ Lê Văn Quang	K63.QTKD2	9.0	23023		Quang	
48	1551	221730214	✓ Nguyễn Kim Quý	K63.QTKD2	2.5	23013		Quý	
49	1552	221730217	✓ Phạm Hương Quỳnh	K63.QTKD2	3.0	23008		Quỳnh	
50	1553	221730224	✓ Khuất Thị Phương Thảo	K63.QTKD2	8.5	23008		Thảo	
51	1554	221730229	✓ Đỗ Thị Thương	K63.QTKD2	5.3	23019		Thương	
52	1555	221730231	✓ Triệu Quang Tiếp	K63.QTKD2	3.3	23021		Tiếp	
53	1556	221730234	✓ Bùi Thị Đoàn Trang	K63.QTKD2	6.5	23008		Trang	
54	1557	221730235	✓ Ngô Thị Trang	K63.QTKD2	5.8	23013		Trang	
55	1558	221700239	✓ Uông Ngọc Trí	K63.QTKD2	2.0	23021		Trí	
56	1559	221730240	✓ Hà Thị Thanh Trúc	K63.QTKD2	6.5	23008		Trúc	
57	1560	221730241	✓ Trần Phi Trường	K63.QTKD2	2.5	23019		Trường	
58	1561	221730242	✓ Đỗ Quang Tùng	K63.QTKD2	2.5	23019		Tùng	
59	1562	221730244	✓ Nguyễn Ngọc Uy	K63.QTKD2	7.5	23013		Uy	
60	1563	221730246	✓ Phạm Thị Vân	K63.QTKD2	2.5	23023		Vân	
61	1564	221700245	✓ Trần Công Văn	K63.QTKD2	2.3	23021		Văn	
62	1565	221730247	✓ Phạm Thị Xuân	K63.QTKD2	3.5	23013		Xuân	

Tổng số bài thi : 62

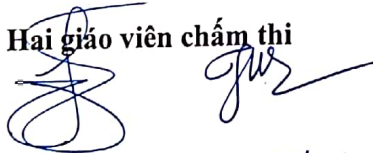
Tổng số tờ giấy thi :

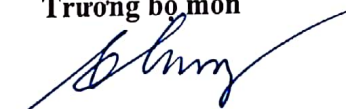
Hà Nội, ngày 07 tháng 7 năm 2023

Hai giáo viên chấm thi

Trưởng bộ môn

Người lập bảng







N.H. Hoàng D.T. Mai

PGS.TS. Trần Văn Long

Nguyễn Thị Minh Hiền

Ghi chú:

- Ghi đầy đủ ký hiệu điểm đặc biệt theo qui định (nếu có)
- Bộ môn nộp điểm chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày thi cho Phòng Đào tạo Đại Học và các Khoa, Viện có liên quan
- Sinh viên có điểm quá trình bằng 0 nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HL
- Sinh viên bị gạch tên do nợ học phí nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HP

DANH SÁCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Năm học 2022-2023 học kỳ 2 - Đợt thi : Kế hoạch thi học kỳ chính (đợt 1) khóa 63 HK II 22-23

Mã học phần:BS0.104.2

Tên học phần:Lý thuyết xác suất

Số TC :2

Mã DST:BS0.104.2_11/07/2023_4_26BS0.104.2-1-2-22(N27) Thi tại : 501-A7

Ngày thi:11/07/2023

Ca thi:

Ca 4 (15:30 - 17:30)

Phòng số:26

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	1566	223430309	Chu Văn An	C K63.TCNH1	3,5	23023	01	An	
2	1567	223430310	Nguyễn Thị Thùy An	C K63.TCNH1	5,5	23013		An	
3	1568	223430313	Nguyễn Thị Tuyết Anh	C K63.TCNH1	2,3	23008		Anh	
4	1569	223430314	Nguyễn Tuấn Anh	C K63.TCNH1	7,5	23019		An	
5	1570	223430315	Trần Thị Ngọc Anh	C K63.TCNH1	6,8	23023		Anh	
6	1571	223430316	Vũ Nguyễn Hoàng Anh	C K63.TCNH1	8,8	23008		Anh	
7	1572	223430317	Nguyễn Ngọc Ánh	C K63.TCNH1	6,5	23019		Anh	
8	1573	223430318	Trần Văn Bình	C K63.TCNH1	4,5	23021		Bình	
9	1574	223430319	Nguyễn Khánh Chi	C K63.TCNH1	6,0	23013		Chi	
10	1575	223430320	Đặng Thị Chúc	C K63.TCNH1	6,5	23021		Chúc	
11	1576	223430321	Mạc Liên Cường	C K63.TCNH1	7,5	23019		Cường	
12	1577	223430324	Nguyễn Thùy Dương	C K63.TCNH1	4,5	23008		Dương	
13	1578	223430322	Đỗ Thị Mỹ Duyên	C K63.TCNH1	2,0	23021		Duyên	
14	1579	223430323	Phan Thị Thu Duyên	C K63.TCNH1	9,8	23013		Duyên	
15	1580	223430325	Lưu Ngọc Giang	C K63.TCNH1	5,5	23021		Giang	
16	1581	223430326	Đương Ngân Hà	C K63.TCNH1	9,5	23013		Hà	
17	1582	223430327	Nguyễn Duy Hà	C K63.TCNH1	5,0	23023		Hà	
18	1583	223430328	Trần Hoàng Hà	C K63.TCNH1	6,8	23008		Hà	
19	1584	223430329	Phạm Thị Phương Hoa	C K63.TCNH1	3,8	23008		Hoa	
20	1585	223430330	Nguyễn Thị Hòa	C K63.TCNH1	4,3	23023		Hòa	
21	1586	223430332	Nguyễn Thanh Hùng	C K63.TCNH1	2,5	23021		Hùng	
22	1587	223430335	Nguyễn Thị Lan Hương	C K63.TCNH1	8,5	23013		Hương	
23	1588	223430336	Phí Thị Thu Hường	C K63.TCNH1	7,0	23013		Hường	
24	1589	223430333	Trần Nguyễn Gia Huy	C K63.TCNH1	4,3	23019		Huy	
25	1590	223430334	Cần Thị Minh Huyền	C K63.TCNH1	3,8	23008		Huyền	
26	1591	223430337	Ngô Thị Thanh Liễu	C K63.TCNH1	4,0	23021		Liễu	
27	1592	223430340	Đỗ Khánh Linh	C K63.TCNH1	10,0	23013		Linh	
28	1593	223430339	Dương Thị Hoài Linh	C K63.TCNH1	7,0	23023		Linh	
29	1594	223430341	Mai Thủy Linh	C K63.TCNH1	00,0	23013		Linh	
30	1595	223430343	Nguyễn Thị Linh	C K63.TCNH1	00,0	23008		Linh	
31	1596	223430342	Nguyễn Thị Hải Linh	C K63.TCNH1	7,0	23021		Linh	
32	1597	223430344	Trần Thùy Linh	C K63.TCNH1	3,8	23008		Linh	
33	1598	223430345	Vũ Diệu Linh	C K63.TCNH1	00,0				
34	1599	223430346	Bạch Huỳnh Mai	C K63.TCNH1	00,0	23021		Mai	
35	1600	223430347	Bùi Thị Mai	C K63.TCNH1	4,3	23013		Mai	
36	1601	223430348	Lê Thị Mai	C K63.TCNH1	6,3	23023		Mai	
37	1602	223430349	Đỗ Thị Ngọc Mến	C K63.TCNH1	2,0	23019		Mến	
38	1603	223430350	Đỗ Quang Minh	C K63.TCNH1	3,3	23008		Minh	
39	1604	223430351	Nguyễn Ngọc Diệu Minh	C K63.TCNH1	5,0	23019		Minh	
40	1605	223430352	Vũ Hà My	C K63.TCNH1	00,0				
41	1606	223430353	Vũ Thị Thúy Nga	C K63.TCNH1	2,5	23021		Nga	
42	1607	223430355	Phạm Thu Ngân	C K63.TCNH1	0,5	23021		Ngân	

Ngày thi:11/07/2023

Ca thi:

Ca 4 (15:30 - 17:30)

Phòng số:26

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
43	1608	223430357	Phùng Việt Hạnh Nguyên	K63.TCNH1					Nợ HP
44	1609	223430359	Lê Thị Nhung	C K63.TCNH1	3,3	23008		Nhung	
45	1610	223430360	Nguyễn Hồng Nhung	C K63.TCNH1	5,5	23013		Nhung	
46	1611	223430361	Vũ Thị Ngọc Oanh	C K63.TCNH1	3,8	23019		Oanh	
47	1612	223430362	Quyên Thế Phong	C K63.TCNH1	0,5	23008		Phong	
48	1613	223430363	Lê Thanh Phương	C K63.TCNH1	3,8	23019		Phương	
49	1614	223430364	Ngô Thị Quỳnh Phương	C K63.TCNH1	6,0	23023		Phương	
50	1615	223430365	Nguyễn Huy Quang	C K63.TCNH1	3,5	23013		Quang	
51	1616	223430366	Vũ Thị Quý	C K63.TCNH1	2,5	23023		Quý	
52	1617	223430367	Đào Diễm Quỳnh	C K63.TCNH1	00,0	23013		Quỳnh	
53	1618	223430368	Dương Thị Hồng Thắm	C K63.TCNH1	00,0	23019		Thắm	
54	1619	223430369	Nguyễn Thị Thu	C K63.TCNH1	3,8	23019		Thu	
55	1620	223430370	Lê Thị Minh Thư	C K63.TCNH1	4,3	23019		Thư	
56	1621	223430371	Vũ Đình Tiến	C K63.TCNH1	00,0	23021		Tiến	
57	1622	223430372	Dương Thị Thu Trang	C K63.TCNH1	6,5	23023		Trang	
58	1623	223430373	Nguyễn Thu Trang	C K63.TCNH1	7,0	23013		Trang	
59	1624	223430374	Cao Thị Cẩm Tú	C K63.TCNH1	4,5	23021		Tú	
60	1625	223430375	Đào Quốc Tuấn	C K63.TCNH1	4,5	23019		Tuấn	
61	1626	223430376	Nguyễn Ngọc Tuấn	C K63.TCNH1	6,8	23008		Tuấn	
62	1627	223430377	Dương Văn Tùng	C K63.TCNH1	2,3	23019		Tùng	
63	1628	223430378	Phạm Thanh Tùng	C K63.TCNH1	4,0	23023		Tùng	
64	1629	223430379	Đặng Thị Ánh Tuyết	C K63.TCNH1	7,8	23013		Tuyết	
65	1630	223430382	Trần Ngọc Ước	C K63.TCNH1	9,5	23008		Ước	
66	1631	223430380	Hoàng Phương Uyên	C K63.TCNH1	7,5	23023		Uyên	
67	1632	223430381	Lê Thị Nhã Uyên	C K63.TCNH1	2,0	23021		Uyên	
68	1633	223430383	Võ Thị Thu Vân	C K63.TCNH1	5,0	23019		Vân	
69	1634	223430385	Doãn Khánh Vy	C K63.TCNH1	6,5	23023		Vy	

Tổng số bài thi : 66

Tổng số tờ giấy thi :

Hà Nội, ngày 07 tháng 7 năm 2023

Hai giáo viên chấm thi

Trưởng bộ môn

Người lập bảng

Bùi Hương M.P. Bình

PGS.TS. Trần Văn Long

Nguyễn Thị Minh Hiền

Ghi chú:

- Ghi đầy đủ ký hiệu điểm đặc biệt theo qui định (nếu có)
- Bộ môn nộp điểm chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày thi cho Phòng Đào tạo Đại Học và các Khoa, Viện có liên quan
- Sinh viên có điểm quá trình bằng 0 nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HL
- Sinh viên bị gạch tên do nợ học phí nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HP